16° Indoch 839

Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

VAN HAVERE 1955

TỪ - LÂM

NGUYỄN-XUÂN-NGHỊ

Tirage 1 mille
Hanoi, le 11-8-52
N° 2218

LƯỢC KHẢO VỀ MỸ-THUẬT VIỆT-NAM

TỦ SÁCH HỌC-THUẬT

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

XUẤT-BẢN

829

Sách này, do ô. Từ-Lâm Nguyễn-xuân-Nghị biên-soạn, Quốc-Học Thư-Xã Hanoi xuất-bản, in tại nhà in Thụy-Ký 98 phố Hàng Gai Hanoi, ngoài những bộ in giấy thường, có in riêng trăm bộ giấy bouffant và ba mươi bộ giấy « lệnh chỉ » thượng hạng

Từ nhà kho Quán Ven Đường

TỪ - LÂM
NGUYỄN-XUÂN-NGHỊ

LƯỢC-KHẢO VỀ
MỸ-THUẬT VIỆT-NAM

國學社

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DES IMPRIMÉS R.F.

3175

TỦ SÁCH « HỌC-THUẬT »

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ
XUẤT BẢN

160 Indoch.
839

MẤY LỜI NÓI ĐẦU
CỦA NHÀ XUẤT BẢN

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 2818

ĐÂY là một tập gồm năm bài diễn-văn của ông Từ-Lâm Nguyễn-xuân-Nghị. Nguyễn-quân, một kiến-trúc-sư du-học ở Pháp về, hiện tòng-sự tại bộ Công-tác Huế, khỏi phải giới-thiệu nhiều lời, đồng-bào ta cũng không còn lạ. Năm bài diễn-văn này từ năm 1936 tới nay, Nguyễn - quân đã lần lượt cho ta nghe hết bốn, hoặc tại hội quán hội Trí-tri Hanoi hoặc tại hội-quán hội Quảng-tri Thần-kinh. Ở đâu Nguyễn-quân cũng tỏ ra là một nghệ-sĩ, hơn thế một học-giả khoác áo hùng biện gia, ở đâu Nguyễn-quân cũng được hoan-nghênh nhiệt liệt, dù đầu-đề nói chuyện đều rất khô-khan. Người ta nhận rằng mấy thiên diễn văn này đều là những công-trình khảo-cứu nghệ-thuật, văn-học và lịch-sử, tính-cách, giá-trị

vượt qua phạm-vi giảng-đường và giới-hạn thời-sự. Bởi vậy, theo lời yêu-cầu của một số đông thính-giả đã được hân-hạnh nghe ông Từ-Lâm nói chuyện, Quốc-học thư-xã xin phép Nguyễn-quân đem ấn-hành, mong góp thêm chút tài-liệu vào nền Quốc-học và giúp cho sự học-vấn của quốc-dân, tưởng cũng không phải là một việc vô-ích vậy.

Hànoi ngày 1er Mai 1942

LÊ-VĂN-HÒE

Giám-đốc Quốc-học thư-xã

kính tựa

LƯỢC-KHẢO VỀ MỸ-THUẬT VIỆT - NAM

ĐẠI-CƯƠNG VỀ MỸ-THUẬT NƯỚC NHÀ TRONG HAI THỜI-KỲ CHỊU ẢNH-HƯỞNG MỸ-THUẬT TRUNG-HOA VÀ ÂU-TÂY

(Bài diễn-văn ở hội Trí-Tri Hà-Nội ngày 13 Août 1937 —)

I

Thưa các ngài,

HÔM nay tôi đem câu chuyện « đại cương về *Mỹ-Thuật nước nhà trong hai thời-kỳ chịu ảnh hưởng mỹ-thuật Trung-Hoa và Âu-Tây* », ra hầu chuyện các ngài, kể cũng quá « bạo » ! Nhưng tính bạo há chẳng phải là một tính mà thanh-niên ta ngày nay cần phải có ?

Câu chuyện hôm nay tuy có tính-cách khảo-cứu, nhưng thực tôi chỉ ra công chép nhặt : rút một đoạn ở sách này, trích một chương ở sách kia, xếp-đặt lại cho có thứ-tự, rồi chua thêm mấy ý-kiến sơ-thiển ; ấy là « then chốt » câu chuyện hôm nay !

Còn nội-dung câu chuyện hôm nay thời phần nhiều về hội-họa và điêu-khắc.

Thưa các ngài, trước khi nói về mỹ-thuật nước nhà, tôi xin dựa theo ý mấy nhà viết sử-ký Âu-Tây, nói qua về cỗi rễ mỹ-thuật của loài người.

Từ khi trái đất có loài người, thời người ta đã phải theo ngay một luật-lệ chung : ăn, uống, kiếm thức che thân, tìm nơi ẩn-núp khi mưa nắng. Tìm thức ăn như hoa quả, thời chỉ trèo lên cây hay vin cành cây xuống mà hái ; Nhưng muốn ăn thịt các thú chạy trong rừng, các loài cá bơi dưới nước thì khó ! Người thượng-cổ liền kiếm gậy, lấy đá làm dìu ; lấy xương con vật đã chết, làm dao để săn các thú vật. Còn cá thời họ chưa biết câu, nhưng biết lấy đá ném, lấy cành cây nhọn mà lao. Rồi dần dần họ biết mài đá cho nhẵn (époque de la pierre polie), và khắc lên ở cửa hang, những vạch ngang, vạch dọc, vạch cong, rồi lần lần biết đục trạm cho ra những hình con vật sống ở thời-đại ấy..

Nhà khảo-cứu *Salomon Reinach* nói rằng : « Ta có thể so-sánh sự tiến-hóa về mỹ-thuật của người thượng-cổ với trẻ - thơ ở thời - đại văn-minh hiện-tại : Trẻ thơ thích vẽ những hình ngay ngắn, đối nhau (symétrie)

rồi thích tô thuốc, và vẽ những vạch nọ trồng lên vạch kia (juxtaposition et l'enchevêtrement des lignes); khi mới tập vẽ, *t*hời nguệch - ngoạc những hình thú vật, rồi mãi sau mới tới thời-kỳ chúng nó vẽ người ta và cây cối. »

Nay tôi xin bỏ cách quãng từ đời người thượng-cổ biết vẽ, biết nặn; nói thẳng ngay đến thời kỳ nước nhà chịu ảnh-hưởng của văn-minh Trung-Hoa.

Câu chuyện mỹ-thuật cũng viển-vông, cũng bát - ngát bao - la như câu chuyện văn-chương!

Nhưng xin tóm tắt mấy điều sau đây để, nhập đề: Từ thế-kỷ thứ II trước Thiên-chúa, hán-học truyền sang nước ta, rồi dần dần về sau các ông lương-lại Tầu: Nhâm-Diên Tích-Quang, Sĩ-Nhiếp sang cai-trị và mở mang, thời không những ta chỉ học Hán-tự mà thôi, còn hết sức hấp-thụ văn-minh của họ nữa. Bởi vậy mọi việc nhất-nhất ta đều theo Tầu. Cho nên những bức tranh của ta vẽ ngày xưa để lại chẳng khác gì những bức tranh của Tầu. Mà lạ nữa, hồi bấy giờ một nhà họa-sĩ nào, được tiếng khen là « chấm sơn-thủy như người Tầu » thời danh-giá vô chừng!

Trái lại, ngày nay các nhà họa-sĩ cùng học một trường, mà lúc phô-bầy những bức tranh trong một phòng triển-lãm, ta đều thấy mỗi họa-sĩ có một lối vẽ riêng, cố tỏ nét vẽ mình khác người, khác... đời ! Bởi vậy những « tay xành » có thể không cần nhìn chữ ký, cũng đoán được bức tranh này là của nhà họa-sĩ nào.

Khi xưa không những ta bắt chước Tầu từ lối vẽ, lối pha thuốc mà đến cách thức xếp đặt cùng ý-nghĩa một bức tranh đều nhất-nhất theo một khuôn phép sẵn sàng, và nhiều khi có điển-tích nữa. Thí-dụ :

Một bức tranh vẽ một con cò đang mắc mỏ ở miệng con trai, đằng sau một ông lão câu cá đang dơ tay định bắt lấy. Bên góc bức tranh chua một câu thơ « *Bạng duật tương trì, ngư ông đắc lợi tiếu hi, hi* ! »

Thời trong sách *Chiến-Quốc* hay « *Trường đoản - thư* » của Lưu - Hướng đời Hán, có điển-tích sau này :

Nước Triệu toan đánh nước Yên, Tô-Tần vì nước Yên, sang nói với vua nước Triệu là Huệ-Vương rằng :

Vừa rồi tôi đi qua trên bờ sông Dịch-Thủy, tôi trông thấy con trai đang hả miệng phơi mình ở trên bãi, có con cò đâu đến, mổ ngay vào thịt trai. Trai liền ngậm miệng,

cắp chặt lấy mỏ cò. Cò nói: « Hôm nay không mưa, ngày mai không mưa, thế nào trai cũng phải chết. » Trai nói: « Hôm nay không rút được mỏ, ngày mai không rút được mỏ, thế nào cò cũng phải chết. » Hai bên găng nhau, chả ai chịu ai, bỗng đâu có người đánh cá đi qua, trông thấy bắt được cả trai lẫn cò..

Nay nếu nước Triệu đem quân sang đánh nước Yên, nước Yên tất phải chống lại Hai bên đánh nhau lâu, hại người tốn của, chắc là suy-yếu cả — tôi e nước Tần thừa cơ ấy, đem quân chụp chiếm cả hai nước như người đánh cá bắt được cả trai lẫn cò, thì lúc bấy giờ hối cũng không kịp. Dám xin nhà vua thử nghĩ kỹ, lại xem. »

Huệ-vương cho là nói phải bèn đình việc đánh Yên. »

Bức tranh trên này là kể vào hạng « *Bách-cổ* », nghĩa là về hạng căn-cứ về những điển-tích cổ. như « *bát tiên quá hải*, *Tam anh chiến Lã Bố*...*Tô đông Pha du Xích bích* v.v... Hạng tranh « *Bách-cổ* » đến hạng tranh « *Cổ-điển* », họa-sĩ mình cũng cứ theo một khuôn phép cũ:

Như *Mai hạc* (hạc đứng bên cây mai); Nếu bên cây mai, vẽ một loài chim khác thời lại gọi là « *mai điểu* ». Theo ý rộng

hơn, nghĩa là vẽ « chim với cành hoa », thời gọi là « *Hoa điểu* ».

Bướm vẽ với cây lan, cây cúc, với quả dưa, thành những bức : *lan-điệp, cúc-điệp, qua-điệp.*

Có một điều lạ, là họ không bao giờ vẽ voi với cây trúc, hổ với cây ngô-đồng, phượng - hoàng với cây chuối chẳng hạn.

Nếu ai vẽ như vậy, thời sẽ bị coi như người không biết « *Cổ điển* » và sẽ bị chê-bai là « bôi nhọ mỹ - thuật », vì voi thời phải vẽ với chuối (*tiêu tượng*); hổ phải vẽ bên cây trúc (*trúc hổ*) ; và phượng thời phải đậu trên cây ngô-đồng (*ngô đồng phượng*).

Ngoài những bức tranh kể trên, ta còn thấy :

Chim én bay trên ngọn trúc (Trúc yến)
Vịt bơi cạnh khóm hoa sen (Liên áp)
Hạc kiễng một chân đứng nghỉ bên cây thông (Tùng hạc)
Chim trĩ núp dưới cành mẫu đơn (Đơn-trĩ)
Đàn gà kiếm ăn trên khóm ngô khoai (kê-cốc)
Hươu đứng bên cây tùng (tùng lộc)
Ngựa cất đầu nhìn cây liễu (mã liễu)
Đàn chuột đang dầy vò mấy quả lựu (lựu thử)

Mấy con dê be be bên cành lê (lê dương)
Sóc đang nhấm chùm nho (nho sóc)

* * *

BÂY giờ tôi xin nói đến mấy bộ « *tứ bình* » trọn bộ bốn bức, mà phải treo bốn bức thời mới đủ nghĩa :

Bốn bức « *tứ hựu* » hay « *tứ qui* » thời một bức vẽ một khóm *Lan* với những cành lá dẻo mướt, chen bên mấy dò hoa yểu-điệu, một bức vẽ một gốc « *Mai* » già-dặn với những bông hoa xinh xắn ;

Một bức vẽ mấy khóm « *Cúc* » với những chùm lá giáng đẹp, những bông hoa mới nở, chen thêm mấy chiếc nụ hàm-tiếu ;

Một bức chấm một khóm « *Trúc* », thân cây vừa cao vừa ẻo-lả, cây nọ dựa cây kia, ngả nghiêng theo chiều gió...

Bộ « *Tứ thời* » nghĩa là tả « *Bốn mùa* » thời cành « *Mai* » tiêu-biểu mùa xuân ;« *Hoa sen* », mùa hạ ; « *Cúc* », mùa thu ; « *Tùng* », mùa đông.

Chỗ này, ta nghiệm thấy tâm-hồn các nhà thi-sĩ, họa-sĩ nước nhà giống nhau. Tiên-điền tiên-sinh viết chuyện Kim-Vân-Kiều có câu :

Sen tàn cúc lại nở hoa, cũng tả *sen tàn* là qua mùa hạ, « *cúc lại nở hoa* » là bắt đầu sang mùa thu.

Câu : « *Đào đà phai thắm, sen vừa nẩy xanh* » cũng tả cảnh « xuân qua hè tới ».

Lại câu :

Sân ngô cành bích đã chen lá vàng
Giậu thu vừa nẩy giò sương...

Tiên-điền tiên-sinh không nói đến « *cúc* », mà ta đọc hai tiếng « *giậu thu* » cũng phải hiểu là cái giậu chắn ngang, có giống mấy cây cúc. Như vậy ta đủ biết « *cúc* » thay cho « mùa thu » đều được ai ai cũng công nhận.

Thi-sĩ Thúc-Giạ trong một bài thơ nhan là « Chờ bạn » có câu :

Thạy đổi cúc vàng, mai lại trắng
Hẹn hò sen thắm, liễu còn xanh

Trong hai câu thơ này Thúc-Gia tiên-sinh nói đến cả bốn mùa, cũng dùng cúc tả mùa thu, mai mừa xuân, sen mùa hạ ; chỉ riêng có mùa đông là tiên-sinh lấy cây liễu thay cho cây tùng. Phải chăng là tiên-sinh thấy cây liễu lơ-thơ buông mành mà nghiệm thấy như một cô tiểu-thư đang rét mướt, lạnh-lẽo, nên lấy cây liễu tiêu-bầu mùa đông? thật cũng như hệt vậy.

Một bộ từ-bình khác, thời một bức chấm : Một ông lão, ngồi đầu mũi thuyền đang bình tĩnh câu cá.

Một bức vẽ một người đang gánh trên vai hai bó củi khô ;

Một bức vẽ một người quần áo sắn gọn gàng đang cầy ruộng với một con trâu mạnh mẽ ;

Một bức nữa vẽ một cậu cưỡi trên mình trâu đang vui vẻ thổi sáo.

Bốn bức này gọi là : « Ngư, tiều, canh, mục »; cũng có nhà họa-sĩ thấy cạnh bức tranh vẽ người và trâu đang cầy ruộng, lại treo một bức vẽ một cậu bé cũng cưỡi trâu, liền đổi bức tranh vẽ mục-đồng mà vẽ một người học-trò đang học, hay đang viết thay vào.

Bốn bức như vậy lại thành : *ngư tiều canh độc*.

Một bộ tứ-bình nữa, cũng thông-dụng lắm là một bộ vẽ bốn năm nàng tiên đang gẩy đàn, đánh cờ, làm thơ hay ngồi vẽ. Tức là bộ : *Cầm, kỳ, thi, họa*.

Treo bốn bức tranh này trong nhà, có ngụ ý là muốn tỏ nhà mình là nhà thế-phiệt, vì « cầm, kỳ, thi, họa » là cái đặc-tính nhàn - hạ của người thượng - lưu khi xưa ;

Thế cho nên Tiên-điền tiên-sinh muốn tả nàng Kiều là người đủ mọi điều tài-hoa, và giòng dõi trâm-anh, đã viết :

Đòi phen, nét vẽ, câu thơ
Cung cầm trong nguyệt, nước cờ dưới hoa

Trong truyện Nhị-độ-mai cũng có câu :

Đàn trước gió, rượu trên hoa
Câu thơ trong tuyết, cuộc cờ dưới giăng

Ông Nguyễn-công-Trứ cũng ngâm rằng :

Đàn năm cung giéo-giắt tính tình đây
Cờ đôi nước rập-rình xe ngựa đó ;
Thơ một túi phẩm-đề câu nguyệt lộ
Rượu ba chum tiêu sái cuộc yên-hà.

Thật là thi-sĩ, họa-sĩ nước nhà cùng chung một tâm-hồn.

Còn một hạng tranh nữa, mà họa-sĩ có thể tự-do phá nét, thu gọn trời đất, nước non vào trong một bức tùy theo khổ giấy to nhỏ. Ấy là những bức tranh « *sơn-thủy* » nghĩa là có núi và nước. Nhưng nếu vẽ thêm nhà cửa, tháp, lâu-đài hay « *lác-đác bên sông chợ mấy nhà* » thời người ta lại gọi là « *Sơn-đình* ».

* * *

Nay tôi xin nói qua về hình thức những bức tranh của người Tầu. Người Tầu khi xưa thường hay vẽ lên lụa, lên giấy, và hay dùng thoi mực đen mài ra, gọi là lối « *thủy mặc* » còn về thuốc thời dùng các thứ phẩm, mà lúc vẽ thường hay « phá nét », đặt bút xuống thời không do-dự nữa, cứ theo cái

« mẫu » vẽ sẵn trong trí mà tung-hoành lăn lộn ngọn bút đẫm mực hay đẫm nước thuốc lên tờ giấy hay tấm lụa. Nên có người nói rằng : Người Tầu tập viết chữ chính là tập vẽ, vì vậy phần nhiều ai viết chữ tốt thời vẽ giỏi.

Biết phân-biệt chữ tốt của người Tầu không phải là dễ, nên nhận thấy cái đẹp của bức tranh Tầu thật là khó ! Còn về hình giáng những bức tranh, thời người Tầu hay vẽ những bức tranh có hai trục hai đầu treo thẳng từ trên dữ xuống (giống như lối *Kakemono* (1) của người Nhật) ; Hay là vẽ những bức tranh nho nhỏ để lồng khung kính (lối này người Nhật gọi là *Gaku* (2)) còn lối ngang và cũng có hai trục hai đầu, lối này không treo được, chỉ cuốn lại, khi nào xem đến mới rở ra. Lối này người Tầu ít dùng. (Trái lại người Nhật hay dùng và gọi là *Makemono* (3)

Nay tôi xin nói qua đến những bức tranh có tính-cách huyền-bí !

Bức tranh vẽ mà cũng có tính - cách huyền-bí, thật là người ta thích sống trong

---

1) Kakemono = 掛懸物 (quải huyền vật)
2) Gaku = 額 (ngạch)
3) Makemono = 卷物 (quyển vật)

mộng - tưởng, dễ tin điều dị - đoan, hay ưa đặt ra những truyện dị-kỳ ! Các ngài hãy nghe câu chuyện một nhà thờ tranh « *đức Thánh-Quan* », gặp lúc trong nhà có người đau nặng, thuốc thang mãi không khỏi, sau xem quẻ bói người ta bảo rằng « có tà làm ». Chủ nhà liền làm lễ khấn đức Thánh-Quan cứu cho khỏi. Quả-nhiên hôm sau bệnh-nhân khỏi dần. Rồi họ nói rằng trên bức tranh thờ, người ta thấy thanh long - đao ông Châu - Xương cầm đứng hầu bên Ngài, có vết điểm đỏ, người ta tin rằng đấy là Ngài đã giết tà nên thanh long-đao còn dây máu.

Tiếp câu chuyện trên, xin hiến các ngài một câu chuyện cổ-tích của người Nhật, cũng có tính-cách huyền-bí :

Trong một ngôi đền có treo một bức tranh vẽ một con ngựa đen của nhà họa-sĩ Kanaoka (thế-kỷ thứ IX). Từ ngày treo bức tranh ấy thời những vườn cây ở vùng ấy thường hay bị một con vật nào đến phá - hại. Một bữa người ta rình, thời người ta thấy hút bóng một con vật đen, liền đuổi theo, thấy con vật ấy chạy vào một ngôi đền. Lúc vào đền thời không thấy gì cả, nhưng có người để ý đến bức tranh con ngựa đen của Kanaoka

vẽ, thời thấy hình con ngựa đen ấy toát mồ-hôi ra giáng mệt-nhọc như vừa bị đuổi ! Một người tức giận mới lấy bút mực vẽ ngay lên bức tranh ấy một cái thừng buộc con ngựa đen ấy vào một cái cọc ! Từ đấy người ta không thấy con ngựa đen ra phá mùa màng nữa !

Còn câu chuyện sau này : Nhà danh-họa Sesshus (sinh năm 1420 mất năm 1506). khi còn nhỏ làm « *tiểu* » ở một ngôi chùa, tính ham vẽ, nên nhãng cả việc kinh-kệ. Một lần bị phạt, phải trói vào cột chùa, Sesshus nức nở khóc ; khóc chán rồi, anh chàng « mê vẽ » mới lấy nước mắt vẽ lên thềm nhà mấy con chuột con ; vẽ xong tự nhiên những con chuột vừa vẽ hóa thành chuột thật chạy lại cắn giây trói cho Sesshus !

Sư-trưởng tại chùa ấy thấy vậy mới tha Sesshus và từ bấy giờ cho Sesshus tự-do học vẽ, quả nhiên về sau Sesshus trở nên một nhà họa-sĩ có tiếng ở nước Nhật về thập ngũ thế-kỷ.

Cho nên ngày xưa người ta tin rằng : vẽ một bức tranh mà giống hệt sự thực thời bức tranh ấy có thể cử-động được như có thần-hồn vậy.

Thưa các ngài, tôi đã kể đại-cương các

bức tranh ta đã vẽ theo Tầu, bây giờ xin nói đến qui-lệ ta lĩnh hội của Tầu về trang hoàng mỹ-thuật.

Trước hết xin nói đến những hình giản-dị người ta thường dùng để « *che kín* » những chỗ trống trải (*remplissage*) hay làm lần « *lót* » (*Jeu de fond*).

Như hình :

Mặt võng (hình quả trám) ; *kim qui* (hình lục giác) ; *kim-qui thất-thể* (tức là hình như mảnh sành rạn); *Bông thị* (cánh nhỏ và dài) : *Bông đào* (bốn cánh); *Bông mai* (năm cánh) ; *Bông chanh* bốn cánh nhớn bốn cánh nhỏ) *hồi-văn chữ vạn* (卐) ; *chữ công* (工) ; *chữ nhân* (人); *chữ á* (卍).

Trên những hình lót kể trên, người ta thường khắc những hình như :

Tam-sự nghĩa là một cái đỉnh với hai cái lọ cắm hương ; *Ngũ-sự* nghĩa là một cái đỉnh, hai cái lọ cắm hương và hai cây đèn.

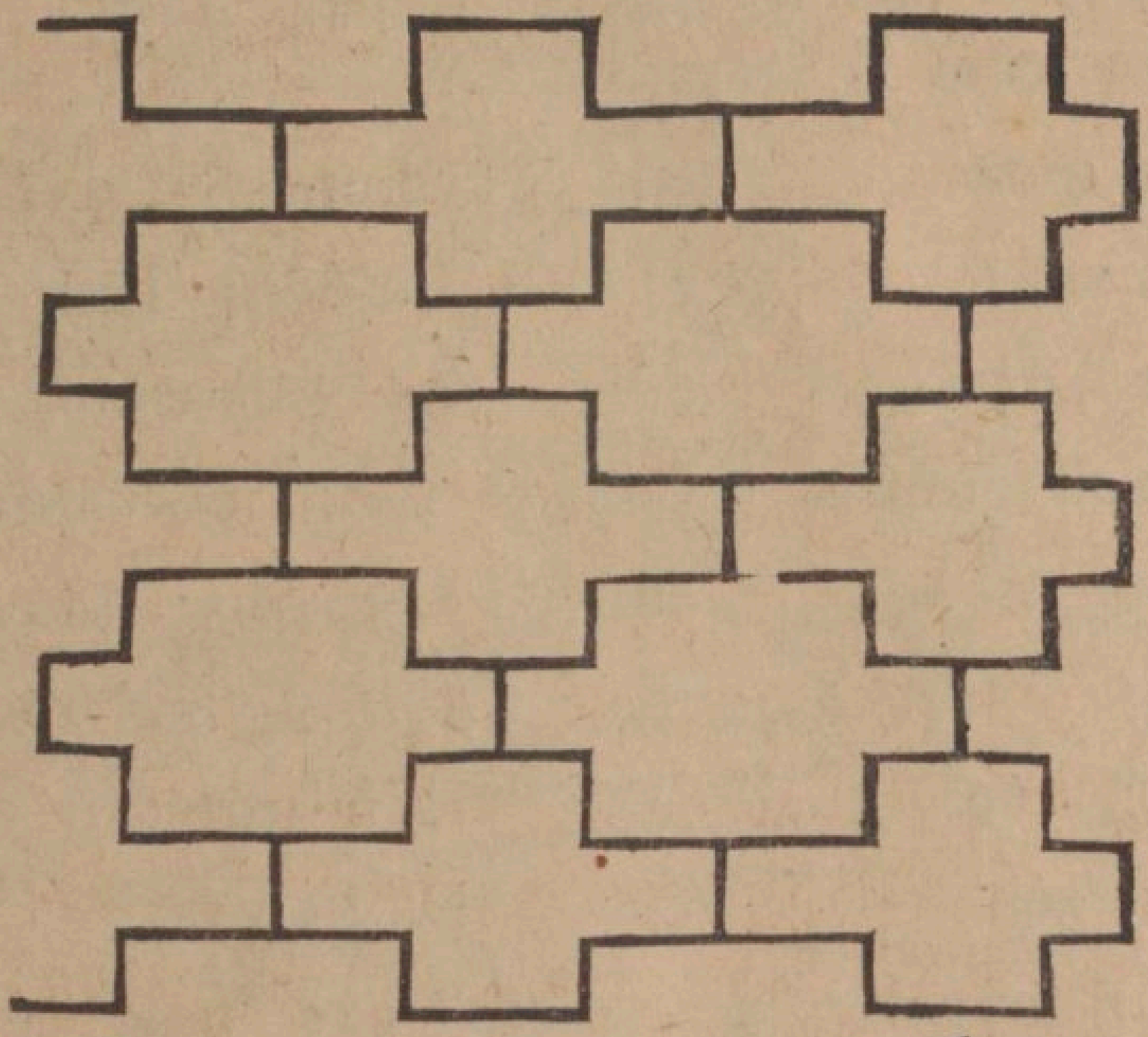
Bát bửu thời có :

Pho sách, cuốn thư, lẵng hoa, bầu rượu, đàn tỳ, cái quạt, phất trần cây như-ý (1).

Ông *Bushell* trong cuốn « *L'art chinois* »

---

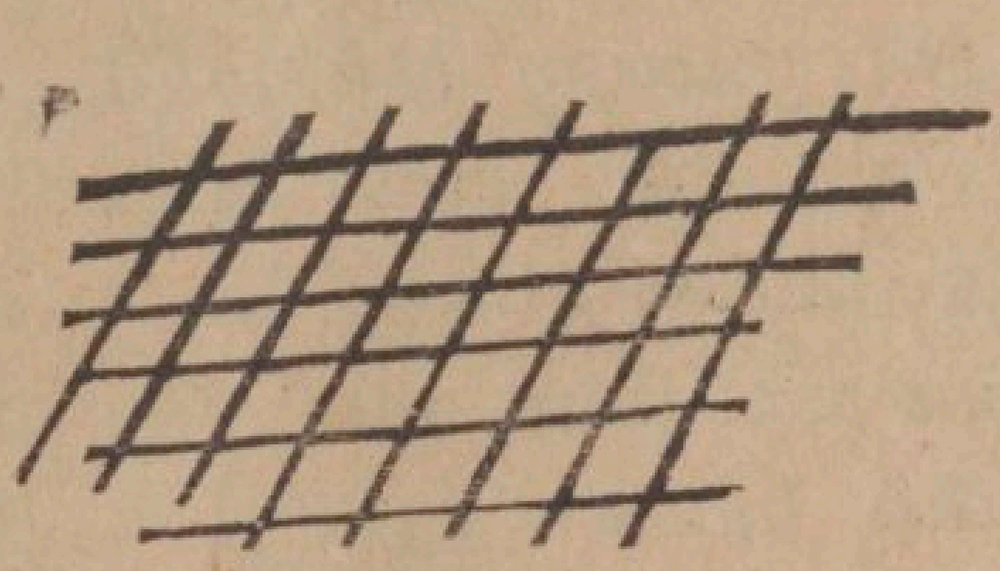
1) — Cây « như ý » là thức người Tầu đặt ra để tặng nhau ; thức ấy dài độ bằng cái quạt làm bằng gỗ trầm hay bằng ngọc, bằng vàng thân uốn cong ; đầu có bình một cái nấm Chi ba tai



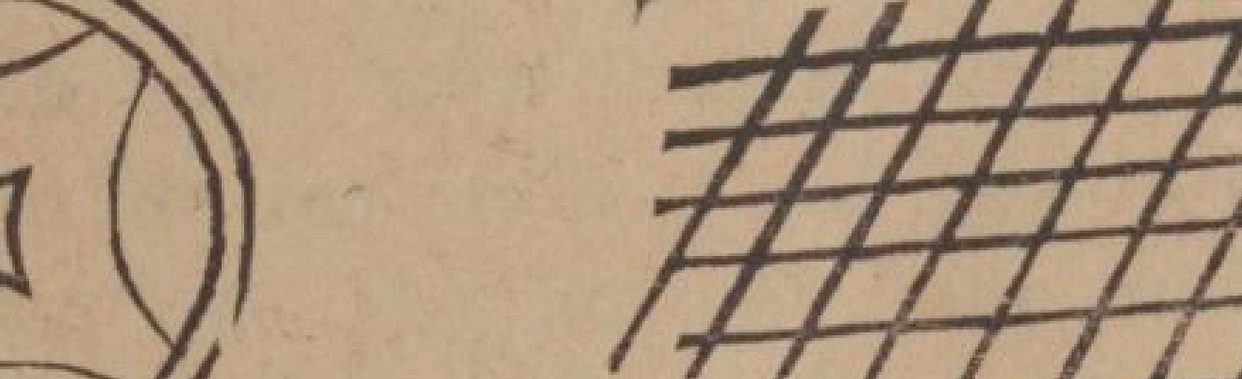
Hồi-văn chữ Á (亞)



Kim-tiền



Hình mặt võng



Hồi-văn chữ Công

có chép « *bát bửu* » là những thức tám vị tiên cầm ở tay :

Cái quạt	của	Chung-ly-Quyền (2)
Đôi xênh	của	Lã-đồng-Tân
Bầu rượu	của	Lý-thiết-Quài
Thanh gươm	của	Tào-quốc-Cữu
Lẵng hoa	của	Lam-thái-Hoà
Gậy	của	Trương-quả-Lão
Ống tiêu	của	Hàn-tương-tử
Hoa sen	của	Hà-tiên-Cô

Đoạn này tôi xin phép các ngài chua thêm một câu sau này cho thêm vui :

Trong truyện « Kiều », Từ-Hải lúc cưới Kiều cũng sắm-sửa cho nàng lịch-sự lắm :

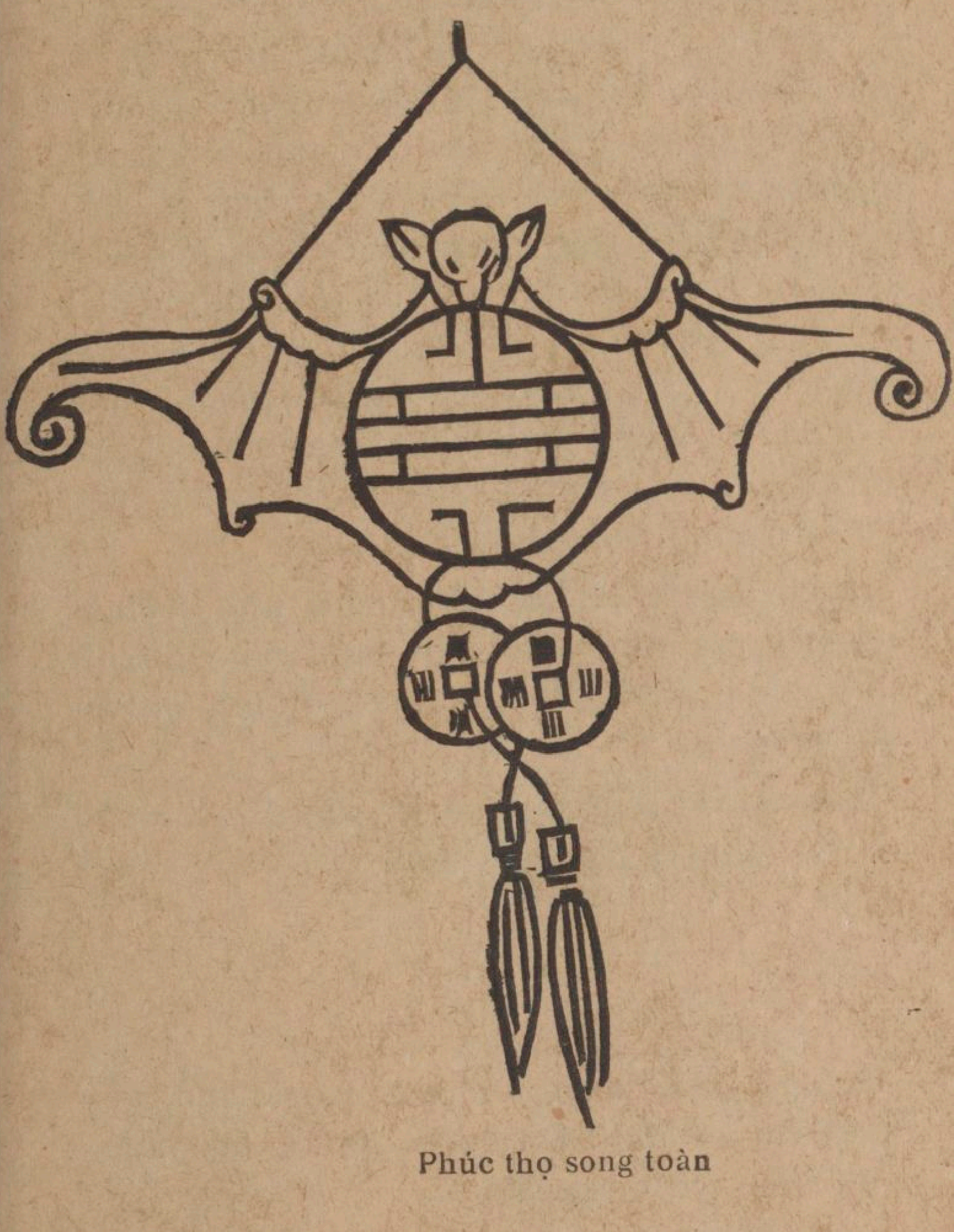
Đặt giường thất bảo, quây màn bát tiên.

Tôi đọc câu Kiều trên cốt để các ngài không những để ý đến cái diềm màn thêu bát-tiên, mà đến cả cái sập gỗ trạm « *thất bảo* »

Trên ta đã biết bát-bửu là những thức gì, nay nói đến « *thất bửu* », nếu ai nông-nổi thời đã vội tin là « *bát bửu* » trừ đi một thức, thì thành ra « *thất bửu* » ; Nhưng không phải. Thất bửu đây là bẩy thức quí :

---

2) Cũng có sách chép Chung-ly-Muội.



Phúc thọ song toàn

San-hô, hổ-phách, xà-cừ, mã-não, sinh-kim, trân-châu và vân-mẫu.

Nay tôi xin nói qua về những hình xếp lại mà có ngụ ý một câu chữ nho ; nghĩa là trên một bức hoành chẳng hạn trên có một *con giơi* ngậm một *chữ thọ*, dưới chữ *thọ* có đeo hai *đồng tiền*, thời người xếp những hình ấy có ý thay cho bốn chữ « *Phúc, thọ, song toàn* » vì rằng chữ thọ thời không cần nói đến nữa, còn con « *giơi* » thay cho chữ « *phúc* », hai « *đồng liền* » là « *song tiền* », thay cho hai chữ *song tuyền* ». (Đặt dựa theo lối chữ nôm hay là Hài-Thanh trong Lục Thư).

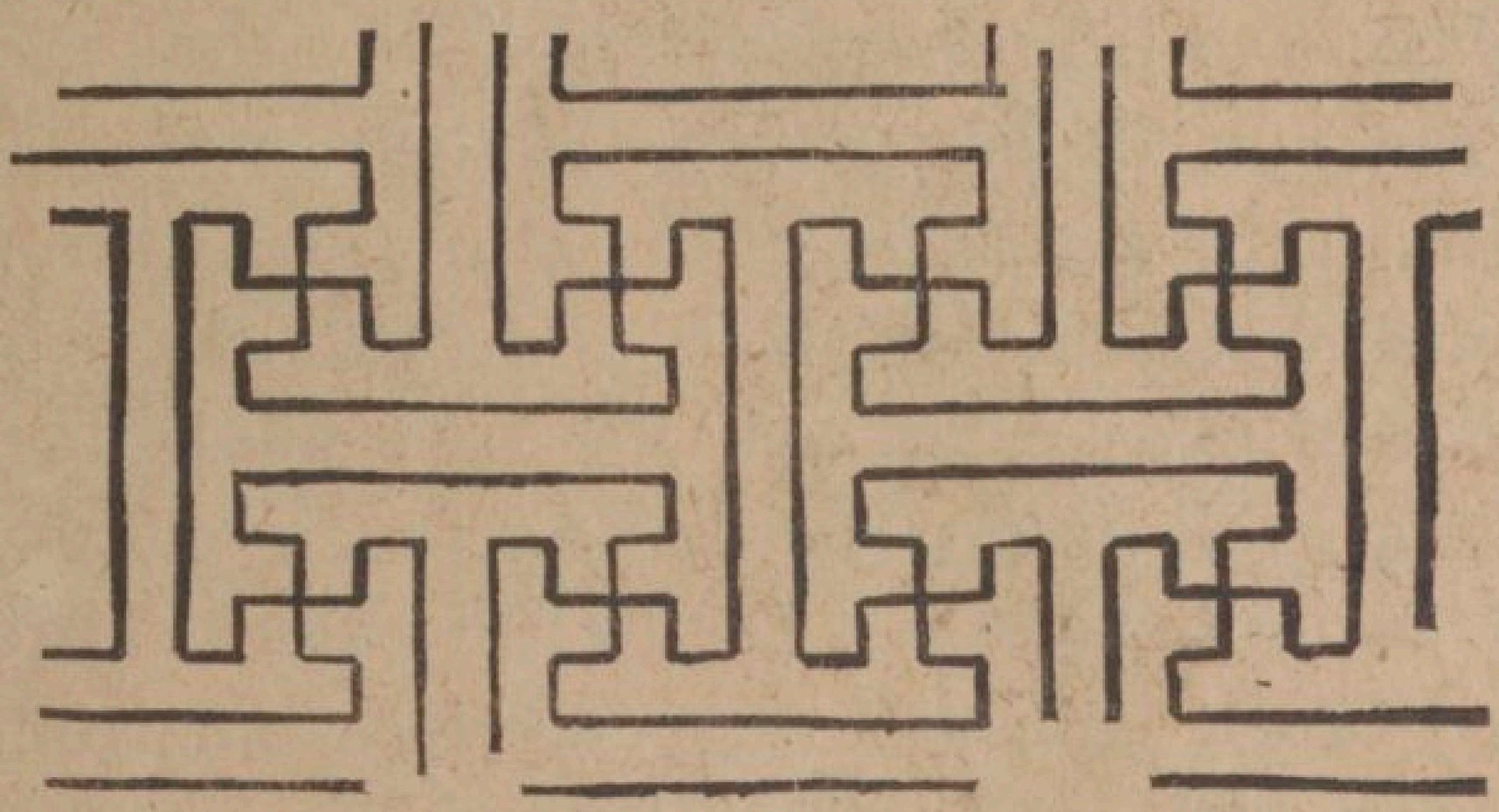
Hoặc họ xếp những cái lọ (chữ nho là *bình*) và một cây như-ý để trên một cái giá (chữ nho là *án*), thời có nghĩa là : « *bình an như ý* ». (1)

Đại-cương như vậy mà họ xếp được nhiều câu ý-nghĩa thâm-thúy thay.

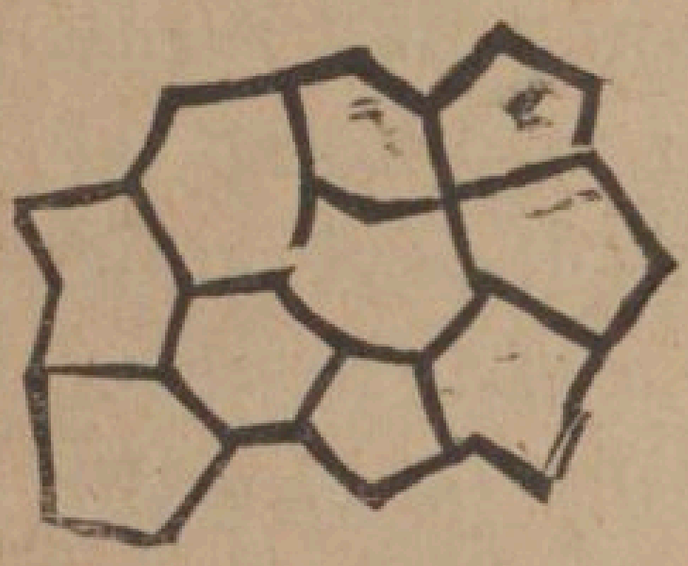
* * *

« Vua Tề xưa có hỏi một người thợ vẽ : « Vẽ cái gì khó ? ». Người thợ vẽ tâu rằng : « Vẽ trâu, vẽ ngựa khó. »

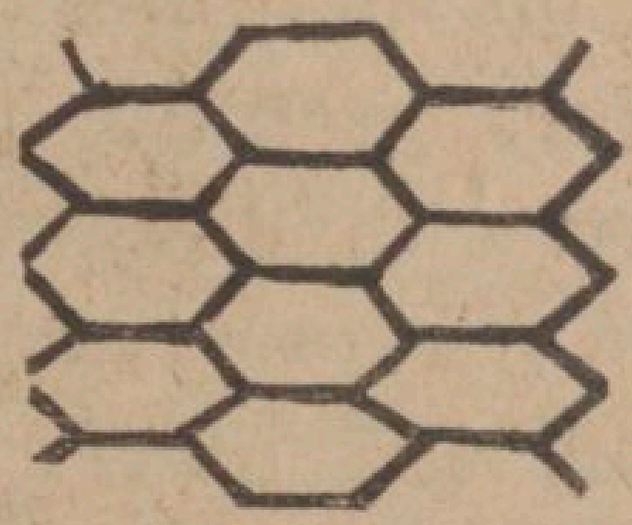
Nhà vua lại hỏi : « Vẽ cái gì dễ ? » Người



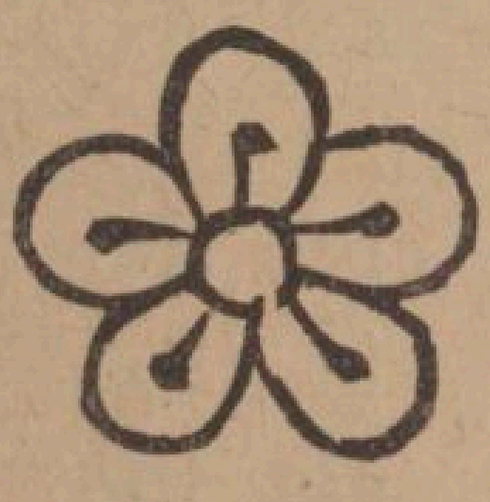
Hồi-văn chữ Vạn (卐)



Kim-qui thất-thể



Kim-qui



Hoa mai



Hoa đào

thợ vẽ tâu : « Vẽ quỉ, vẽ rồng dễ ». Nhà vua hỏi tại sao ; thời người thợ vẽ tâu rằng : « Trâu ngựa ai cũng trông thấy, vẽ mà không giống, thời người ta cười, cho nên khó vẽ. Quỉ, rồng có thể nói là ít ai trông thấy được, cho nên tuỳ ý muốn vẽ thế nào cũng được, không sợ ai bẻ cho nên dễ vẽ ! »

Ở nước ta khi xưa, cũng nhiều người nhiễm cái ý-tưởng chất-phác ấy, cho nên bảo vẽ hổ, vẽ voi, thời lưỡng lự ; bảo vẽ rồng thời vẽ ngay, vì họ sợ vẽ hổ không nên, thì bị mỉa mai là :

« *Họa hổ bất thành phản loại cẩu !* »

Hiện thời theo tây-học thời khác hẳn : Tuy rồng là một linh-vật, ngày nay không ai trông thấy, nhưng nếu một anh thợ vẽ vụng về vẽ một con rồng « *méo miệng* », bốn chân vẽ như « *có tật* » hay « *què khịu* » thì vẫn bị chê bai là « *Họa bất thành Long !* »

Nói chuyện đến rồng, nhân tiện nói qua về bộ tứ-linh : Long, lân, qui, phượng.

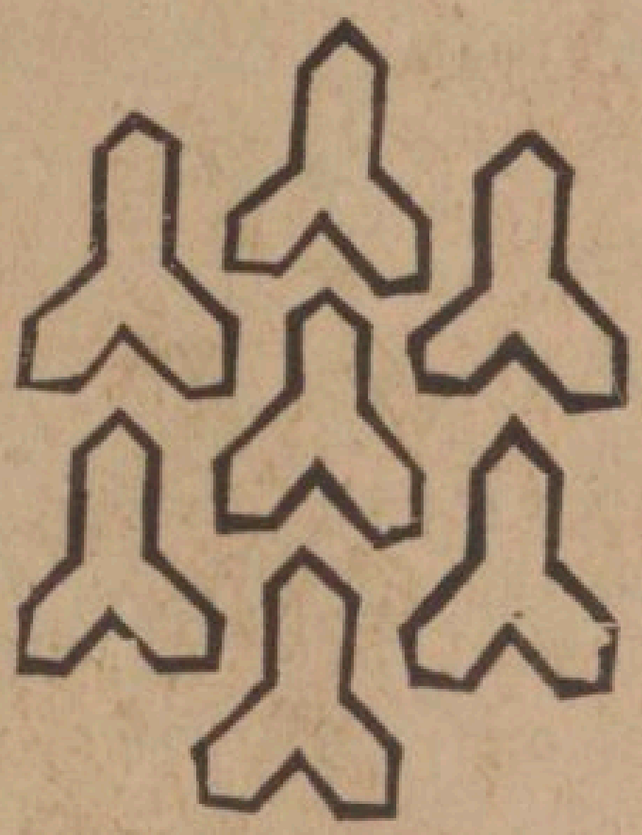
* * *

Trong tự-điển Tầu có tả hình con rồng như sau này :

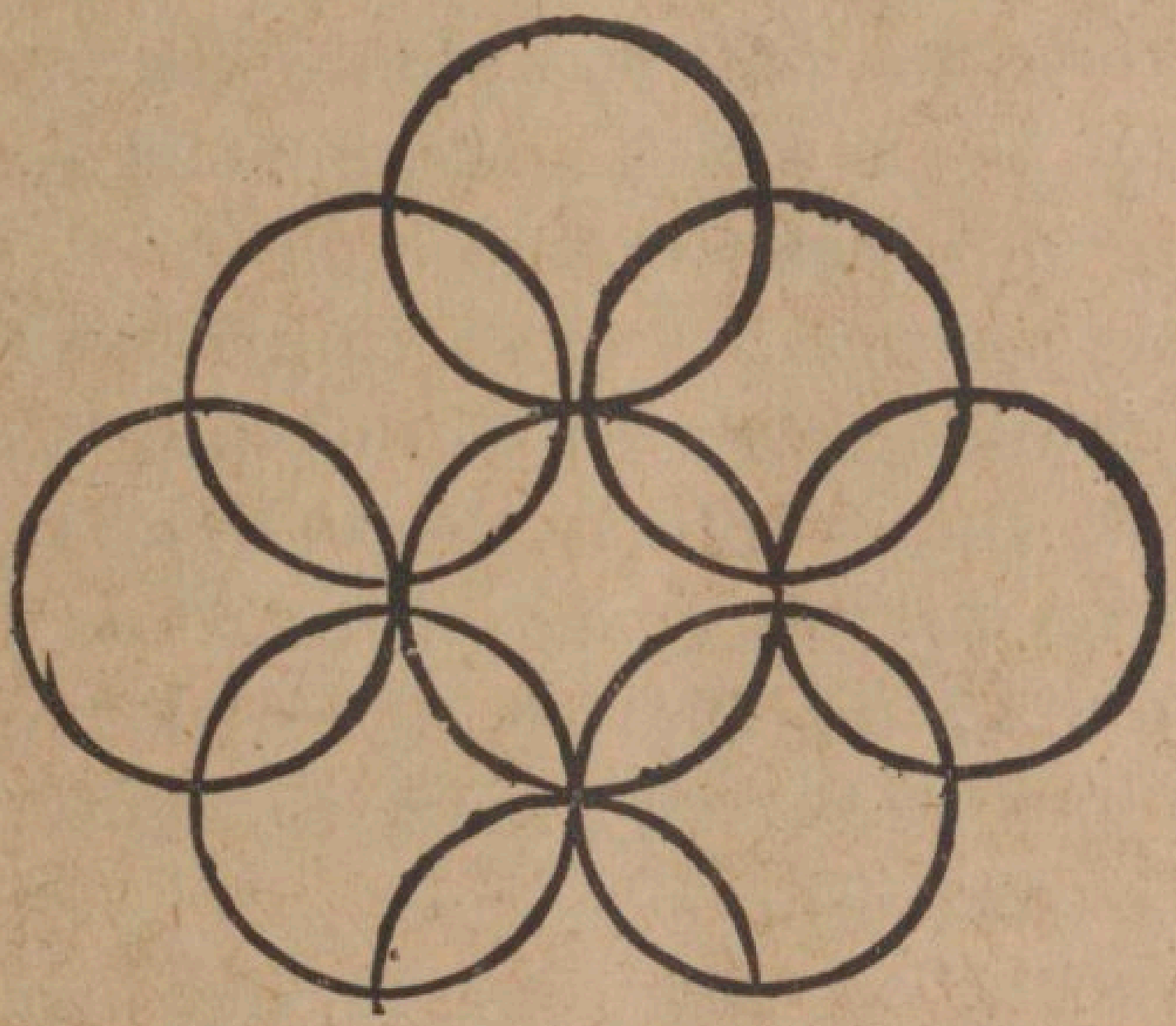
Rồng có sừng, như sừng hươu ; đầu thời giống đầu lạc-đà (?) ; mắt thật là mắt quái



Hoa chanh



Hồi-văn chữ Nhân



Hoa thị

vật ; cổ rắn ; bụng cá xấu ; có vẩy như vẩy cá ; có móng như móng diều-hâu ; tai như tai bò (?), nhưng rồng lại nghe bằng sừng (?)... Trong mấy câu tôi vừa kể đây có thể đánh được ba bốn cái dấu hỏi.

Nói chuyện « con rồng » nó viển-vông có lẽ hơn chuyện phong-thần, kiếm-hiệp... Nên tôi chỉ xin nói mấy điều thường-thức, như rồng thời tiêu - biểu nhà Vua Thiết-triều, Nhà Vua ngồi ngai trạm rồng, và mặc áo đại-triều thêu *rồng v. v...* Cung điện nhà Vua, thời trang-hoàng bằng : *Lưỡng-long chầu nguyệt*, *Lưỡng-long tranh châu* ; hay rồng có mây phủ chung-quanh, gọi là « *Long ẩn vân* », hay rồng cuốn nước với cá gọi là « *Ngư long hí thủy* »

Rồng phần nhiều vẽ cả con và nhìn ngang (*profil*) nhưng cũng có khi vẽ lối nhìn trước mặt (*de face*). Lối này thời thường trên trán có chấm ba nét ngang và một nét dọc (tả ba cái ngấn ở trán), có người đọc mấy nét ấy là chữ *vương* (王) cũng có người đọc là chữ *nhâm* (壬).

Trên tôi đã nói rồng là tiêu - biểu nhà Vua, nên mọi thức ngự-dụng đều có rồng (*xin nhớ là rồng năm móng*). Ngày xưa các quan đại-thần nếu muốn trang-hoàng nhà cửa bằng những hình rồng, thời phải

vẽ giản-dị, sơ-sài, vẽ một con vật gần giống con rồng mà thôi, có lẽ bởi vậy người ta lấy hình con « *giao* » mà thay cho con rồng.

Ông Paulus Của có viết : « Giao thuộc về loài rồng, nhưng không có sừng, người ta tin rằng con giao ở dưới đất, mà mỗi khi lên khỏi mặt đất, thời chỗ ấy thành hồ, thành sông. »

* * *

Kỳ-Lân. Theo tự-điển Tầu, thời *Kỳ* là con đực, *Lân* là con cái. Vậy Kỳ-Lân là một đôi chứ không phải một con. Người ta còn gọi là *Long-Mã* ; *Long-Mã* thời trỏ được cả con Kỳ, lẫn con Lân.

Theo cổ-tục Tầu thời người Thượng-Cổ rất trọng-đãi, qui mến giống *Kỳ Lân*, vì giống ấy không những chỉ ăn cỏ khô, mà còn không nỡ xéo lên những cây cỏ còn non. Giống-Kỳ-Lân coi như linh-vật, ai có phúc lắm, giống ấy mới tới hhà, vì vậy có câu « *Lân chỉ trinh tường* » và câu « *Kỳ-Lân tại thử* ».

* * *

Phụng-Hoàng-Theo tự-điển Tầu thời *Phụng* là con đực và *Hoàng* là con cái.

Giống phụng-hoàng tiêu-biểu nhà-Vua về nữ-giới, như Hoàng-Hậu thời mặc áo « *cửu-phụng* », đi giầy « thêu song *phụng* »... Trong lễ Ninh-lăng đức Phụ-Thiên thuần Hoàng-Hậu, những đòn kiệu tuyền lá « *đòn phụng* (chứ không phải đòn rồng.)

Ta nên để ý đến các đền, lâu đài... hễ trên nóc có đắp mấy con phụng thời đền ấy thờ một *vị nữ thần*, hay lâu-đài ấy là của một *bà chúa*.

Phụng tiêu-biểu cả tình phu-phụ, như truyện Phan-Trần có câu: « *Phụng-loan rầy gặp, phong vân phải tầm.* » Theo Tự điển Tàu, Loan là một giống chim tương tự chim Phụng, chỉ khác là mình có nhiều lông sắc xanh. Con cái gọi là Hòa.

Trong truyện Kiều cũng có câu:

Phỉ nguyền sánh phượng, đẹp duyên cưỡi rồng.

* * *

Quy (tức là con rùa). Người Tầu cho rằng loài Quy sống một ngàn năm, nên đáng qui, nhưng cũng có người không trọng vì họ tin là rùa chỉ có con cái chứ không có con đực, mà lại hay « *nằm chung ổ* » với loài rắn; cho nên khi xưa ở bên Tầu, hễ cửa ngõ nhà ai, mà người ta vẽ một con

rùa, tức là trỏ trong nhà ấy có người con gái hư, hay là « *gái chưa có chồng mà đã có con* »

Nhưng người ta vẫn cho « Quy » là linh-vật vì trên mai có hình bát-quái, nên rùa thường vẽ trên lưng có đeo « cỗ-đồ » (1)

Ngày nay có người lại cho là rùa tiêu-biểu cho sự chậm-chạp (vì có câu chậm như rùa bò) mà còn tiêu-biểu cho sự nặng-nề khó nhọc nữa, vì có câu :

Thương thay cho phận con rùa
Trên đình đội hạc, dưới chùa đội bia.

* * *

Ngoài bộ tứ-linh ra còn mấy con vật nữa cũng nên nói đến : con giơi tiếng chữ là « bức » (蝠) nửa chữ bên hữu giống với nửa chữ bên hữu chữ phúc (福) trong thành-ngữ « hạnh phúc ». Nên nhiều khi người ta chạm năm con giơi, tức là ngũ phúc (Phú, quí, thọ, khang, ninh)[1]

Người ta vẽ một con giơi ngậm một cái khánh thời thành « *phúc khánh* » cũng là câu chúc tụng cả.

---

1). — Theo Kinh-Dịch, thời cỗ-đồ là những chữ đầu tiên của loài người

1) Cũng có sách chép ngũ phúc là : Phú, thọ, khương-ninh, Du-hảo đức, khảo-chung-thân

Bây giờ xin nói đến con *Sư* hay là con *Sư-tử*; người ta thường đắp bằng vôi, hay làm bằng xành, bằng sứ và thường gắn lên trên hai trụ ở cổng ra vào. Ngoài ra người ta thường chấm một con sư-tử vờn một quả cầu, hay năm con sư-tử đang tranh nhau một quả cầu tức là *sư hí cầu* hay « *Ngũ sư hí cầu* ».

Gần giống « sư-tử » và giống « kỳ lân », thời có con « *nghê* » hay là « *toan nghê* »; tượng con vật bằng đồng bầy ở sân điện Thái-hòa trong Nội hay là trước nhà « bia đình » ở lăng Thiệu-Trị là đúc theo hình con nghê.

Kể ra còn có con cá, con voi cũng nên nói qua đến.

Cá tiếng chữ là ngư (魚) đọc theo giọng Tầu lơ-lớ với chữ « dư » (餘) là thừa vì vậy ta thường thấy người Tầu bán những bức tranh, vẽ một cậu con-nít nhoẻn-miệng cười, và ôm vào lòng một con cá. Bức tranh ấy ngụ ý là « *Cậu bé con nhà giầu* « *có cá* », tức là *cậu bé con nhà giầu có của dư!* Phải chăng tháng tám, phố Hàng Gai (Hanoi) bán la liệt những cá bằng nan phất giấy, cũng theo ý nghĩa ấy? Vì tết Trung-thu là tết tập-tục của Tầu.

Con cá chép (ở Trung-kỳ kêu là con cá

gảy) còn có điển-tích là « *cá có đi thi* » nên có câu « *Vũ môn tam cấp* » và câu « *Long-môn điểm ngạch* »...

Còn voi thời khi xưa, ngay ở nước ta cũng được nhà vua trọng-đãi lắm, vì voi rất khôn. Dưới đây xin kể câu chuyện : « ông voi Ré rất có công mấy lần ra trận, bị thương mà vẫn đầy nhiệt-huyết, biết tiến chứ không biết thoái, nhưng một lần bị giặc bắn nhiều mũi tên tẩm thuốc độc trúng mình, và bị mác phóng, đâm sâu vào thịt, không thể chịu nổi. Biết mình không thể sống được nữa, đành vùng quay trở về, nhưng chưa tới chân thành thời kiệt lực không chạy nổi nữa, ngã xuống đất, ré lên mấy tiếng thật to, như có ý muốn báo đến tai nhà Vua biết cái chết vinh-hạnh của mình. Binh-linh nghe tiếng voi ré, đổ xô lại cứu nhưng không kịp. Voi Ré đã thở hơi cuối cùng. Thương tâm, nhà vua sắc xây đền thờ. Hiện nay đền thờ ấy vẫn còn, tức là đền Long-châu ở Huế. Trong đền này còn thờ mấy ông voi khác như Bích, Nhĩ, Bôn...

Tượng voi chạm bằng đá, hay đắp bằng xi-măng thường thấy tại sân lăng-tẩm ở Huế đứng đối diện với một con ngựa và xếp hàng với tượng quan văn, quan võ.

Ngoài ra ở các đền, các đình, cũng có tượng cả voi lẫn ngựa. Nhưng tượng này nhiều khi người mình làm rất thất cách, ví-dụ tượng một con ngựa bằng gỗ, cao bằng ngựa thật, hết thảy thân mình con ngựa đều bằng gỗ, mà lại nối cái đuôi bằng lông đuôi ngựa thật!

Trông thật là kỳ dị. Phải chăng là ta đã hiểu lầm nghĩa câu của ông Boileau:

« *Rien n'est beau que le vrai, le vrai seul est aimable* » không gì đẹp bằng sự thật, chỉ có sự thật là dễ coi)

Nay tôi xin tiếp sang phần thứ hai của câu chuyện hôm nay: đại-cương về mỹ-thuật nước nhà trong thời-kỳ chịu ảnh-hưởng mỹ-thuật Tây-phương.

* * *

II

Từ khi người Pháp sang nước ta cho đến ngày nay, trình-độ mỹ-thuật nước nhà đã bước lên được một bực cao. Ta đã theo học mỹ-thuật Tây-phương, và cải-cách, nên tiến bộ được nhiều. Nhưng không bao giờ ta quên được cái vết văn-minh Tầu đã in sâu vào óc ta từ trước, cho nên có người ngoại-quốc đã nói : « Mỹ-thuật An-nam tức là mỹ-thuật Tầu đổi bại. (*L'art annamite est l'art chinois atrophié, étriqué, en un mot, décadent*).

Có lẽ người ngoại-quốc tới xứ ta thường nhầm một người thợ giỏi (artisan) với một nhà mỹ-thuật (artiste) nên mới có người thốt ra câu nói trên. Kể ra thời người nước ta cũng lắm người có hoa tay, nếu chịu da công luyện tập về hội-họa, hay điêu-khắc

thời lâu ngày cũng thành tài. Nhưng tiếc rằng tuy có thiên-tài, mà phần nhiều lại chóng nản chí vì thấy học vẽ, học nặn lâu công và nhất là lúc ra đời thường phải phấn-đấu khó nhọc nên đã bỏ theo một con đường khác.

Trong nước ta hiện thời những người biết chuộng mỹ-thuật không phải là hiếm.

Có người kể rằng :

Nhà nghệ-sĩ trứ-danh - Léonard de Vinci, người Ý-đại-lợi về thập-ngũ thế-kỷ (1452 — 1519) thông minh và tài hoa rất mực vì trong tay ông có nhiều nghề : điêu khắc, kiến-trúc, hội họa mà ông lại còn là một nhà hóa-học, nhà toán-học, nhà kỹ-sư là khác. Nếu ông Léonard de Vinci không phải là một nhà chuộng mỹ-thuật thời ông đã chọn một nghề khác và ông không bỏ ra bốn năm trời để vẽ một bức tranh «*La Joconde*» mà ngày nay nhiều nhà phê-bình cho là bức mỹ-nhân ấy có cập mắt mơ-mộng, huyền-bí vô song. Tôi không dám tự riêng phê-bình, nhưng tôi đã được ngắm tranh ấy tại viện bảo-tàng (musée du Louvre) ở Paris thời chỉ là một bức tranh một người đàn bà bán-thân, bề cao bức tranh ấy độ hơn một thước tây, mà vẽ mất bốn năm, đủ biết công-phu nhường nào !

Tôi xin ngắt đoạn lý-luận xuông này, mà nói đến những điều thực-tế hơn.

Người mình học theo Tây-học bây giờ, trái ngược cả với những cách-thức vẽ theo Tầu khi xưa.

Có người nói rằng: « Một bức tranh Tầu vẽ một khóm lan với mấy *câu thơ hay* và viết bằng nét bút già dặn thời bức tranh ấy cũng đủ có giá-trị, nhưng cái giá-trị đây có lẽ vì câu thơ kiệt-tác, với những nét chữ già dặn hơn là vì khóm lan ! »

Theo Tây-học, trên bức tranh không có câu thơ nữa, nên giá-trị bức tranh là ở cả cách vẽ và mầu thuốc !

Khi xưa ta học vẽ theo Tầu, không học tận cỗi rễ, và không dùng khoa-học để bổ-trợ. Còn ngày nay, theo người Pháp học vẽ thật là kỹ càng : Đầu tiên mới học vẽ, thời thầy giáo giậy vẽ cho đúng. Nói rằng vẽ cho đúng thời không được rõ, vậy xin lấy một thí-dụ để giải-nghĩa :

Thầy bảo trò vẽ cái bảng đen treo trên trường (cái bảng ấy một bề một thước rưỡi, một bề ba thước.) Trò nào vẽ đúng là đã nhìn rõ được thấy « *bề dài gấp hai bề cao* », chứ không phải vẽ đúng là cố đánh bóng làm sao cho mặt bảng loang-lổ vì những chữ viết bằng phấn, xóa chưa kỹ !

Khi đã vẽ đúng những « tĩnh vật » (*nature morte*) rồi mới vẽ đến « người » hay loài vật. Nói thời chóng vánh, nhưng thực sự thời rất công-phu ai muốn trở nên một nhà họa-sĩ thời lúc đầu phải cặm cụi học vẽ đi vẽ lại những tượng bằng thạch-cao (hay bằng plâtre), trước còn vẽ người *bán-thân* (*buste*) rồi mãi mới vẽ *cả người* (*ensemble, académie*) cũng bằng thạch-cao. Ngoài ra còn phải vẽ tỷ-mỷ *bộ xương người* (*squelette*) rồi đến tượng *người lột da* (1) (*écorché*). Khi học vẽ những thức này đã thuộc, mới vẽ đến người khỏa-thân. Sau cùng mới vẽ đến người vận y-phục chỉnh-tề; và nhờ được sự phát-minh ra máy quay phim, người ta còn học được cả sự cử-động của cầm thú. Khi xưa có người vẽ một con ngựa đang phi, hai *chân sau* chĩa ra đằng sau, và hai *chân trước* chĩa ra đằng trước. Nhờ có máy chiếu bóng (cinématographie) người ta nghiệm thấy rằng : không bao giờ ngựa có thể cất vó lên được như vậy !

Học vẽ phải tốn công như thế, nhưng phàm một việc gì, ta đã biết đến cội rễ thời bầy tỏ rất rõ ràng, dù vẽ một cái lâu-đài nguy

---

(1) Học vẽ người lột da cốt để biết những bắp thịt, những gân . . . ở trên người (*Myologie*).

nga lộng-lẫy, nếu đứng bên ngoài ta đã biết cái xương nhà, cột, kèo, đòn tay.. mộng mạng đại-khái ra làm sao thời vẽ cũng không sợ sai lầm.

Vì vậy nhà sành mỹ-thuật là thi hào *Victor-Hugo* có nói : « *Du roc dessous, des fleurs dessus* » Vẽ những bông hoa bám trên một hòn đá thời nên vẽ hòn đá trước, rồi hãy vẽ đến hoa.

* * *

NAY tôi xin nói đến người Pháp giậy ta phép Viễn - cảnh (perspective) nghĩa là một khoa tập cho con mắt biết nhìn, cho đúng cách. Sao lại tập cho con mắt biết nhìn cho đúng cách?

Muốn trả lời câu hỏi ấy, tôi xin lấy một thí-dụ sau này : hai con đường hỏa-xa song song theo nhau đi từ Hanoi tới Saigon không bao giờ gặp nhau. Sự thật thời như vậy, nhưng nếu ta đứng giữa hai đường hỏa xa mà ngắm, thì ta thấy chính chỗ ta đứng hai đường hỏa-xa cách nhau nhiều rồi càng thấy cách xa đấy bao nhiêu thời càng rút bớt đi lần lần, và tới quá tầm con mắt thời hai hàng thiết-lộ chụm đầu vào nhau: Phép Viễn-cảnh (perspective) còn giậy ta khi nào nhìn một cái vòng tròn (cercle) dựng đứng thẳng

trước mặt ta, thời ta nhìn rõ là cái vòng tròn, nếu để cái vòng ấy nghiêng đi, thời ta thấy hình bầu-dục (ellipse) : nay cái vòng tròn ấy để ngả hẳn xuống đất, và ta đứng sát tận vành ngoài, thời ta thấy cái vòng tròn ấy thành hình phao-vật-tuyến (parabole); Nếu ta đứng hẳn vào trong cái vòng tròn ấy, thời ta thấy hình song-khúc-tuyến (hyperbole)...

Muốn kể thí-dụ giản-dị hơn, thời nếu ta vẽ một cái bàn chẳng hạn, mà « đường tầm con mắt » (l'horizon) ở trên cái bàn thời ta thấy được mặt bàn, trái lại đường « tầm con mắt » ở dưới bàn thời ta không thấy được mặt trên của cái bàn mà chỉ thấy mặt dưới thôi. Hay muốn nói rõ ràng hơn thời khi nào cái bàn để cao hơn người ngồi vẽ, thời người ngồi vẽ không thấy mặt trên cái bàn ; trái lại khi nào cái bàn kê thấp hơn người đứng vẽ, thời người đứng vẽ mới trông thấy cái mặt bàn.

Cốt yếu phép viễn-cảnh (perspective) là ở chỗ ấy ; nhờ khoa này, người ta có thể vẽ được những bức tranh đúng như là lấy máy ảnh mà chụp. Hơn nữa người ta có thể đặt ra mà vẽ được một cái nhà vườn kiểu mới, xung quanh có vườn hoa *tử tế*. Đến khi cái nhà ấy làm xong, người ta đem

chụp ảnh, thời bức tranh vẽ trước cũng không sai gì mấy với tấm ảnh chụp sau.

Đoạn này, nên nhắc lại hồi xưa, ta chưa theo học khoa kiến-trúc của người Pháp, thời thường ta chỉ bảo thợ ngay ở chỗ đất định làm nhà, chứ không vẽ kiểu trước gì cả. Đến khi làm xong không vừa ý, thời phải chữa đi chữa lại vừa mất công, mà đồng tiền cũng tốn nữa.

Hồi đức Dực-Tôn (hay là Vua Tự-Đức) lên ngôi, ngài xuống chiếu cấm dân-gian làm nhà rộng rãi và làm theo lối chữ công (工) hay chữ môn (門) và cấm cả làm nhà có gác. Ai cũng cho rằng điều cấm ấy làm mỹ-thuật nước nhà không tiến-bộ, và công nghệ cũng không được mở mang.

. . .

VỀ khoa mỹ-thuật thực-hành, người Pháp có chỉ-giáo một câu sau này : « Chế một thứ gì để dùng cũng phải chế sao cho đủ ba điều-kiện sau này : Ích-lợi (utilité), chắc-chắn (solidité) và đẹp-đẽ (beauté).

Nghĩa là trước hết không nên nghĩ đến cái đẹp ngay, phải nghĩ đến sự ích-lợi, sự cần-dùng đã.

Thí-dụ vẽ một kiểu ghế trước hết phải vẽ làm sao dùng cho tiện, rồi mới nghĩ đến cách đóng làm sao cho chắc-chắn; chỗ « đấu mộng » cho khít, chỗ nào nên bắt đanh-ốc, chỗ nào nên gắn-sơn, chỗ nào phải bắt thêm nách-sắt (équerre)... Rồi sau mới cải-cách cái kiểu ấy làm sao cho mỹ-quan, cho nhã-nhặn, bằng cách bào gỗ cho trơn, uốn gỗ cho khéo, đường chạm cho nhẵn, hoặc đánh verni-tampon cho bóng đều, hoặc ruộm mầu cho khéo, đánh xi cho khỏi loang-lổ....

Thưa các ngài, tuy mấy điều tôi vừa nói là thông-thường, nhưng chính là những bí-quyết của khoa mỹ-thuật thực-hành. Một thức cần dùng nếu làm theo đúng ba điều-kiện : Ích-lợi, chắc-chắn, đẹp-đẽ, (utilité, solidité, beauté) nói ở trên, thời đều có thể gọi là hoàn-toàn. Một thức cần dùng nào mà chế không đủ ba điều-kiện ấy, sẽ không dùng được, hoặc mau hư-hỏng, hoặc cục-mịch, thô bỉ.

Xin kể một câu chuyện để chứng-thực cho điều đó.

Một phú-gia ở Huế (*tôi cần chỉ rõ là ở Huế, vì trong câu chuyện có nói đến sông Hương*) nhờ một nhà họa-sĩ vẽ cho một kiểu thuyền để thả trên sông Hương.

Một tháng sau, họa-sĩ vẽ xong ; phú-gia tấm-tắc khen đẹp, và tự - phụ rằng cái thuyền ấy thả xuống Sông - Hương sẽ đẹp hơn hết thầy các thuyền khác. Khi thợ đóng chiếc thuyền ấy xong và sau một tiệc sâm-banh thết nhà họa-sĩ, người ta đem thả xuống nước. Khi thuyền đã thả, xong suôi đâu vào đấy rồi, thời không ai giám xuống chiếc thuyền ấy cả, mà cũng không ai giám chèo, vì tuy kiểu thuyền vẽ đẹp, nhưng không hợp cách vì cái mui đóng cao và nặng quá, nên thề nào chở ra giữa sông gặp một cơn gió to chiếc thuyền ấy cũng lật lại mà chìm phăng đi !

Nói tóm lại từ khi mỹ-thuật nước nhà chịu ảnh - hưởng Âu-tây đến ngày nay đã tiến - bộ nhiều. Nhưng thực ra đối với mỹ-thuật ngoại-quốc vẫn còn non nớt lắm.

Tuy gọi là « non nớt », nhưng người mình cũng không đến nỗi ở trong thời-kỳ « *làm ngựa gỗ mà gắn cái đuôi ngựa thật vào* ». Nghĩa là đã biết theo qui - tắc của mỹ - thuật Tây - phương. Thí dụ muốn vẽ một cảnh thiên - nhiên, tịch mịch thời đã biết thu gọn vào tấm vải cái tính-cách của thiên-nhiên, tịch, mịch, nét vẽ biểu - bạch làm sao cho người

xem đều cảm thấy như vậy chứ không phải thấy sao mơ-hồ chép vậy. (L'art ne copie pas, il s'exprime).

Nói thêm rằng nếu vẽ đôi con mắt cô Kiều và nếu được cô Kiều thực ngồi yên làm kiểu-mẫu cho ta vẽ thời ta cũng vẽ được xứng đáng với câu văn :

Làn thu thủy nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh

Trình-độ mỹ-thuật nước nhà nưng cao được lên là nhờ ở trường Cao-Đẳng Mỹ-thuật Hanoi, mà người có công lớn lao nhất là ông V. Tardieu. Ông sáng lập ra trường từ năm 1925. Nhưng chẳng may ông Tardieu lại mới tạ-thế. Tên tuổi tiên-sinh thật đáng liệt vào lịch-sử mỹ-thuật nước nhà.

(Đoạn này nhẽ ra tôi phải nói đến các nhà họa-sĩ, điêu-khắc, kiến-trúc, tốt-nghiệp trường Cao-đẳng Mỹ-thuật Hanoi nhưng tôi e rằng kể như vậy, câu chuyện sẽ có ngay tính-cách quảng-cáo).

Những bức tranh, những pho tượng của những nhà họa-sĩ điêu-khắc nước nhà, bầy trong những phòng triển-lãm và những ngôi nhà đồ-xộ đẹp đẽ rải rác trên cõi Đông-Dương, do những nhà kiến-trúc ta vẽ kiểu đã chứng thực rằng mỹ-thuật nước nhà đã tiến-bộ nhiều.

Về sự tiến-bộ này, một phần cũng vì nước nhà sản-xuất ra những nhà phê - bình về mỹ-thuật.

Về mỹ-thuật cũng như văn - chương cần phải có nhà phê-bình thời mới mau tiến - bộ được.

. . .

THƯA các ngài, câu chuyện đến đây kể cũng đã khá dài, vậy tôi xin nói thêm một đoạn, để kết-luận :

Mỹ - thuật của ta chịu ảnh - hưởng Tầu nhiều hơn là chịu ảnh-hưởng âu-tây ; vả lại ta và người Tầu cùng chung sống bên phương Đông, và có lẽ vì cùng một mầu da, nên cái vết văn - minh Tầu đã in sâu vào óc ta, không thể bỏ hẳn đi được. Nhưng dù sao ta cũng phải tìm phương-kế để xóa nhòa câu mà người ngoại quốc thường nói như đoạn trên : « *Mỹ-Thuật An-nam tức là mỹ - thuật Tầu đổi bại* (*L'art annamite est l'art chinois atrophié, triqué, en un mot, d écadent.*) Muốn làm cho mỹ- thuật nước nhà một ngày một tiến-bộ, không gì bằng khuyến-khích những người có thiên-bẩm về khoa vẽ, khoa nặn . . cố công học tập cho thành

tài, đừng tưởng đến ra đời « *bị bạc đãi* » vì rồi ra, người mình cũng sẽ tới trình-độ biết quí cái « *Đẹp* », và biết trọng những người gây dựng ra « nó ».

Một nhà họa-sĩ Pháp gặp thời-kỳ chiến-tranh năm 1914, đầu quân ra trận bị đạn bắn trúng cánh tay phải. Tuy rằng khỏi thiệt mạng nơi chiến-trường, nhưng bị cưa cụt hẳn cánh tay phải. Đến hồi trong nước thái-bình, nhà họa-sĩ ấy, tiếc nghề mình, không nỡ bỏ, nên lấy hết nghị-lực để học vẽ lại, nghĩa là học vẽ bằng tay trái, mà sau cũng vẽ được nhiều bức tranh tuyệt-mỹ.

Ta nên lấy đó làm gương mà phụng-sự cho nghệ-thuật.

. . .

HIỆN nay nhiều nhà mỹ-thuật nước ta đã biết cả-quyết đi tìm một con đường mới và sáng sủa để noi theo.

Con đường mới và sáng sủa ấy sẽ đưa ta đến một nơi thắng-cảnh riêng : từ đám mây xanh, từ lũy tre già, từ mặt nước ao động nhất nhất đều phảng-phất một sự thiêng

riêng tôn - trọng « linh hồn Việt - Nam ».

Tới trình-độ ấy nước ta sẽ có một mỹ-thuật riêng.

Tới trình-độ ấy, một bức tranh của họa-sĩ Việt-Nam sẽ không lẫn với những bức tranh của người Pháp hay người Tầu. Tới trình - độ ấy đàn em trong làng mỹ-thuật sẽ có một con đường vẽ sẵn, chỉ cố công nhằm đích mà bước tới, mỹ - thuật nước nhà sẽ tiến-bộ một cách rất mau chóng. Mong rằng ngày rực-rỡ sáng-sủa ấy sắp tới.

Thưa các ngài, câu chuyện đến đây là tận, tôi xin thành thực cảm tạ các ngài, một lần nữa và xin mời các ngài ngồi lại giây lát, xem chiếu những tấm ảnh về mỹ-thuật Tầu và ta.

PHÊ BÌNH BÀI DIỄN THUYẾT TRÊN

HANOI. — Tối hôm qua ông Nguyễn-xuân-Nghị đã diễn-thuyết tại hội Trí-Tri Hanoi, về « Mỹ-thuật nước nhà trong hai thời-kỳ ; chịu ảnh-hưởng Mỹ-thuật Trung-hoa và Âu-tây ».

Thính-giả tới nghe rất đông và hoan-nghênh diễn-giả không quản từ Huế ra Hanoi để đăng đàn.

Ông Nguyễn-xuân-Nghị nói trong hơn một tiếng đồng hồ, tuy rằng ông đã lựa cái đầu đề khô khan mà ông đã khéo chèn thêm vào câu chuyện nhiều đoạn rất vui.

Cuối cùng có chiếu những bức tranh thượng-cổ của người Tầu. Những kính ảnh này là do ông hội-trưởng Nguyễn-văn-Tố mượn ở trường Bác-cổ.

Việt-Báo

A LA SOCIÉTÉ D'ENSEIGNEMENT MUTUEL DE HANOI

M. Nguyễn-xuân-Nghị, architecte attaché au Ministère des Travaux du Gouvernement annamite, a fait, vendredi dernier devant un très nombreux public une conférence des plus documentées sur l'art annamite. L'influence chinoise que cet art a subi est presque (nous pourrons dire tout à fait) une révélation pour la plupart des auditeurs. Sur les motifs d'ornementation : dragon, phénix, licorne, arbre, oiseau, caractères chinois, etc... la conférence de M. Nghị donne les renseignements les plus précieux, et les nombreux documents qu'il a fait projeter sur l'écran d'après les clichés de l'École française d'Extrême Orient les précisent encore et les justifient. Plusieurs sculptures annamites de Chùa Keo montrent à quel point nos anciens artistes étaient préparés à répondre aux conceptions grandioses (inexécutables parfois à force d'être grandioses) de certains seigneurs (chúa) de la famille des Trịnh, ou à introduire chez eux la grâce de l'art chinois de l'époque des Minh. Il faut souhaiter que M. Nghị continue et étendre ces études.

Annam Nouveau

* * *

13 Août : Nguyễn-xuân-Nghị, Mỹ-thuật nước nhà trong hai thời-kỳ chịu ảnh-hưởng mỹ-thuật Trung-hoa và Âu-tây. (L'art annamite pendant les deux périodes d'influence chinoise et européenne). — Résumer en une quinzaine de pages l'histoire de l'art annamite, depuis l'époque chinoise jusqu'à l'heure actuelle, n'est pas chose aisée. M. Nguyễn-xuân-Nghị y est arrivé en choisissant les monuments les plus typiques et en faisant apparaître l'influence fondamentale et l'originalité de l'art chinois ainsi que les caractères nouveaux apportés par l'intervention française. Son texte ne manque pas de goût, ni de justesse dans le jugement, autant pour l'architecture, où les informations courantes ne sauraient remplacer le côté techniqne et d'érudition archéologique (on sait que l'auteur est architecte au Ministère des Travaux à Hué), — que pour l'histoire de la peinture en Chine et en Annam. Comme nous avons eu l'occasion de le faire remarquer dans un journal local, celle-ci est dominée par deux principes : d'une part, l'influence persistante d'un idéal philosophique ; de l'autre extrême importante attachée à la calligraphie, considérée non seulement comme une marque d'habileté personnelle, mais comme une révélation raccour-

cie de l'essence des êtres. C'est un art subtil et raffiné, que nous nous apprenons lentement à comprendre, par l'étude des monuments et des textes. Comme le disait Raphaël PETRUCCI (Les peintres chinois, Paris Laurens 1912), « le mystère impersonnel de l'univers, son principe géant, ses manifestations multiformes et le secret qui se dévoile dans l'âme même des choses, autant de conceptions sur lesquelles s'est fondée la peinture chinoise dans son inspiration ; c'est à ces préoccupations qu'elle doit ce sens de la spiritualité qu'il s'y affirme avec tant de noblesse ». Même dans l'art réaliste des deux dernières dynasties, on reconnaît encore ce besoin vivace de pénétrer, à travers la forme individuelle jusqu'à l'essence qu'elle manifeste et rend accessible. A la fois sinologue et artiste, Nguyên-xuân-Nghi nous donne avec autorité, et avec l'accent d'une admiration émue les résultats de son en quête sur l'évolution d'un acte quinze fois séculaire, dont l'histoire impose silence aux préjugés extérieurs, à nos goûts personnels, en un mot à toutes les causes d'erreurs qui nous entourent ou qui tiennent à notre tempérament » (A. FONTAINE, Essai sur le principe et

les lois de la critique d'art. C'est à préciser ces lois, à comparer les caractères des œuvres d'art à montrer les moyens d'éviter l'erreur, que M. Nguyên-xuân-Nghị s'est appliqué, et l'on peut vraiment dire qu'il y a réussi.

NGUYỄN-VĂN-TỐ

TẾ NAM - GIAO

CÁCH-THỨC TẾ NAM-GIAO

(Bài diễn-thuyết ở Hội Tri-Tri Hanoi, ngày 21 Janvier 1936)

THƯA các bà,
Thưa các ngài,

Buổi nói chuyện hôm nay, chính thực ra thời chia ra làm hai phần ; Phần thứ nhất : Một vài sự cải-cách đã thi-hành trong nghi-lễ Nam-Triều ; Phần thứ hai : Một lễ lớn và trọng thể nhất nước ta ; « Lễ Nam-Giao »

Nói về sự cải-cách trong nghi-lễ Nam-Triều, tôi xin kể ngay trước tiên điều Đức Bảo-Đại đã cho giảm cái « lạy ». Tôi chắc các ngài còn nhớ : năm 1932 trước khi Hoàng-thượng hồi loan và khi còn ở Marseille, quan Thượng-Thư thuộc-địa Albert Sarraut có tâu với Hoàng-Thượng : « Hoàng-Thượng sẽ gánh một gánh nặng nề là phải tuân theo cổ-tục, ngài phải làm cho một nước cổ; hóa ra một nước kim... » Chắc các ngài đã nghiệm thấy cái « khó khăn »

trong cái « thuyết » ấy. Phải, làm một ông vua tân-thời, mà phải tuân theo cổ-tục, phải làm một nước cổ hóa ra một nước kim... Theo được mấy điều « đi đôi » ấy không phải là dễ đâu ; Nhưng Đức Bảo-Đại đủ nghị-lực, trả lời mấy câu ấy, bằng cách cho giảm cái « lạy » ; và thường cho lấy lễ « tam-khấu » nghĩa là ba xá (hay ba vái) thay vào.

Về dịp cải cách giảm cái « lạy, ông Henri Le Grauclaude, trong cuốn « *Những thời-kỳ trọng-đại của nước Việt-Nam trong lúc hồi xuân* » có viết : « Thiệt như lễ Đại-Triều-nghi là theo cổ-lễ đã trải mấy mươi thế-kỷ, mà nay giảm cái lạy là sự cốt-yếu trong lễ ấy, cũng là một việc cải-cách rất quan - trọng trong phong-tục và nghi-tiết lắm. Chắc là trước khi giảm việc lạy ấy, Hoàng-thượng cũng suy đi nghĩ lại nhiều lần, cho nên trong hôm ấy mồng 9 rạng 10, đã khuya lắm các quan trong-Triều mới tiếp được giấy bộ Lễ biện-báo. Song nghe thiên-hạ đồn, thời Hoàng-thượng giảm cái lạy, vì nghe Cụ Võ-Hiển tâu (Cụ Võ-Hiển đây là Cần-Chánh đại-học-sĩ Nguyễn-Hữu-Bài). Cụ năm ấy đã 70 tuổi mà làm Thượng-thư đã ngót 35 năm. Có lẽ Cụ là một tay chính-trị lão-thành, hiểu rõ thời-thế nên khuyên : Ngài bỏ lạy, vì sợ e Ngài đã theo Tây-học mà chịu ngồi trên ngai cho hết thảy các quan quì và

lạy năm lạy, thì trong báo-giới có người lấy chuyện ấy làm xưa, mà dị-nghị chăng ?»

Vậy mà chính Đại-triều-nghi về dịp Hoàng-thượng hồi-loan, đã có biện-báo bỏ lạy, mà còn xẩy ra một chuyện sau này : Các quan đương chức ai nấy đều xá ba xá cả. Xong đến lượt các quan hưu vận thanh-phục hành lễ, có một vị cứ điềm-nhiên quì lạy rất thong-thả, thản-nhiên như không!

... Có lẽ đối với một đôi người, sự bỏ lạy như vậy là một cái biểu - chứng rằng phong-tục đã đổi-bại chăng ? Cũng vì dịp thay cũ đổi mới hồi 1932, có người phỏng-vấn Cụ Lễ-bộ Thượng-thư hồi bấy giờ là cụ Võ-Liêm. Cụ Võ nói « Hoàng - thượng phải tuân theo cổ lễ. là sự cố-nhiên, mà là một sự hay cho cả nước. Ai nói lễ-nhạc không hay, thời cứ coi Bắc-sử sẽ biết. Lúc bên Tầu còn theo lễ-nhạc cũ thì nước còn, vua còn ; khi bỏ lễ-nhạc thời nước tan, vua mất. Vậy thời lễ-nhạc có thể làm cho thiên-hạ thái-bình được... »

Bây giờ tôi xin nói đến năm 1933, cụ Thượng Thái-văn-Toản, hồi ấy đương làm bộ - trưởng bộ Lễ - nghi kính tâu Hoàng-thượng xin giảm : Khoản thứ nhất : Những sinh-phẩm, hào-soạn, trong các lễ quốc-tế tại Miếu, Điện, Đàn, Tử tại Nội, tại Kinh

và ở các Phủ, Tỉnh, Đạo ; mà chỉ dùng hương, nến, trầm, trà và hoa quả. Khoản thứ hai : Xin giảm các lễ không quan-hệ, hoặc tập-tục theo Tầu như lễ cúng Tam - dương (mồng 5 tháng 5) ; lễ cúng Tam - nguyên (rằm tháng 7, tháng 10) ; lễ Thất-tịch (mồng 7 tháng 7) ; lễ Trung-thu (rằm tháng 8) ; lễ cúng Trùng-dương (mồng 9 tháng 9) ; lễ cúng Đông - chí (theo âm-lịch) ; lễ Lạp - hưởng (22 tháng chạp) , lễ cúng Thượng-tiêu và Trừ-tịch (30 tháng chạp) Khoản thứ ba : Xin mỗi năm chỉ dùng Đại-triều-phục về lễ Nguyên-Đán ở Điện Thái-Hòa. Xin bỏ Thường-Triều-phục.

Gặp các lễ khánh - hỉ và ngày « Đảng » thời xin dùng toàn thanh-phục (áo thụng gấm hay hàng màu xanh) ; còn các lễ « kỵ » thì dùng áo thụng đen (1). Ngoài ra quan Thượng - Thái còn tâu xin Hoàng - thượng giảm mấy khoản nữa, nhưng không hệ-trọng bằng mấy khoản trên. Quan Thượng Thái thảo tờ « Phiến » tâu về việc xin giảm ấy có lúc theo hán-học, kể Kinh-dịch : *Đông lân chi sát ngưu. bất như tây lân chi thược tế.* » 東鄰之殺牛不如西鄰之禴祭.

---

1) Ở Huế áo thụng gọi là áo rộng.

Nhà kia tuy giết trâu để tế, không bằng nhà này tế lễ bạc mà theo thời). Kinh Thi nói : *Thần vô thường hưởng, hưởng vu khắc thành* 神無常享享于克誠 (Thần thánh không nhất định hưởng chỗ nào, hễ chỗ nào có lòng thành thời hưởng.)

Theo như các lời nói trên, thời tế - tự lấy sự thành - kính làm đích, không phải qui vì sinh-phẩm. Dùng sinh-phẩm cúng-tế là theo nghĩa « *Sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn* » 事死如事生事亡如事存. Thờ người quá vãng cũng như người sống, ấy là ý trung-hậu chất-phác của người đời xưa... Có đoạn quan Thượng Thái theo Tây-học mà viết : « Hiện bây giờ khoa-học mở-mang, nhân-trí văn-minh, ai cũng biết phần linh-hồn không phải như phần xác-thịt. Bậc thần-thánh và vong-linh kẻ quá - vãng chỉ biết cảm lòng chí-kính, chí tôn, chí thành của người khẩn-cầu cái oai-linh và nhớ tới công - nghiệp vĩ - đại của các ngài mà thôi. Vậy nên bên Âu-châu Lễ cúng-tế các nhà thờ chỉ cốt hoa thơm nến sáng và tự-khí trần thiết trang-hoàng rực-rỡ, chứ không dùng sinh-phẩm minh-y (1). Còn khi ngày kỵ-lạp đến

---

1) Minh-y = áo giấy để đốt (đồ mã)

chỗ phần-mộ thời chỉ lấy lòng thành-kính với một cành hoa, một vòng hoa cũng đủ nghĩa « Hữu thành tắc hữu thần » 有誠則有神 Quan Thượng Thái nói rõ-ràng và hợp lẽ. nên những khoản kể trên đã được Hoàng-thượng châu-phê « Chuẩn-y cho-thi hành ngay. » Nhưng hồi ấy nhiều dân ở Trung-kỳ đồn lầm là Chính-phủ Nam triều cấm cả mọi sự tế lễ trong làng ; các tế lễ các đình chùa của dân xã theo tục-lệ của dân, thời « nhà vua » đâu có cấm ; thật các ông lý ông xã lại được một dịp nói khuếch : « Việc vua thua việc làng »

Bây giờ tôi xin nói đến một lễ lớn và trọng thể nhất nước Nam là « Lễ Nam Giao ».

Tế Giao có hai nghĩa :

« Vua là con của Trời (Thiên-Tử), thần-dân phải thờ Vua thì Vua phải thờ Trời. Tế Giao là ông Vua lấy địa-vị là « Thiên-Tử » làm lễ kính Trời để cầu phước cho dân. Cho nên Tế Giao là cái điển-lễ to-nhất, lớn nhất, cao nhất, trọng nhất trong nước.

(Bùi-huy-Tín)

Tế Giao còn một ý-nghĩa nữa là đáp lại ơn Trời. Trời sinh ra muôn vật, vậy làm người phải biết ơn.

(Vũ-ngọc-Phan)

Tế Giao nguyên gốc từ thượng-cổ, còn về nhà Chu thì đến tiết đông-chí tế Trời tại gò hình tròn, và đến tiết hạ tế Đất tại gò hình vuông (Đời bấy giờ người ta cho là Trời thì tròn mà đất thì vuông) Đến đời nhà Minh, Vua Thái-tổ thấy tế Trời, tế Đất ở mỗi nơi khác nhau mới nói :

« Vua coi Trời như cha, coi Đất như mẹ ; tế cha, tế mẹ mà chia làm hai nơi, lòng con sao đành ! » Từ đấy mới có lệ tế Trời. Đất ở chung một nơi.

Nước ta dưới triều nhà Lý, Vua Anh-Tôn theo các bậc đế-vương bên Tầu cũng sắc đắp viên-khấu (gò tròn) để tế Trời. Từ đấy (tức là thế kỷ thứ XII) nước ta mới bắt đầu có tế Giao (1)

Còn Bản-Triều, tế Trời, Đất tại đàn Nam-Giao xây ở phía nam Kinh-đô Huế, từ năm 1806 dưới Triều Gia-Long — Trước thời ấy, tế Giao ở về phía tây núi Ngự-Bình, chỗ thường gọi là : Hòn-Thiên.

* * *

ĐÀN Nam-Giao diện-tích hơn mười mẫu tây. Xung-quanh có thành xây bằng đá, bề trường gần 400 thước tây, bề hoành độ

---

1) Theo báo Khuyến-Học số 13.

255 thước tây. Bốn phía đều có cổng. Cổng chỉ có bốn cái trụ vôi cao độ 5 thước tây, xây cách nhau hai, ba thước, không có cửa đóng. (Nên hàng ngày người đi qua lại thường dùng nơi này làm con đường tắt.) Trước bốn cửa tiền, hậu, tả, hữu, đều có bình-phong lớn bằng gạch, bề trường mười lăm thước tây, bề cao hơn năm thước. Vừa qua bốn trụ vôi thời đến một nơi thông (1) mọc chi-chít, nhưng có hàng lối ; rồi thấy

---

1) Có sách chép lại rằng :

Những cây thông tại đàn Nam-Giao là do đức Gia Long sắc trồng từ năm 1805 (trước khi xây đàn Nam Giao một năm).

Còn ngày 20 tháng ba tây năm 1824, trước lễ Nam-Giao một ngày, đức Minh-Mạng tự tay trồng lấy, tại trai-cung, mười cây thông, rồi ngài sắc cho các ông Hoàng-thân, các quan đại-thần, mỗi vị đều phải trồng lấy một cây. Trên những cây thông ấy, đều có treo một cái thẻ bằng đá trên khắc tên và phẩm-tước vị nào đã trồng. Về sau đức Thiệu-Trị cũng trồng thêm tại đấy mười một cây. Hiện nay những thẻ ấy vẫn còn, nhưng đã bị thời-gian xóa nhòa những chữ khắc.

Trên thẻ đá có cái lại khắc cả một bài thơ, ví dụ bài tứ-ngôn : « Linh khí trì hộ, vũ lộ trường kiên ; Tuế nguyệt trường tại, khởi chỉ hậu điêu. »

Thẻ đá khắc bài thơ này, mặt bên kia có khắc mấy chữ : Minh-Mạng thập ngũ niên giáp ngọ cung thuyên ».

một cái đàn (esplanade) ba từng :

Từng thứ ba (kể theo thứ-tự từ trên xuống) hình vuông (phương-dàn) mỗi bề hơn 160 thước tây có lan can sơn vôi mầu đỏ.

Bốn góc có trồng bốn cây đuốc to (liệu trụ) (1) cao tới sáu thước tây, đốt sáng rực rỡ. Cách thắp đuốc này khiến ta nhớ lại cách sinh-hoạt của người thượng-cổ.

Trên từng thứ ba có một chỗ gọi là « liệu-sở », trông xa tựa như cái giếng, xung quanh có bờ xây cao độ tám mươi phân tây, nhưng tới gần mới biết là không đào xâu, dùng để thiêu một con nghé (trâu con) đương khi bành-lễ. Đối với liệu-sở, có một chỗ gọi là Ế-sở chỗ để chôn một ít huyết và lông con trâu (như lối yểm-phép). Trên từng này có dựng một cái nhà (bộ lễ gọi là Đại thứ) chỗ để Hoàng-thượng nghỉ chân, sau khi ở Trai-cung sang.

Từng thứ nhì cũng vuông (Phương-đàn) mỗi bề độ 45 thước tây, lan-can sơn vôi

---

1) Liệu-trụ : Đuốc làm bằng mảnh tre khô bó lại, trong có bỏ thêm than và mảnh thủy-tinh tán nhỏ, rồi tẩm dầu, vì vậy đốt được lâu suốt sáng. Đuốc buộc ngang trên cột, gió thổi đưa đi đưa lại chập chờn... Ngọn lửa bốc thấp nhưng khói có lẽ bay lên thấu từng mây xanh...

mầu vàng. Ở trên có dựng một cái nhà trần-thiết cũng màu vàng. (Bộ lễ gọi là Hoàng ốc) có tám hương-án phụ (tùng đàn bát án) :

Bên tả bốn án thờ Thiên-Thần :

Đại-Minh-Chi-Thần (mặt trời)

Châu-Thiên-Tinh-Tú-Chi-Thần (các vị sao)

Vân-Vũ-Phong-Lôi Chi-Thần (mây-mưa-gió sấm)

Thái-Tuế-Nguyệt-Tướng-Chi-Thần (năm và tháng)

Bên hữu một án thờ Thiên-Thần :

Dạ-Minh-Chi thần (mặt trăng)

Và ba án thờ Địa-Thần :

Kỳ-Lăng-Phần-Diễn-Chi-Thần (Lăng, đồi, đồng bằng)

Thiên-Hạ-Thần-Kỳ-Chi-Thần (Vị Tbần coi trong thiên-hạ)

Một án thờ chung nhiều vị Địa-Thần như :

Sơn-Hải - Giang-Trạch - Chi-Thần (núi, bể, sông, đầm)

Triệu-Tường-Sơn-Chi-Thần (vị thần coi lăng Đức Nguyễn-Kim ở Thanh-Hóa)

Khải-Vân-Sơn-Chi-Thần (vị thần coi lăng Đức Nguyễn-Hoàng)

Hưng-Nghiệp - Sơn-Chi-Thần (vị Thần coi lăng Vua sinh ra Đức Gia-Long)

Thiên-Thọ-Sơn-Chi-Thần (vị Thần coi lăng Đức Gia-Long)

Hiếu-Sơn-Chi-Thần (vị Thần coi lăng Đức Minh-Mạng)

Thuận-Đạo-Sơn-Chi-Thần (vị Thần coi lăng Đức Thiệu-Trị)

Khiêm-Sơn-Chi-Thần (vị Thần coi lăng Đức Tự-Đức và lăng Đức Kiến-phước)

Hồ-Thuận-Sơn-Chi-Thần (vị Thần coi lăng Đức Đồng-Khánh)

Ưng-Thuận-Sơn-Chi-Thần (vị Thần coi lăng Đức Khải-Định)

Mỗi hương-án « tùng đàn » có bầy sáu tàn và hai lọng mầu vàng hoặc xanh. (Vàng thuộc về Thổ-Thần, xanh thuộc về Thiên-Thần.)

* * *

NHỮNG án thờ Thiên-Thần đều sơn mầu xanh, án thờ Địa-Thần đều sơn mầu vàng.

Từng thứ nhất, hình tròn (đường tâm-kính (diamètre) 41 thước tây), lan-can sơn vôi mầu xanh. Từng này thường gọi là Viên-đàn. Trên có rạp trần-thiết mầu xanh (Thanh-Ốc). Viên-đàn có bầy mười

án. Bên-hữu một án-thờ Trời (Hiệu Thiên-Thượng-Đế) và bốn án-thờ Đức Nguyễn-Hoàng, Gia-Long, Minh-Mạng, Thiệu-Trị,

Bên tả, một án-thờ đất (Hoàng-địa kỳ) và bốn án thờ Đức : Tự-Đức, Đồng-Khánh, Kiến-Phước, Khải-Định.

Sát lan - can viên-đàn có treo hai mươi tám ngọn đèn biểu-hiệu nhị-thập bát-tú :

1. — Giác. 2. — Cang. 3. — Đê. 4. — Phòng. 5. — Tâm. 6. — Vĩ. 7. — Kỵ. 8. — Đẩu. 9. — Ngưu. 10 — Nữ. 11 — Hư. 12. — Nguy. 13. — Thất. 14. — Bích. 15. — Khuê. 16. — Lâu. 17. — Vị. 18. — Mão. 19. — Tất. 20. — Chủy. 21. — Tham. 22. — Tỉnh. 23. — Quỉ. 24. Liễu. 25. — Tinh. 26. — Trương. 27. — Dực 28. — Chẩn.

Những Thần-bài bầy các án trên viên-đàn viết chữ đỏ, còn thần-bài ở tùng-đàn viết chữ đen. Trên mỗi hương-án ở viên-đàn có treo một cái khung căng vải (baldaquin) ở những khung ấy có đính những phiến tròn bằng đồng. Những phiến đồng ấy không có dự gì về nghi-lễ, chỉ cốt để cho khói đèn, nến bốc lên, không làm đen những tấm vải căng ở trên.

Khi tế giao (lễ chính và lễ tập) viên-đàn

có vải xanh quây kín chung quanh (1). Tại từng này trừ một vài vị quí-quan bên Bảo-Hộ có giấy mời tới dự, ngoài ra không có ai ; còn phụ-nữ thời nhất-thiết không ai được phép tới xem hôm chính-lễ.

* * *

LỄ Nam-giao là một lễ lớn và trọng-thể nhất ở nước ta. Ba năm mới có một lần, theo âm-lịch thời nhằm vào năm Tý, Mão, Ngọ, Dậu.

Bộ Lễ-nghi và công-tác trù tính về việc này từ bẩy tám tháng trước. Tuy vậy chỉ cốt yếu có một ngày chính-lễ. Còn sự xếp đặt trước ngày lễ Nam-giao độ hai tháng, thì thường theo thứ tự như sau này :

Lễ Nam-giao kỳ nào cũng vào tiết xuân (tháng hai) nên độ đầu tháng giêng, Khâm-Thiên-Giám lựa một ngày Hiệp-Cát trong ba ngày Tân, rồi tâu lên Hoàng-Thượng ; Nếu Hoàng-Thượng chuẩn-y, ngày ấy sẽ là ngày chính lễ Nam-giao. Ngày xưa có lệ xin quẻ (xin âm-dương). Trên đàn Nam-giao một vị quan mặc áo tế, mũ, hia chỉnh-tề

---

(1) Dựng huỳnh-khung-vũ lợp và quây vải xanh đã bắt đầu từ Triều Minh-Mạng.

đứng trước hương án khấn xong, deo hai đồng tiền đồng ; Nếu một đồng sấp một đồng ngửa thời được. Nếu hai đồng cùng sấp hay hai đồng cùng ngửa, thời phải khấn lại để xin về ba ngày Tân tháng sau. Nhưng lệ này đã bỏ đến bốn mươi năm nay.

Còn bắt đầu tế thời thường vào giờ Tý. Vì theo Vũ-trụ-luận của Tầu, thời Trời thành lập về giờ Tý (Thiên khai ư tý). Sau khi chọn ngày chính lễ, bộ Lễ-Nghi dâng lên Hoàng-thượng một bản kê danh - sách các quan văn võ từ nhị phẩm trở lên để Hoàng-thượng lựa lấy một viên Khâm mạng tế kỳ-cáo tại đàn Nam-giao. Vị đại-thần này hôm mồng tám tháng giêng sẽ vào đại-nội tới trước sân Cần-chánh, bái mạng rồi lên Trai-cung trai giới (ăn chay)

Trai-cung là một tòa nhà rộng rãi có chỗ thiết triều, có nhà trà, nhà bếp v.v. ở cạnh đàn Nam-giao về hướng Tây.

Vị Khâm-Mạng nghỉ một đêm tại đấy, rồi hôm sau, vào giờ Tý, tới đàn Nam-giao, đứng trước từng thứ hai, trở mặt về phía Nam, kinh đem Nhật-ký tế Giao kỳ - cáo. Buổi lễ ấy có những quan-chức sau này giúp sức : một vị cung kiểm (1), một vị cung hầu

---

1) Cung kiểm : coi sóc, tinh, soát các lễ-vật bầy trên hương-án.

(1) hai vị hành nghi (2) một vị đọc chúc (3) hai vị chấp sự (4).

Lễ kỳ cáo xong, quan Khâm-Mạng trở về Đại-Nội phục-mạng.

Lễ cáo thỉnh phối-thần tại chánh-án miếu Thái và các miếu-Thế (ở trong đại-nội) thời do một ông Hoàng-thân và mấy ông Tôn-tước đã được Hoàng-thượng cử.

Miếu Thái thờ đức Thái-Tổ Gia-Dụ Hoàng Đế (Nguyễn-Hoàng).

Các miếu Thế thờ :

Đức Thế-Tổ Cao-Hoàng-Đế (Gia-Long)
Đức Thánh-Tổ Nhân-Hoàng Đế (Minh-Mạng)
Đức Hiến-Tổ Chương Hoàng-Đế (Thiệu-Trị)
Đức Dực-Tôn-Anh-Hoàng-Đế (Tự-Đức)
Đức Cảnh-Tôn Thuận-Lý Hoàng-Đế (Đồng-Khánh)
Đức Giảng-Tôn-Nghị-Hoàng-Đế (Kiến-Phước)
Đức Hoằng-Tôn-Tuyên-Hoàng-Đế (Khải-Định)

Trước khi dựng các nhà ở viên-đàn (từng thứ nhất), ở đệ-nhị thành (từng thứ nhì) v.v. đều có làm lễ cáo vị Thần Tư-Công ngày giờ cũng do Khâm-Thiên-Giám xem.

---

1) Cung hầu : đứng hầu khi tế
2) Hành nghi : xướng lễ trong khi tế
3) Đọc chúc : đọc văn tế
4) Chấp sự : mang các lễ vật

Trước ba ngày chính lễ, mấy ông quan bộ Lễ lên đàn Nam-giao hành-lễ. Hôm ấy có làm một con dê, một con lợn, một con bò, và một con thú rừng, hoặc hươu, hoặc nai .. (Cúng xong, thịt bốn con vật ấy sẽ dùng để làm nem, chả, tré ; Làm trước ba ngày để hôm chính-lễ vừa dùng được).

Hôm chính lễ thời làm mười chín con trâu (mười một con nghé và tám con trâu đực lớn), sáu con lợn, sáu con dê, và bầy chia ra các án như sau này : mười con nghé bầy tại viên - đàn, sáu con trâu đực, và sáu con lợn, sáu con dê bầy tại sáu tùng-đàn ; hai tùng-đàn kia, bên tả thờ mặt Trời (Đại-minh chi-thần), thời chỉ cúng mỗi án một con trâu đực to không có lợn dê. Còn một con nghé nữa thời dùng để đốt ở phần-sài.

Những việc mổ trâu, lợn, dê, thổi xôi, xếp đặt cỗ bàn, điều làm tại hai nhà Thần-trù và Thần-khố. Hai nhà này ở khít đàn Nam-giao về phía Đông. Những việc mua trâu, lợn, dê, chăn nuôi trước ngày tế, cùng việc lựa chọn gạo nếp để thổi xôi, là do bộ Lễ với ban Khoa-đạo sành sỏi trông coi kỹ - lưỡng. Còn những chức cung-trữ (1), Tỉnh-thị (2). Phân-

---

1) Cung-trữ : Tế thay Hoàng-thượng khi ngài mỏi mệt.

2) Tỉnh-thị : Xem xét việc làm lễ-phẩm.

hiến (1). Dự sự (2). thời do Hoàng-thân, Tôn tước, văn (ngũ phẩm trở lên) võ (tứ phẩm trở lên) sung nhận cả. Ngoài những chức kể trên, còn có hai chức nữa : Phò-liễn (3) và Lưu-kinh (4)

* * *

TRƯỚC ba ngày chinh-lễ, Bộ Lễ đưa thị-vệ dâng lên Hoàng-thượng một ông tượng nhỏ bằng đồng, hai tay chắp vào ngực và cầm một cái thẻ khắc hai chữ : « Trai-giới » bằng chữ nho. Bộ Lễ dâng ông đồng-nhân ấy. theo đại-lễ để tâu ngài trì-trai.

Về tục này có kể chuyện rằng : khi xưa ở bên Tàu người ta có thấy một pho tượng bằng đồng, trong rỗng, nổi lềnh bềnh trên mặt nước ở biển. Nước biển chảy vào trong pho tượng ấy, rồi phun ra đằng miệng và mũi những tia nước xanh biếc và trong trẻo.

---

1) Phân hiến : Hành lễ tại tùng đàn bát-án.

2) Dự-sự : Phần-hành không nhất định trong việc tế.

3) Phò-liễn : đi phò bên ngự-xa.

4) Lưu-kinh : Trông nom kinh-thành khi Hoàng-thượng mắc việc tế Nam-giao.

Người ta lấy đấy làm tiêu-biểu cho sự thanh-tịnh.

Trước ba ngày chinh lễ, về buổi chiều, bộ Lễ còn dâng lên Hoàng-thượng mấy đạo chúc-văn cáo miếu, đề Hoàng-thượng tự tay điền ngự-danh. Bộ Lễ lại dâng hầu Chỉ một đạo sắc-dụ Trai-trai có đóng bửu-ấn, rồi đệ đạo sắc-dụ ấy lên long đình, có linh mang nghi-trượng. tàn-lọng, nhã - nhạc đi theo rước ra Phú-văn-lâu để yết.

Qua ngày hôm sau, bộ Lễ thâu đạo sắc-dụ ấy về để nạp tại cơ mật, rồi các bộ sao, yết tại quan-thự của các quan chấp-sự và bởi tự phải trai-giới trước ba ngày chính lễ. Trước chính lễ một ngày vào khoảng 8 giờ sáng, Hoàng-thượng ngự đại-giá lên trai-cung. (1)

---

1) Trong cuốn « Minh-Mạng ngự chế thi » có một bài thơ « Trai cư ngẫu vịnh » như sau này :

Trai cư truyên dĩ kính tri thần
Tự tảo linh - đài vật dục trần
Phần điển thi thư liêu tác bạn
Vấn tâm diệc khả đối đồng-nhân.

Bài thơ này ông Trần-hàm Tấn có dịch nôm :

Thơ ở trai cung

Một niềm trai kính giữ mình ta,
Tự quét lòng trần sạch sẽ ra.
Phần điển thi thư thường kết bạn
Người đồng nhìn mặt thẹn chi a !

Thủa - xưa, lễ rước Hoàng-thượng từ đại - nội tới Trai-cung rất trọng thể. Khi Hoàng-thượng qua cửa giữa Đại-cung-Môn, có hiệu phất cờ, nhà Hỏa-lệnh đốt chín tiếng « lệnh-ngự» xen lẫn tiếng chuông, trống tại Ngọ-môn. Xe Hoàng· thượng qua bên tả điện Thái - hoà rồi theo đường dũng-đạo, qua cầu kim-thủy rồi ra cửa Ngọ-môn. Khi ấy chiêng trống trên Ngọ - môn, không đánh nữa, từ đấy lên Nam - giao, âm-nhạc không cử một hồi nào.

Đám rước Hoàng-thượng từ Đại-nội lên trai-cung chia ra làm ba đạo : tiền-đạo trung-đạo và hậu-đạo.

Tiền-đạo có :

Các quan võ và các lính mặc ao dấu mang trống, tàn lọng, cờ ngũ tinh (Kim-Mộc-Thủy-Hoả-Thổ), cờ nhị-thập-bát-tú, người thổi loa (truyền đồng thanh) đội ngũ lôi cổ-đồng-bạc-, voi, ngựa dóng bành đeo mạng và nhạc, một chiếc kiệu long liễn một chiếc án «Phúc-tửu » có hai lọng che (án này sẽ bày tại viên - đàn ở trên để một chóe rượu và một miếng thịt, phần của Hoàng-Thượng sau khi tế trước hai bàn thờ Trời (Hiệu-Thiên -Thượng-Đế) và Đất (Hoàng-Địa-Kỳ). v.v.

Trung-đạo có :

Chiêng, trống, tàn lọng, cờ xí... ngoài ra có

ba long-đình trên để quý-vật. ngọc lụa, v.v. để tế. Một long-đình để bộ áo (cổn), mũ (miễn) bình-thiên, hia, để Hoàng-Thượng dùng khi tế: mỗi long-đình có hai lọng che, một ngự-liễn (xe này chỉ đi hành ngơi), có quan Phò-Liễn, Thái-Giám theo sau: một long-đình trong để đồ ngự-dụng. Rồi đến Ngự-xa, trên có Hoàng-Thượng ngồi, hai bên che bốn lọng vàng, theo hầu có các vị Hoàng-thân các quan Đại-thần...

Hậu-đạo, cũng chiêng trống, cờ-xí, một long-đình, trên để ông Đồng-Nhân, có hai lọng che, theo sau quan văn từ ngũ phẩm, quan võ từ tứ phẩm. Sau khi Hoàng-Thượng đã tới Trai-Cung và độ vào khoảng mười hai giờ trưa, bộ Lễ hội đồng với quan Thái-Thường cung-đệ đạo chúc-văn tế-giao: để Hoàng-Thượng tự tay điền Ngự-danh, rồi các quan đệ lên đàn Nam-giao để tôn trí.

Sau khi Hoàng-Thượng tới Trai-Cung, các vị phân-hiến, thị-lập, chấp-sự... đều không được trở về nhà, phải ở lại trong những dan nhà do bộ Công - Tác đã làm từ trước, để trì-trai (mấy bữa cơm đều dùng chay thường do một nhà chùa trông nom nấu-nướng)

Đến hôm chính lê vào khoảng giờ Tý, Hoàng-Thượng vận áo (cổn), đội mũ (miễn). Áo (cổn) mầu tím thẫm, tay rộng và dài, có thêu mặt

trăng, mặt trời, hình bát-quái, hình ngũ-nhạc chim trĩ v.v... Những hình này họp lại, tiêu-biểu cả vũ-trụ. Dưới lưng, Hoàng-Thượng vận một cái Thường tức là cái Xiêm, mầu vàng và có xếp nhiều nếp, kèm theo phía trước một miếng Tế-tất phia sau lưng một miếng Đai thọ, còn hai bên xườn đeo lẵng xuống mỗi bên một chuỗi giây vàng (tập bội) hình khánh, hình vuông... toàn bằng châu-ngọc ; ngoài ra còn có giây đại-đái choàng qua ngực và cách-đái thắt ngang lưng cũng có đính châu-ngọc và dát vàng. Nhờ có tiếng dung-dinh của những miếng ngọc, giây vàng ở chuỗi tập-bội va-chạm vào nhau, Hoàng-Thượng có thể tự biết là Ngài đã hành-lễ mau hạy chậm, khéo hay vụng.

Hốt ngọc Hoàng-Thượng cầm gọi là ngọc-trấn-quế mũ (miền ngài đội, làm theo lối bình-thiên nghĩa là trên đỉnh có một miếng vuông và phẳng, mặt trước và mặt sau có mười hai chuỗi ngọc rua xuống.

Hia, đế dầy và ống cao cũng mầu tim thẫm.

Hoàng-Thượng ngự ngọc-liễn từ Trai-cung qua cửa Tây, lúc bấy giờ chuông ở Trai-Cung đánh mãi đến khi Hoàng-Thượng vào tới đàn Nam-giao thời thôi. Đi đầu có thị-vệ cầm đèn lồng ,quạt lông, hai quan võ cầm kim-kiếm và mấy vị đại - thần... Đạo - ngự

quanh sang hướng Nam, rồi lên từng thứ ba đàn Nam-giao. Thang dùng lên từng thứ ba đàn Nam-giao chia ra làm ba phần : Chính giữa và bên tả bên hữu cũng như mọi thang khác nhưng chính giữa không phải để Hoàng-Thượng lên, và hai bên không phải để các quan văn võ dùng. Chính giữa, là « Thần-Ngự lộ » Hoàng thượng đi bên, nhường các vị Thần và các đấng Tiên-Đế thờ tại Viên-đàn ,đi thang chính giữa.

Xong, Hoàng-thượng vào nhà Đại-thứ. Tại đây có làm lễ quán-tẩy, Hoàng-thượng rửa tay do một vị đại-thần bưng thau và một vị nữa dâng khăn đỏ để ngài lau tay.

Xong Hoàng-Thượng sang Hoàng-ốc làm lễ nghênh-thần trước ngoại-hương-án : Ba hồi trống vừa dứt đến ba hồi chuông nghe rất cảm-động ; kế tiếp đến những tiếng xướng tế to-tát của các vị nội-tán, thông-tán. . . Khi các vị này xướng : « Phần sài ! », thời có đốt một con nghé tại liệu-sở (về mấy triều trước dùng toàn gỗ quế để đốt) và chôn yểm một ít lông và huyết con nghé ấy ở một chỗ gọi là « Ế sở ».

Xong Hoàng-thượng nghiêm-chỉnh bước lên Thanh-ốc, các vị chấp-sự, thị-lập theo sau, còn tám vị phân-hiến thời dẽ sang hai bên. chia ra tám nơi « tùng-đàn bát án » rồi

đợi thông tán xướng mà hành lễ.

Hoàng-thượng làm lễ tại viên-đàn thường đứng trước nội hương-án. (Hương-án này bầy trước hai hương-án thờ Trời (Hiệu-Thiên Thượng-Đế) và thờ Đất (Hoàng-Địa-kỳ).

Trong khi tế, mỗi lúc Hoàng-Thượng vái lễ, đi, đứng, đều theo nội-tán xướng cả. Trên viên-đàn có dựng một cái nhà nhỏ, bộ Lễ gọi là Tiểu-thứ để Hoàng-thượng ngồi nếu ngài mỏi mệt — Chỗ Hoàng-thượng đứng đợi xướng tế gọi là Ngự-lập-vị. Những vị xướng tế có nhiều chức khác nhau : Nội-tán (xướng hầu Hoàng-Thượng) ngoài ra còn có Chính-tán, Trợ-tán và không-tán.

Phúc-tửu sau khi cúng tại viên-đàn, về phần của Hoàng-Thượng thời để riêng, còn dư để trong một cái chóe có niêm cẩn-thận. Tối ngày hôm sau, lễ Giao đã xong, tại bộ Lễ, các quan đình-thần thường họp lại dọn tiệc ăn mừng Lễ Giao đã xong, có con hát vui vẻ và dùng rượu « Phúc-Tửu ».

* * *

Trước khi tế, các quan thị-lập theo thứ-tự cung-kính cất khăn lụa phủ trên các thần bài (khi xưa những thần-bài gần tế mới viết).

Hoàng-Thượng lên viên-đàn làm lễ « điện

ngọc bạch » (dâng ngọc và lụa) — Sau khi hội-tán xướng « Tấu điện bạch » — thời hát khúc Triệu-thành. Hoàng-Thượng qui trước nội-hương-án, đoạn hai vị tôn-tước đệ hai viên-ngọc : Thương-Bích (hình tròn mầu xanh để tế trời) và Hoàng-Bích (hình vuông để tế Đất).

Hoàng-Thượng cung-kính cầm hộp báu đựng hai viên ngọc, nâng lên ngang trán, xá, đoạn trao lại cho hai vị tôn-tước rồi ngài lạy bốn lạy (lễ hiến bạch cũng tương tự)

Lễ tiến trở (dâng trầu thư để trên bàn có giá gọi là « trở »). thời hát khúc « Tiến-thành ».

Lê sơ-hiến (dâng rượu lần thứ nhất) thời hát khúc « Mỹ-thành ».

Dưới từng thứ ba giao-đàn, trước Hoàng-ốc hơn năm mươi « võ sinh « vừa mua vừa hát tay cầm « can » (cái mộc) tay cầm « thích » (cái búa).

Trên viên-đàn, Hoàng-Thượng qui, một vị đọc-chúc đọc bài chúc-văn (1)

Lễ á-hiến (dâng rượu lần thứ hai), phải hát

---

1) Chúc-văn để trên một cái giá sơn son thiếp vàng (chúc kỷ) có lụa phủ, khi đọc xong, lại phủ khăn lại, đợi tế xong mang hóa ở trong một cái lư đồng to kê ở gần liệu-sở.

khúc Thụy-Thành. Tại sân từng thứ ba Giao đàn, hơn 50 văn-sinh múa hát, tay cầm « thước » (quyền) tay cầm vũ (gậy ngắn trên có cắm mấy chiếc lông gà) kế tiếp lễ « chung-hiến » (dâng rượu lần sau cùng). Thời hát khúc Vĩnh-Thành.

Xong đến lễ « ẩm-phúc » và « thụ-tộ » (uống rượu « phúc » nhận miếng thịt « phúc ») Rồi các quan lạm lễ « triệt-soạn » (đem các đồ cúng xuống gần liệu-sở để đốt trong một cái lư đồng lớn). Thời hát khúc nguyên-thành.

Hoàng-thượng xuống đệ nhị thành làm lễ bốn lạy trước ngoại-hương-án để tống thần. Thời hát khúc kiện-thành.

Hoàng-thượng ra chỗ vọng-liệu để xem đốt tờ chúc-văn và các đồ cúng khác. Thời hát khúc Hựu-thành.

Tế Nam-giao đến đấy là xong.

Hoàng-thượng lại ngự về Trai-cung, theo lệ có ca-tấu nhạc-chương. Các vị Hoàng-Thân các quan Thượng-Thư và ấn-quan làm lễ khánh-hạ tại đấy. Xong Hoàng-thượng hồi-loan về Đại-nội, có các quan đại-thần hộ-giá và có đại-nhạc, tiểu-nhạc nghiêm-chỉnh.

Tế Nam-giao rất nhiều phép-tắc khó-khăn, nên trước ngày chính-lễ có tế tập Bữa tế tập, ai xin phép, có giấy, đều

được vào xem, còn bữa chính-lễ thời vào cửa rất nghiêm-ngặt.

Số tiền chi tiêu về việc tế Nam-giao năm Bính-tý (1936) tới trên một vạn đồng, vậy mà so với số bạc ngày xưa, vị-tất đã được một phần tư.

Ngoài sự sắm ngũ cúng : đồ hương, hoa-man, thiên-hương, phạn-thực, đăng minh, bộ Công-Tác còn làm mười chín cái nhà lợp tranh, cột tre, vách cót, rộng rãi và trần-thiết chỉnh-tề. Về hướng tây gần Trai-Cung một nhà Hoàng-Thân Đức ông Hoàng chín (Tuy-Hòa quận-vương) Đức ông Hoàng mười (Hoài-ân quận-vương), nhà cụ Nghi-lễ, nhà cụ Tôn-Nhơn và các quan tả-tôn-khanh; hữu-tôn-khanh ; nhà Tôn-Tước (các quan Trợ-quốc-Khanh) Về Hướng Bắc có nhà Tiếp-Sứ (chỗ tiếp các qui quan), nhà quan thượng-thư đại-diện sứ Bắc kỳ, sau nhà các quan thượng bộ Lại, bộ Học, bộ Hộ, bộ Công và bộ Kinh-tế, nhà võ ban (các quan Trung-quân, Đô-thống, Thống-chế, Chưởng-vệ...) ; nhà ấn-quan các bộ (các quan Tham-tri, Thi-lạng, Tá-lý) ; Nhà tả trực-kỳ (các ấn quan miền Bắc) nhà hữu trực-kỳ (các ấn-quan miền Nam), nhà các quan Sử-quán, Đô-sát, Thừa-phủ, Văn phòng bộ Lễ và nhà các lính tây, lính ta.

Ngày chính-lễ, hai bên tả hữu Ngự-lộ có

bầy hàng giấy hương-án, đèn, hương, trầm đốt nghi ngút. Những hương-án ấy là do các xã, thôn thuộc phủ Thừa-thiên mang bài-liệt. (Về đời mấy Triều trước, các kỳ-lão, về dịp này phải khăn áo chỉnh-tề, quì lạy hai bên đường. Từ khi Đức Bảo-Đại du học bên Pháp về, thời Ngài phê cho miễn sự quì lạy ấy.)

Ngoài ra Hoàng-Thượng còn cho giảm sự g ết trâu, đốt tơ lụa v. v...)

Đọc qua đoạn này ai cũng có thể tưởng-tượng đến một cảnh náo nhiệt tại đàn Nam giao , nào các quan đại-thần, ấn quan, mũ, áo hia chỉnh tề, nào các viên bộ-thuộc áo xanh, bài ngà, lại thêm đến hơn hai trăm người vừa lính hạ ban, vừa lính lý-thiện, võ-cang, nhạc chánh, tề sanh, tề-tựu trước ngày chính-lễ bốn ngày để làm mọi việc...

Ở nước ta, không kể người có tuổi, ngay như các cậu học trò, thời cậu nào đã cắp sách đi học. dù không phải quê quán ở Huế đều biết qua về sự hành-lễ Nam-giao. Vì từ lớp sơ-đẳng học-trò đã học trong quyển Luân lý giáo khoa-thư, một bài nói về tế Nam-giao.

Có lẽ vì tế Nam-giao ai ai cũng am hiểu và nhiều người chú-ý đến, nên ngoài những bài ca-dao, còn có nhiều bài thơ, câu đối lấy đề về lễ Nam-giao.

Có một vế câu đối ra đề rằng :

« Tế Nam-giao tây bắc về đông. »

Câu này nghĩa tầm thường :

« Về dịp lễ Nam-giao người Pháp ở Bắc-kỳ về (Huế) đông lắm ! ». Nhưng đối cho trọi cũng không phải dễ, vì trong ấy có bốn chữ :

Nam, Bắc, Tây, Đông !

Thưa các ngài, tôi hầu chuyện các ngài đã hơn một tiếng đồng hồ, nên tôi không dám lưu các ngài lại lâu ; vả lại lần này là lần đầu tiên, tôi được hân-hạnh hầu chuyện các ngài, tưởng cũng mong không đến nỗi bị phê là «dài giòng văn-tự » !

Vậy trước khi đứng giậy cảm tạ cái lòng rộng lượng của các ngài đã đối với một người vụng nói truyện, tôi chỉ xin nhắc lại : Tế Nam-giao năm Bính-tý, vào mùa xuân (17 tháng hai) theo dương-lịch thời nhằm vào ngày 10 Mars.

* * *

Sáng ngày 16 tháng 2 năm Bính-tý
(9 Mars 1936)

Đức Bảo-Đại ngự Đại-giá lên Trai-cung
Hôm sau hai giờ sáng Hoàng-thượng hành lễ Nam-giao

Theo như bản « Nam-giao Đại-giá đồ-thức » do quan Thượng-thư bộ Lễ-Nghi, Tôn-thất-Quảng xếp đặt, thời đám rước Hoàng-Thượng ngự đại-giá lên Trai-cung, cũng chia ra làm tiền-đạo, trung-đạo và hậu-đạo như xưa.

TIỀN-ĐẠO

SÁU viên-binh (3 chánh-phó quản, 3 xuất-đội) ; Hai lính cầm Ngự-tượng-tiết ; Hai lính cầm ngự-tượng ; Hai voi, mỗi voi bốn lính kèm ; Năm lính cầm cờ ngũ hành ; một cái chiêng do bốn lính khiêng, và một người đánh ; một trống do bốn lính khiêng, và một người cầm dùi ; mười viên tuần-sát ; ba lính mang trống ngũ-lôi ; Hai lính mang chũm-chọe,

sáu lính khiêng một cái bàn trên có cắm cờ « Bắc-đẩu » ; Bốn lính mang cờ Túc-tịnh ; Hai mươi tám lính mang cờ « Nhị-thập bát-tú ». Hai lính mang cờ Bảo-vỹ ; Hai lính mang phan Chàng Vũ-bảo, hai lính mang Phan Chấn-thiên-thanh, hai lính mang Phan Tản-vỗ-công, hai lính mang Phan Phú-văn-đức, hai lính mang Phan Trương-trị-hòa, hai lính mang Phan Trí-thắng-bình; hai lính mang Phan Diệu-tam-quang ; hai lính mang Phan Thạch-lục-hiệp ; mười lính mang Tứ-kỳ ; mười lính mang Long kỳ.

Tổng cộng 131 viên-binh.

* * *

TRUNG-ĐẠO

MƯỜI viên-binh (3 chánh-phó-quản, 7 xuất đội) một xe tứ-mã, có hai lính hầu ; mười hai lính kỵ-mã ; năm lính mang cờ Ngũ-hành ; sáu lính về ban nhã nhạc ; tám lính mang cờ bát quái ; một long-đình « Phúc-tửu », bốn lính khiêng và hai lính che lọng ; Bốn lính mang cờ Châu-tước, Huyền-võ, Thanh-long, Bạch-hổ ; mười hai lính về ban Đại-nhạc ; Hai lính mang Loan-kỳ ; Hai lính mang Thanh-đạo-kỳ ; một

Châu-án Phúc-tửu, trên che tàn Cửu-long, bốn lính khiêng ; Tám lính mang tàn ; sáu lính mang quạt ; Hai ngự-mã, bốn lính hầu ; một Long-liễn, mười hai lính hầu ; Hai lính mang Kỉnh kỳ ; mười lính mang Tú-kỳ ; Hai lính mang tàn « Cửu-long » ; Bốn lính mang cờ Nhật, Nguyệt, Phong, Vân : mười lính mang lộ-bộ, mười lính mang Long-kỳ : một Thị vệ mang cờ Tả-đạo , Mười lính mang chân-tượng ; Mười lính cầm chàng : Sáu lính khiêng một long đình Kim-bửu ; Sáu lính về ban nhã nhạc ; Bốn lính mang tàn ; Bốn lính mang quạt ; Sáu vị tôn tước mang Ngọc-tiết ; Bốn mươi tuần binh : Một Long-đình trên đề tượng Đồng-nhân bốn lính khiêng, hai lính mang lọng đi bên : Một Long-đình trên đề bộ cổn-miễn, bốn lính khiêng hai lính mang lọng đi bên : Một long đình trên đề ngự - phục, bốn lính khiêng hai lính mang lọng đi bên : hai lính mang đèn-lồng : hai lính mang hương-hạp : Hai lính mang đề-lô : hai lính mang phát trần ; Hai lính mang Vũ-phiến, Hai xuất đội mang Kim-kiếm: Hai viên thị vệ mang Ngự-kiếm ; Ba mươi tám lính hầu Ngự-liền (Trên Hoàng thượng ngự) bốn lính mang lọng vàng ; Mười hai lính về ban nhã - nhạc ; Tám lính mang Môn-kỳ ; một lính kéo ngự - thủ

xa, một lính đi bên ; Hai lính mang lọng ; Hai mươi lính mang Hoàng-kỳ

Tổng-cộng 375 viên binh.

* * *

HẬU-ĐẠO

NĂM viên binh (2 Chánh phó quản, 2 Suất đội 1 Suất-đội tuần-binh) ; Năm lính mang cờ ngũ-hành ; Hai lệnh-chinh cồ, tám lính khiêng và hai Quyền-suất đi bên : năm lính mang cờ Ngũ-trấn (ở giữa là trung-trấn, hai bên có Nam-trấn, Đông-trấn, Bắc-trấn và Tây-trấn) : Mười sáu lính mang Long-kỳ ; Tám lính mang phượng kỳ ; Bốn mươi lính mang Giác-kỳ... Rồi đến các vị Hoàng-Thân, Tôn-Nhân, Văn-Võ đình-thần, Sau cùng hai voi và tám linh kèm.

Tổng cộng : 114 viên-binh

Hợp-cộng cả ba đạo : 620 viên-binh.

* * *

PHÊ - BÌNH VỀ BÀI DIỄN-THUYẾT TRÊN

HANOI — 27 Tết, Thiên-hạ tuy đang xôn-xao về Tết mà buổi diễn-thuyết tối qua tại Hội Trí-Tri đã kéo được một số đông thính-giả đến nghe, thật không ai ngờ. Ông Nguyễn-xuân-Nghị là một phóng-viên của Ngọ-Báo tại Kinh-đô, hiện sung kiến-trúc-sư tại bộ Công-Tác và mỹ-thuật, là một trang tân-học ở Pháp mới về được ba năm nay, đã hiến bà con Hà-thành hôm qua một câu chuyện có giá-trị.

Tuy nó là cái vấn-đề khô khan về lễ-nghi, nhưng ông Nghị đã khéo mô-tả rõ-ràng trong hơn một tiếng đồng-hồ, khiến ai nghe cũng rất vui tai. Ông Nghị nói rõ dàng dễ nghe.

Thoạt tiên ông nói về mấy điều cải-cách

đã thi-hành trong nghi-lễ của Nam-Triều. Ông nói rõ về sự bỏ « lạy » của đức Bảo-Đại. Đoạn ông nói đến Lễ Nam-Giao.

Diễn-giả có dẫn cho thính giả coi các khu-vực trong đàn Nam-Giao trên một cái bản-đồ lớn, do diễn-giả vẽ ra, treo trên tường. Thực cũng là một bài diễn-văn có khảo-cứu. Đúng mười giờ hai mươi nhăm, một hồi vỗ tay hoan-nghênh ông phó-hội trưởng hội Quảng-Tri Huế, đã khéo hiến bà con Hà-thành một câu chuyện về lễ-nghi rất hợp-thời, trong lúc mọi người đang nô-nức sang xuân đi xem lễ Nam-Giao ở Huế.

Chúng tôi nghe nói tập văn « Cách thức lễ Nam-Giao » của ông Nghị viết cũng sắp xuất-bản do một nhà in ở Kinh-Đô ấn-hành.

Lễ Nam-Giao đang vào ngày 17 tháng hai ta 10-3-36).

Ngọ-Báo

* * *

CUỘC diễn-thuyết tối qua tại Hội Trí-Tri : Như lời bản báo đăng thì hồi 9 giờ tối qua, ông Nguyễn-xuân-Nghị kiến-trúc-sư, tòng-sự tại bộ Công-Tác Mỹ-thuật ở Huế có nói chuyện về « Cách-thức Lễ Nam-Giao ».

Tuy là đêm đông gió lạnh lại gần Tết mà số người đến dự thính cũng khá đông. Sau lời giới-thiệu của ông Hội-trưởng Nguyễn-văn-Tố, ông Nghị bắt đầu nói chuyện. Ông nói linh một tiếng đồng-hồ rất rõ ràng, hoạt bác, ở sau diễn-đàn, trên tường có treo một cái bản-đồ Đàn Nam-Giao. Diễn-giả có cầm cái gậy sắt trắng dẫn thính-giả đi coi khắp các bộ-phận trong khu-vực Nam-Giao.

Sau khi nghe, thính-giả như muốn cho chóng đến ngày 17 tháng hai (10 Mars 1936) để vô Huế dự Lễ. Tuy là một vấn-đề khô-khan, mà trong một tiếng đồng-hồ, nhà thiếu-niên tân-học Nguyễn-xuân-Nghị đã hiến bà con một câu chuyện tất niên về sử-học rất lý-thú.

Trung-Bắc Tân-Văn

* * *

BUỔI diễn-thuyết tại hội Trí-Tri Hanoi:

Đúng như tin bản-báo đã đăng, ông Nguyễn-xuân-Nghị phó-hội trưởng hội Quảng-Tri Huế đã diễn-thuyết tối hôm 21 Janvier, tại hội quán hội Trí-Tri phố hàng Quạt Hanoi, về vấn đề « cách thức tế Nam-Giao ».

Tuy buổi diễn-thuyết ấy vào ngày 27 tháng

chạp, mà thính giả cũng đến dự đông. Sau mấy lời giới thiệu của ông chánh-hội Nguyễn-văn-Tỷ, diễn-giả nói linh một tiếng đồng hồ, vừa chỉ dẫn trên tấm bản-đồ đàn Nam-Giao do diễn-giả vẽ. Khi tan cuộc bà con Hà-thành hoan-nghênh bằng một tràng pháo tay không ngớt.

Tràng-An

* * *

21 Janvier. Nguyên-xuân-Nghi. cach thuc tê Nam-Giao (Le sacrifice du Nam-giao; — La belle conférence de M. Nguyên-xuân-Nghi, architecte au Ministère des Travaux Publics du Gouvernement Annamite, vice-président de la Société d'enseignement Mutuel de Huê (Hôi Quang tri), n'est pas seulement le premier exposé métholique fait en Annamite sur un sujet intéressant entre tous. C'est de beaucoup le meilleur qui ait encore été donné. Les articles sur le Nam-giao, publiés en Quôc-ngu, sont tous insuffisants par quelque côté, les uns, d'ailleurs estimables, réduisent trop souvent la description du sacrifice au cortège et à la disposition des lieux, les autres ont laissé de côté tout ce qui n'était pas en rapport direct avec le rituel et le

détail des offrandes. M. Nguyên-xuân-Nghi, lui s'est proposé de traiter la question sur toutes ses faces et d'un point de vue strictement objectif. Il a ainsi mené à bien une entreprise dont Trân-tan-Binh avait déjà eu lieu, mais qu'il n'avait pas eu le temps d'exécuter.

Qu'il décompose en ethnographe, les éléments du rituel, qu'il décrive, en technicien, autels et objets de culte, qu'il retrace en sociologue les différentes phrases du sacrifice, qu'il explique, en sinologue, le sens de l'invocation impériale, M. Nguyên-xuan-Nghi est toujours parfaitement à son aise ; partout on le suit avec un égal intérêt ce n'est pas assez dire qu'il excelle à rendre claires et intelligibles les notions les plus compliquées et les plus spéciales. Il sait parler à l'imagination autant qu'à l'esprit. parce qu'il sait voir et faire voir, en artiste, les choses concrètes. Veut-il nous donner la sensation d'une Ville en fête, en quelques phrases pittoresques il nous fera entrer dans le Nam-giao. Il nous initie en quelque sorte au rituel du sacrifice ; son exposé atteste une double tendance à l'honneur de la science annamite et du public hanoien, science dispersée et presque émiettée dans la presse annamite, condensée

à l'usage des spécialistes dans le Bulletin des amis du Vieux Huế, veut maintenant établir le bilan de ses efforts et de ses résultats, elle trouve, en dehors de Huê, un public curieux et patient qui ne demande pas à la science de se vulgariser pour se rendre accessible. M. NGUYỄN - XUÂN - NGHỊ, s'est d'ailleurs gardé d'accumuler les noms et les termes techniques ; il a choisi les traits essentiels et les faits caractéristiques ; il a voulu faire comprendre plutôt que faire œuvre de compilateur. La conception est, on en conviendra, d'une valeur incontestable...

Il est impossible de décrire le sacrifice du Nam Giao sans donner un aperçu général sur les croyances annamites. Sans doute, la question a-t elle été souvent traitée ; l'étude des religions, en effet, ne pouvait être négligée par les LURO, les DUMOUTIER et les DIGUET (pour ne citer que les morts) mais M. NGUYỄN-XUÂN NGHỊ se place à un point de vue spécial, et ce qui fait la nouveauté de son exposé ; c'est ce qui en fait aussi l'intérêt pour nos collègues de la Société...

Nguyễn-văn-Tố

CÁC LĂNG - TẨM
NHÀ VUA Ở HUẾ

CÁC LĂNG TẨM NHÀ VUA Ở HUẾ

(Bài diễn-thuyết ở hội Trí-Tri Hanoi
ngày 10 Octobre 1936)

THƯA các ngài,

Đem câu chuyện « lăng tẩm Nhà Vua ở Huế ra hầu chuyện các ngài, chắc các ngài đã đoán trước là một câu chuyện buồn ; buồn vì tôi sẽ phải nói đến « những chỗ nhà Vua đã nghỉ giấc ngàn thu ; Câu chuyện không những buồn tẻ lại còn có vẻ khô khan nữa.

Nhưng thật ra trong câu chuyện hôm nay, phần nhiều tôi chỉ nhắc lại những chỗ « đẹp mắt » mà các ngài hầu hết đã mục kích ở các lăng tại đất Thần-Kinh ; hay nói rõ hơn, là tôi chỉ xin « hầu » một bài tả cảnh mấy lăng chính như lăng đức Gia-Long , Minh-Mạng, Thiệu-Trị, Tự-Đức, Khải-Định vá cách-thức hạ-huyệt trong kỳ lễ Ninh-Lăng đức Phụ-Thiên Thuần-Hoàng-Hậu (tức là đức Thánh-Cung mới thăng-hà năm ngoái)

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE
R.F.
IMPRIMÉS

Thưa các ngài, hiện nay đường giao-thông hai xứ Trung-kỳ, Bắc-kỳ rất tiện ; nên ai ai cũng đã cung chiêm qua nhiều lần các lăng ở Huế. Thật là một điều không may cho tôi ; vì ngạn-ngữ tây có câu « À beau menlir qui vient de loin » — Đi xa về tha hồ mà nói khoác !

Mà từ Hanoi vào Huế thì kể không xa gì là mấy !

* * *

Trước khi nói đến lăng nhà Vua, tôi xin nhắc lại câu, mà người ta đã nói : (Tức vị trị quan) ; Nghĩa là nhà vua lên ngôi thời lo liệu ngay việc quan quách. Câu ấy đúng với sự thực, vì ở Thần-Kinh Chư-tôn-lăng đều bắt đầu xây từ khi nhà vua còn đang trị-vì.

Nay lại xin cứu một khoản luật-lệ về « Lăng các ông Hoàng, bà chúa, quan lại và mồ mả thường dân » ; để các ngài biết rõ, là khi xưa, cái chỗ nghỉ cuối cùng cũng liên - lạc đến phẩm tước, chức-vị trong khi còn sống. Nghĩa là một người bạch-đinh dù giầu có đến đâu, cũng không được xây lăng to tát như lăng các quan-lại.

Đại khái trong khoản luật lệ ấy kê : Ông Hoàng bà Chúa và các quan nhất phẩm thời

được xây lăng trong một khu đất chu-vi rộng nhất là 360 bộ hay nói nôm là 360 bước chân; Nhị phẩm 320 bước : Tam phẩm 280 bước, Tứ phẩm 240 bước ; Ngũ phẩm 200 bước; Lục phẩm dĩ hạ 80 bước, còn mả thường dân chỉ được có 36 bước.

Như vậy mả một người bạch-đinh đối với mả một người có đôi chút phẩm-hàm cũng đã khác

Dưới đây xin lược chích tờ hội đồng (ngày 23 tháng 7 năm Bảo-Đại thứ 8 (12 Septembre 1933) về việc phân giới-hạn ngoại-cấm Chư-tôn-lăng.

Hội-đồng cấm không được lấy đá, bắn đá (dùng cốt mìn (1) để khỏi thương long-mạch.

Như lăng Thiên-Thọ hay lăng đức Gia-Long thời giới-hạn ngoại-cấm như sau này :

Phía trước từ khe Gáy đến khe Rệ bên tả tự khe Rệ đến sông Tả-Trạch vòng quanh khỏi hai hòn núi Tiền-an là núi Gáy và núi Rệ. Phía sau có sông Tả-Trạch vòng từ khe Rệ, giáp núi sông Hữu-Trạch. Phía hữu có sông Hữu-Trạch (giáp núi từ sông Tả-Trạch cho đến khe Gáy). Diện-tích cấm hạn tính được 2875 mẫu tây.

Hiếu-Lăng (lăng đức Minh-Mạng) Xương Lăng (lăng đức Thiệu-Trị) diện-tích cấm hạn

---

(1) — coup de mine — dynamique

mỗi nơi là 475 mẫu tây và Khiêm-lăng (lăng đức Tự-Đức chỉ có 225 mẫu.

Theo tờ hội-đồng nói trên thời ngoại-cấm giới-hạn chư tôn-lăng chiếm một khoảng đất, núi, sông. khe rất nhiều ; Địa - thế mấy nơi ấy lại thường lắm thông, là một thứ cây có nhiều dầu, nên muốn ngăn-ngừa hỏa-hoạn, ngân sách bộ Công-tác mỗi năm có chích một khoản chi-tiêu về việc chỉnh-lý chư tôn - lăng nghĩa là chặt cây, dọn cỏ, và tìm cách chữa, nếu có thần hỏa tới quấy rối.

Khi xưa việc canh-phòng rất cẩn thận, vì mỗi lần cháy núi là có lần quan phó hay quan chánh-sứ thuộc về tôn-sở ấy phải xích tay về Kinh chịu tội !

Ngày nay, luật ấy đã bỏ, vì mỗi lăng chỉ còn có một vài nhân-binh thời coi sao cho xiết.

Về mùa hạ thường có người gõ thanh-la đi lẫn vào những con đường lắm thông ; họ gõ những tiếng thanh-la đồng nghe buồn buồn, họ đi tuần : Cấm đốt lửa.

* * *

KHIÊM-LĂNG TỨC LÀ LĂNG ĐỨC TỰ-ĐỨC

LĂNG đức Tự-Đức xa thành-phố Huế độ bầy cây số. Xung quanh có tường đá vừa đầy vừa cao, xây cong-queo, theo chỗ đất thấp, đất cao ; nên đến khi ánh nắng dịu xế chiều, chiếu lên những mảnh chai ông-ánh gắn trên tường, thời có người ví với vẩy một con rồng lớn !

Qua cửa Vu-Khiêm (1) vào sân, đi một quãng, trèo lên thang sẽ thấy nhà Công-Khiêm và Cung-Khiêm, (2) chính giữa là Khiêm-cung-môn hai từng, từng trên có kê một vài sập sơn son thếp vàng đã lâu năm. Qua Khiêm-cung-môn đến một cái sân rộng ; hai bên tả, hữu có hai nhà : Pháp-khiêm-vu và Lễ-khiêm-vụ. Sân có bầy những thống bằng sứ đã lâu năm, men đẹp ; tràm đậm và trấm lưỡng long trầu nguyệt hay long ám. Rồng tuyền năm móng, tiêu-biểu « Nhà Vua ». Chính giữa là điện Hòa-Khiêm nơi thờ đức Dực-tôn-anh Hoàng-Đế. Những tự-khí bầy tại đây ít vật qui : nghiên, bút, lọ cắm hoa, tủ sách, gương đứng . . . Duy có

---

(1) Còn ba cửa nữa gọi là Thượng-Khiêm, Tự-Khiêm, Tả Khiêm.

(2) Hai nơi này hiện nay bộ Công đã cho dỡ vì hư-nát.

điều ta nên để ý, là mỗi ngày một buổi chầu-hầu do các cô phụng-chực dâng thau nước, hầu giầy, pha trà, têm dầu .. như khi còn sống.

Hiện nay tại Khiêm-lăng còn có hai bà cung-nga : một bà 85, một bà 82 tuổi các bà xắp được thăng chức tài-nhân.

Phía sau điện Hòa-khiêm bên tả có nhà hát Minh-khiêm rộng một bề độ 26 thước, một bề 17 thước tây. Có người nói khi xưa ban hát tuồng tại đây tuyền là nữ-ban. Bởi vậy có người lại nói : cái chòi dựng ở một đầu sàn hát, có thang lên, và bốn phía có mành-mành che là nơi Đức Tự-Đức ngự-lãm và ban hỏi vai đào nào đã khéo trổ tài hoặc bằng điệu múa mềm mại, hoặc bằng tiếng ca trong-trẻo, hoặc bằng cái liếc của con mắt xay xưa ! (3)

Đối nhà hát Minh-Khiêm có điện Ôn-Khiêm, còn phía sau là điện Lương-khiêm nơi thờ đức Từ-Dụ. (Đức Từ-Dụ cũng đã ở qua Khiêm-Lăng. Vì năm ất-dậu (1885) Tam-cung là ngài Từ-Dụ Thái-hoàng-thái hậu sinh ra

---

(3) Nhưng theo ý tôi thời Nhà Vua lại ngự ra coi ở phia trước mặt. Còn cái chòi là chỗ thờ Tổ của ban hát, như nhà Duyệt-Thị ở Đại-Nội trước khi cải-tạo.

đức Tự-Đức ; ngài Hoàng-thái-hậu là vợ Đức Tự-Đức và mẹ nuôi ngài Dục-Đức ; ngài Hoàng-Thái-phi là vợ thứ đức Tự-Đức (mẹ nuôi vua Kiến-Phúc).

Các ngài Thái-hậu nghe ông Tôn-thất-Thuyết đành chịu ly-biệt Vua Hàm-Nghi rồi trở về Kinh, vào ở Khiêm-Lăng. Đến khi làm lễ tôn-vương Vua Đồng-Khánh, thống-tướng De Courcy cũng ủy ông Champeaux lên yết-kiến đức Từ Dụ ở Khiêm-Lăng.

Phía sau điện Lương-Khiêm có sân rộng rãi và hai bên khi xưa có hai tòa nhà Dụng-Khiêm và Tùng-Khiêm, hiện nay đã triệt-hạ. Cuối sân có cái bể gạch dài hơn 6 thước, rộng 5 thước, thả sen trên có hòn giả-sơn giáng đẹp, có cây cối mọc tốt xanh, xen lẫn những tháp, cầu, nho-nhỏ bằng sứ.

Lúc trở ra, qua điện Ôn-Khiêm, về phía hữu có nhà cầu dài 30 thước tây, đi hết nhà cầu đến viện Y-Khiêm là một viện trong lục viện (*còn 5 viện khác đã triệt hạ từ mấy năm trước.*) Gần đấy có điện Chí-Khiêm là nơi thờ các bà nội-cung dưới triều Đức Tự-Đức (từ Học-phi trở xuống nghĩa là cung-nhân, cung-nga, tài-nhân, quí-nhân, mỹ-nhân) Chánh-điện ở giữa, còn tả trường-lan, hữu-trường-lan hai bên.

Ở điện Chi-Khiêm bước xuống, theo lan-can vòng hồ, đối Khiêm-cung có nhà rạp Dũ-khiêm-tạ xây một nửa chìa ra ngoài hồ ; cách đấy một quãng đến một cái kiều gạch dùng để sang nhà Xung-khiêm-tạ là chỗ Đức Tự-Đức ưa ngâm thơ, thưởng trăng hay dùng cần trúc buông mồi câu cá.

Giữa hồ thả sen có một cái đảo cây cối mọc rậm-rạp, trong có ba cái chòi Dạ-khiêm Tiêu-khiêm và Nhạc-khiêm : nhưng hiện thời chỉ còn chòi Dạ-khiêm, hai chòi kia hư nát đã triệt-hạ.

Nhà bia ở một bên các điện. Bia đình Khiêm-lăng đồ-sộ hơn các lăng khác, làm theo một kiểu kiến-trúc kiên-cố, cột to lát vững chãi và xây cuốn cả, không dùng đến gỗ. Tượng các triều thần văn-võ và voi ngựa bằng đá, tuy về phương-diện hình-thể thì thô nhưng xếp đặt khéo và hợp với lối kiến-trúc đã nói trên. Tới đây về buổi chiều mùa hạ nếu gặp gió to sẽ được mục-kích hàng mấy mươi cây đại, dụng hoa trắng toát cả sân và mùi hương hoa đại sẽ dục ta trầm-ngâm mơ mộng . . . Tiếng gió át mất cả tiếng chuông đồng nhỏ đeo lủng-lẳng trên mái nhà bia-đình, ngửng nhìn đám mây đen đang kéo đến ở trên trời : đối cảnh này, ai là người

không nghĩ tới những bài thi kiệt-tác của ngài Đục-Tôn...

Qua bia đình tới một cái hồ bán-nguyệt rồi mới tới lăng: nghĩa là nơi mà Nhà-Vua nghỉ giấc ngàn thu từ năm 1883.

Qua bờ hồ bên kia có Khiêm-thọ-Lăng, tức là lăng Đức Lệ-Thiên-Anh hoàng-hậu.

Gần đây có điện Chấp-khiêm nơi thờ Đức Kiến-phúc. Sau điện Chấp-khiêm, là nơi Đức Tự-Đức xem kinh nhà phật khi ngài trai-giới. Điện Chấp-khiêm trước gọi là Trai-khiêm chỗ Đức Tự-Đức trai-giới. Sở dĩ sau đổi là Chấp-khiêm và thờ ngài Kiến-phúc là vì đức Tự-đức không có con, nuôi ba cháu làm con nuôi: các ông Dục-đức, Chánh-Mông, Dưỡng-Thiện. Sau khi Đức Tự Đức thăng hà, ngài Dục-Đức lên ngôi được ba hôm thời bị các ông phụ-chánh Nguyễn-văn-Tường, Tôn-thất-Thuyết truất ngôi rồi lập em vua Tự-Đức là Hồng-Dật lấy hiệu là (Hiệp-hòa). Đức Hiệp-Hoà lên ngôi được 4 tháng lại bị các ông Nguyễn-văn-Tường, Tôn-thất-Thuyết bắt phải uống thuốc độc tự-tử, rồi lập ngài Dưỡng-thiện con nuôi thứ ba Đức Tự-Đức mới có 15 tuổi lấy hiệu là Kiến-Phúc. Vua Kiến-Phúc trị-vì được 6 tháng thời ngài bị bệnh (hay bị đầu độc ?) rồi thăng-hà. Vì ngài thăng-hà

sớm nên chưa kịp xây lăng, điện ; mà Khiêm-lăng lại rộng rãi nên mới cải Trai-Khiêm làm Chấp-khiêm để thờ ngài ; còn lăng Đức Kiến-Phúc cũng ở bên đấy gọi là Bồi-lăng.

Tại sao lăng Đức Tự-Đức lại có lắm lầu, điện các, nào chỗ đọc sách, chỗ coi hát, chỗ câu cá?

— Chính vì Đức Tự-đức muốn truyền ngôi cho con nuôi trước khi thăng-hà, rồi ngự ra Khiêm-lăng để ở. Theo lệ bên Tầu, thời khi « Vua Cha » còn sống mà đã truyền ngôi cho con, Thời Vua cha được phong Thái-thượng-Hoàng. Nhưng đức Tự-Đức thăng hà trước khi được phong chức ấy.

* * *

XƯƠNG-LĂNG tức Lăng đức Thiệu-Trị

XƯƠNG lăng xa thành phố Huế hơn 7 cây số, ở tại làng Cư-Chánh, thuộc huyện Hương-Trà xung quanh không có tường xây. Hai hồ hai bên, ở giữa là đường đi ; còn một cái hồ nữa phân hai bên : điện và lăng.

Trước khi vào điện phải qua lầu Hồng-rạch-môn, rồi tới một cái sân, hai bên có tả hữu phối - đường, và ở giữa là điện Bửu-đức ; sau điện Bửu-Đức có hai nhà tả hữu hậu-viện.

Qua bên lăng, sẽ thấy một cái sân rộng, tượng các quan văn, võ, voi, ngựa bằng đá dựng hai hàng. Sân trên có 2 con nghê bằng đồng, rồi đến nhà-bia. Sân trên nữa có lầu Minh-Đức, hai bên có hai trụ-biểu và bốn góc có bốn hòn giả-sơn chắp thành hình rồng, lân, rùa, phượng. Trên sân Minh-đức-lầu bước xuống, sẽ thấy ba cái kiều dài tới 30 thước. Qua kiều đến

lăng. Lăng đây là một quả núi đất có cây cối mọc xanh um, xung quanh xây tường cao chỉ có một cái cửa ra vào có cánh đồng và khóa, niêm kỹ-lưỡng. Gần đây độ sáu mươi thước có đường vào Hiền-quang-các. Đường đi hẹp và cây cối nhiều, nên ít ai lui tới.

Lăng đức Thiệu-Trị đối với lăng Minh-Mạng thời nhiều chỗ tương-tự, nhưng lăng Minh-Mạng to tát mười thời lăng Thiệu-Trị chỉ được năm, sáu. Nhưng vì lăng xây chưa xong thì Nhà-vua đã thăng-hà : Đức Thiệu-Trị thọ được 37 tuổi và trị vì được 7 năm (1841-1847), vì vậy chính lan - can trên các hồ sen cũng chưa xây xong.

* * *

HIẾU-LĂNG tức lăng đức Minh-Mạng

TRƯỚC khi đến Hiếu - lăng bằng đường bộ, phải đi một quãng đò (độ 10 phút) vì lăng ở hữu ngạn sông Đại-giang tại làng Hải-cát huyện Hương-Trà. Đường đi vào lăng rộng rãi, hai bên lắm cây cối, phần nhiều cổ-thụ. Nếu đi cung-chiêm về buổi sáng sớm, nhiều khi thấy cả những con sóc lanh-lẹn chuyên cành cây này sang

cành cây khác, và được nghe những tiếng chim lạ kêu, khiến ta nghĩ như đi vào một khoảng rừng mà chính ra chỉ xa thành-phố Huế có 11 cây số !

Hiếu - lăng chung quanh có thành xây. Mặt trước có ba cổng vào : Đại-Hồng môn, ở chính giữa (có tượng hai con kỳ-lân to bằng đá), hai bên là tả-hồng-môn và hữu-hồng-môn. Cửa thường ra vào là cửa tả.

Sân thứ nhất có tượng các quan, văn võ voi, ngựa và hai nghê bằng đồng. Bước lên sân trên nữa có nhà, rồi tới lầu Hiền - đức - môn. Qua Hiền-đức - môn tới một cái sân có bầy các thống bằng sứ đã lâu năm. Hai bên có tả hữu phối đường. ở giữa là điện Sùng-ân rộng mỗi bề hơn 20 thước. Qua sân trong là tả, hữu hậu-viên. Qua cửa hậu có ba cái kiều dài 24 thước đặt cách nhau độ mười thước. Qua kiều sang bờ bên kia, một bên có Điếu-ngư-đình (chỗ câu cá) và một bên là nghinh-lương-quán (chỗ nghỉ mát). Nếu theo ba cái kiều tiến thẳng lên, sẽ thấy tòa Minh-lâu, hai bên có hai trụ biểu, bốn góc có đắp bốn hòn giả-sơn hình tứ-linh như ở lăng đức Thiệu-Trị. Tại Minh-lâu có kê một cái giường bằng gỗ sao một miếng mà đo được một bề một thước 45, một bề hai thước 80 và dày một tấc. Trên tòa

Minh-lâu bước xuống sẽ thấy một cái cổng 4 trụ bằng đồng có rồng quấn trên đề bốn chữ « Chinh-đại Quang-minh » rồi đến một cái hồ bán nguyệt, ở giữa có một cái kiều ; đầu kiều có một cái cổng nữu, bốn trụ bằng đồng và có rồng quấn, trên có đề bốn chữ « Thông minh chính trực » ; rồi đến chính lăng đứ: Minh-mạng (một quả núi đất cây mọc chi chít), xung quanh có tường xây (bửu-thành).

Có người nói lăng nhà vua, phần nhiều có hồ đào sâu, vì khi trước lấy đất ở đấy để đắp lền làm nấm tức là cái núi đất nói trên. Dìa hồ bán-nguyệt còn có một cái kiều gọi là yểm-nguyệt-kiều. Về phía tả nghinh-lương quán, trên một cái núi đất « khải-trạch » có tòa Linh-phương-các, từng dưới có kê một cái dường bằng gỗ sao một miếng dài ba thước 48, rộng một thước 32. Khi xưa gần nhà quan Thủ-hộ phó sứ, tại u đất nhô ra hồ sen, có trồng nhiều cây hải đường, tại đấy có nhà Lương-tạ nay đã dỡ, chỗ ấy xưa gọi là « hòn núi hải-đường ».

Hiếu-lăng nhiều cảnh đẹp, nên phần nhiều các nhà họa-sĩ hay tới chấm sơn hoặc vẽ bằng nước thuốc. Nhưng Hiếu-lăng xây theo đồ-bản chỗ nào cũng đối nhau, vì vậy mất cả vẻ tự-nhiên.

Có người kể lại rằng Đức Thánh-Tổ là một ông vua có tư-chất minh-mẫn, sùng đạo Khổng-Mạnh nên lại càng ưng sự ngay thẳng nữa. Không những Ngài giữ thái-độ ấy về chánh-trị mà cả với sự thường hàng ngày, như khi ngài ngự-thiện, thời bát, đũa, chén phải bầy giọn ngay ngắn, cả đến những thức ăn: khúc cá rán hay khoanh đò lụa cũng phải cắt cho vuông vắn.

* * *

ĐOẠN trên tôi có nói đến Bửu-Thành vậy xin hầu-chuyện các ngài về *lễ khai-bửu-thành* một cái lễ nhỏ, nhưng ta nên biết.

Thế nào là lễ Khai Bửu-Thành.

Thường lệ trước ngày lễ thanh-minh hai ngày, các quan tham-tri, thị-lang bộ Lễ và Công lên Hiếu-lăng (Minh-Mệnh), Xương-lăng (Thiệu-trị) hội-đồng với các quan thủ-hộ phó-sứ, phụng-hộ chánh-sứ lãnh-binh để khai bửu-thành

« Bửu-thành » là cái tường quí. Các nhà du-lịch cung-chiêm các lăng thường để mắt tới một bức tường gạch xây chung quanh một quả núi đất chỉ có một cửa ra vào, nhưng có cánh cửa đồng, then đồng, khóa

đồng, lại có bản giấy hội-đồng niêm kỹ-lưỡng. Vậy sự bí-mật ở bên trong là những gì ? Một người lính một tay cầm cái thanh-la, một tay nắm cái dùi gõ một hồi lâu, làm rung động cả một vùng đấy. Tiếng thanh-la đồng kêu vang nơi vắng vẻ, dùi đã buông thõng, mà tiếng còn văng-vẳng...

Trên một cái chiếu quan thủ hộ phó sứ,trong chiếc áo thụng bằng the mầu đen. hai tay cung kính chắp lên ngực, khấn vị « Hiếu sơn thần » xin phép mở cửa bửu-thành để cho lính vào dọn dẹp cỏ dại. cây lau... Khấn xong quan phó-sứ lạy mấy lạy. lễ tuy giản-dị nhưng cảnh ấy. điệu ấy lễ bạc mà nghiêm. Các quan thẩm-tri, thị-lang, phó - sứ... bước lên đến 40 bực đá mới đến trước cánh cửa đồng,trên có miếng đá trạm trong khắc ba chữ « Bửu-thành môn ». Lính bóc niêm cũ, trình các quan xem chữ ký y nguyên, rồi mở khóa mở then, ẩn hai cánh cửa đồng vào hai bên. Quan lãnh chỉ-huy bọn lính cầm dao, cào, cuốc, vào trong dọn cỏ, và chặt những cây dại mọc trên con đường hẹp độ một thước tây ở khít vệ đường. Nói nôm, đây là một cái nấm của Nhà-Vua nhưng không phải là một nấm đất, chính là một hòn núi đất có cỗ-thụ, cành lắm lá nhiều ; cỏ cây chen nhau vì mỗi năm mới có một lần chân người bước tới. Nếu

lần tường theo phía bên trong mà đi sẽ không biết mình đi được đến đâu vì là một con đường đi vòng quanh nhưng đối với cửa ra vào, về phía bên kia, có xây một chiếc bình-phong áp vào tường. Nghĩa là nếu đi vòng quanh, gặp bình-phong mới biết là mình đi được nửa đường ! Nơi này tất nhiên nhiều rắn, rết. Quả trên cây rụng xuống lại mọc thành cây, vì không ai vào được mà hái. Có người quả-quyết khi xưa đã có cọp ; nhưng họ nói đấy là : « ông cọp về chầu ! » Khi các linh làm xong công việc, một hồi thanh-la lại nổi lên. Ai có phần việc vào trong bửu thành phải vội ra. Rồi cửa lại cài then, khóa và niêm.

Cách niêm như sau này : Bản niêm do một viên thư-ký biên bằng chữ nho, các quan đứng hội đồng chỉ việc thảo một chữ ký. Xong lính lấy vải sô gián lên trên khe hai cánh cửa đồng, xong gián bản niêm lên trên lần vải xô ấy, rồi lại lấy miếng vải xô khác gián một lần nữa lên trên ; gián toàn bằng nhựa cây sung.

Cửa bửu-thành đã niêm xong, quan thủ-hộ phó-sứ lại vận áo thụng đen, khúm núm xá mấy xá lễ tạ. Đến đây việc « khai bửu-thành » xong ; các quan biệt phái ung-dung trở về.

TỰ-LĂNG (LĂNG ĐỨC ĐỒNG-KHÁNH)

LĂNG đức Đồng-Khánh ở gần lăng đức Tự-Đức. Cửa chính Đại-Cung-môn thường đóng, phải đi cửa bên. Qua Đại-Cung-môn đến điện Ngưng-hy; mặt trước có hai nhà gọi là tả hữu thanh-gia, mặt sau có 2 viện. Chính điện Ngưng-hy thờ đức Cảnh-Tôn Thuận-Lý hoàng-đế còn hậu điện thờ đức Phụ-thiên Thuần hoàng-hậu (Đức Thánh-Cung).

Bên Lăng, giữa có một cái sân rộng một bề 32 thước, một bề 26 thước, có nhà bia cũng như mọi lăng khác có tượng quan văn võ, voi, ngựa, bằng đá, nhưng cách thức trạm-trổ tỷ-mỷ hơn các tượng ở các lăng khác, tỏ ra vẻ một cái lăng mới xây chưa được bao lâu.

* * *

TỰ-MINH LĂNG (HAY LĂNG ĐỨC PHỤ-THIÊN HOÀNG-HẬU)

CÓ ba cái sân, mỗi cái dài 22 thước tây, rộng độ 10 thước, chia làm ba cấp theo kiểu « tam cấp bái đình » ; mỗi cấp theo thứ-tự cao hơn nhau độ 1 thước,

rồi đến cửa Bửu-Thành cũng có thang đi lên nữa. Như vậy tính từ đường quan lên sân Bửu-Thành cao hơn 5 thước.

Qua cửa Bửu-Thành và một lần tường nữa thời đến tẩm, một cái nhà nhỏ một bề 3 thước, một bề 1 thước rưỡi. Còn huyền-cung, nghĩa là chỗ huyệt hay chỗ để tử-cung (quan tài) thì ở sâu mãi tận dưới đất (cách tẩm hơn ba thước tây) và ở ngoài đi vào phải qua một cái hầm dài 20 thước. Phần ngoài trống thiên, phần trong là hầm ăn sâu vào núi đất có tường xây cuốn. Chính huyệt hay huyền-cung ở phía sau nữa, bề sâu đo được 3 thước, bề ngang 1 thước 40; bề cao 1 thước 70; Trừ huyền-cung còn hầm ngoài và trong đều lấp đất và trên mặt có lát gạch.

Theo lễ Ninh-Lăng đức Phụ-Thiên Thuần-Hoàng-Hậu thời tử-cung đặt trên một cái khung gỗ (phụng-thuẫn) có bánh xe lăn trên một con đường như đường hỏa-xa gọi là « toại đạo », về phía ngoài và trước phụng-thuẫn có đặt « *thôi-xa* » để Hoàng-thượng vin và ẩn. Giây chắp-phất buộc vào phụng-thuẫn thôi-xa và luồn vào hai cái dòng dọc Sau khi quan Tá-Lý bộ Lễ xướng to « Kim nhĩ cát thần phụng-an huyền-cung » — Giờ tốt đã đến, xin tấu

thỉnh Ngài nhập huyền-cung — thời Hoàng-thượng vịn thôi-xa, các Vương-Khanh, Đại thần rút giây (nhưng cũng phải cần đến nhiều dư-phu giúp sức bên ngoài, tử-cung mới lần lần vào tới huyền-cung).

Xong dùng hai viên đá lớn lấp cửa huyền-cung và ngoài lấp đất. như vậy tử-cung đã đặt một lần ở đâu thời cứ để yên đấy nghìn năm cũng không xê xích nữa!

ỨNG-LĂNG (LĂNG ĐỨC KHẢI-ĐỊNH)

LĂNG đức Khải-Định ở trèn một quả núi cao, ở địa hạt Châu-ê, xa thành-phố Huế độ hơn 11 cây số. Ứng-lăng khác mọi lăng vì tẩm và điện thờ ở cùng một nơi.

Thoạt tiên tới chân núi, sẽ thấy một cái thang cao đến 7 thước tây và rộng rãi có bốn con rồng mạnh-mẽ làm chỗ vịn và chia thang ra làm ba phần, chính giữa là đường lên lăng của Nhà-Vua.

Trèo hết thang, qua cửa sắt đến một cái

sân rộng mỗi bề hơn 20 thước tây có hai nhà « Tả hữu phối đường ». Rồi đến một cái thang ngót 30 bực cũng có rồng quấn. Tại sân trên, giữa là bia-đình, hai bên hai trụ-biểu mỗi còn có hai hàng tượng đứng chầu : quan văn, quan võ, lính, voi và ngựa. Trên sân bia-đình có ba cái sân khác rồi tới Khải-Thành. Trong Khải-Thành có tượng đức Khải-Định vận đại-triều ngồi ngai, bằng đồng, cao ngót hai thước. Các qui-vật (ngọc, ngà, vàng, bạc, san-hô, mã-não đều để trong tủ kính ; ngoài ra còn có các bộ áo dát vàng, ngù vàng mà sinh-thời, đức Khải-Định đã vận khi Ngài ngự-giá Bắc-tuần. Trên tường có treo mấy cái vòng-hoa cườm của các quí-quan bên chánh-phủ Bảo-hộ điếu hồi tang-nghi...

Lăng Đức Khải-Định và lăng Đức Gia-Long thật là tương-phản nhau, một bên thật sơ-sài giản-dị, một bên thời cầu-kỳ tỉ-mỷ. Các thang lên, các trụ và cả trần nhà đều có rồng và mây. Lâu công nhất là những vẩy rồng, lá cây, cánh hoa bằng thủy tinh, hay bằng mảnh sứ. Thử hỏi mỗi ngày một người thợ khéo lấy kìm bẻ được mấy cái vẩy rồng ? Mà Khải-Thành chi-chít những rồng, những hoa, những lá chắp bằng thủy-tinh. Xem như vậy đủ biết số bạc chi-tiêu về việc xây Ưng lăng không phải là nhỏ !

THIÊN-THỌ-LĂNG (LĂNG ĐỨC GIA-LONG)

LĂNG đức Gia-Long hay Thiên-Thọ ở vào một nơi lắm núi, nhiều cây, lại có sông, có hồ nên các thầy địa-lý đều tin là một nơi đất quý. Nơi ấy xa thành phố Huế độ 16 cây số; muốn cung-chiêm phải dùng một quãng bằng đò, vì tôn-lăng ở về hữu-ngạn sông Tả-trạch.

Sau khi ở bến đò đi lên độ 300 thước thời thấy một ngôi đình của làng Đình-môn và nhà quan-cư (Quan Thủ- hộ Chánh-sứ tức là quan coi lăng). Đến đấy đường sẽ phân ra hai ngả, nếu muốn đi thẳng ngay đến lăng Thiên-thọ thời đi về bên tay trái. Lăng Thiên-thọ cách đấy gần 2 cây số. Nếu theo ngả tay phải thời sẽ tới lăng Thoại-thánh, tức là lăng đức Hưng-Tổ Hiếu-khương hoàng-hậu sinh ra đức Gia-Long.

Điện Thoại-thánh mỗi bề gần hai chục thước tây, mặt tiền có lầu 3 cửa ra vào, hai bên có tả hữu phối đường, phía sau còn có một ngôi nhà nhỏ nữa. Lăng Thoại-thánh thời ở ngay bên cạnh. Trước mặt có một cái hồ sen nhiều hoa nhiều hương to hạt và thơm nên hàng năm vẫn tiến Nội.

Lăng Thoại-thánh có 3 từng sân, rồi đến Bửu-thành, giữa có cửa niêm và khóa. Bên

trong còn có một lần tường xây xung quanh rồi đến nhà mồ bằng đá tục gọi là «thạch-ốc»

Chính đấy đã nghỉ giấc ngàn thu của bà mẹ hiền-từ sinh ra nhà vua khai-sáng. Ngài người tỉnh Quảng-Trị, cha là Nguyễn-phúc-Chung, mẹ họ Phùng, Ngài sinh năm 1738, và sau có 3 con trai, Đức Gia-Long là con trai thứ hai.

Về lăng Thoại-Thánh có sách chép rằng: Sau khi quan Khâm-Thiên-Giám đã phân kim lựa được đất mới tâu đức Gia-Long và Hoàng tử lên tân nơi đề xem. Khi lính đào sâu xuống thời thấy đất ở dưới là đất « ngũ sắc » Các quan Đại-thần có mặt tại đấy đều vui vẻ mừng nhà Vua. Duy chỉ có một vị Đại-thần tên là Nguyễn-văn-Thành, làm thinh không nói chi cả Nhà Vua thấy vậy mới hỏi, thời vị Đại thần ấy tâu rằng: Đất ngũ sắc không lấy gì làm lạ, Chính ngay tại mộ thân mẫu hạ-thần cũng có đất ngũ-sắc coi còn tốt hơn. Nhất là chỗ này hạ thần còn e bị sét đánh nữa, vậy Hoàng-Đế nên cho lựa nơi khác..

Nhà vua nghe xong, đang vui hóa buồn, nhưng được Hoàng-tử (tức là đức Minh-Mạng về sau) gạt đi mà nói rằng:

« Không sao, trời chỉ cho sét đánh trên những mồ mả của quân Tây-Sơn mà thôi,

vì họ muốn tranh quyền cướp nước !)

Nghe hữu-lý đức Gia-Long lại vui vẻ và cho khởi công xây lăng.

Từ lăng Thoại-Thánh đi xa một quãng nữa sẽ thấy điện Gia-Thành trong thờ Ngài Thuận Thiên Cao Hoàng-Hậu, sinh ra đức Minh-Mang, còn lăng ở bên gọi là Thiên-thọ-Hữu (Điện và lăng tương-tự với Thoai-Thánh)

Ngài Thuận-Thiên Cao Hoàng-Hậu người làng Văn-Xá (Huế) con gái ngài Trần-hưng-Đạt, trước làm Tham-Tri Bộ Lễ, sinh năm 1769. Ngài tiến cung từ năm 12 tuổi, đến năm 22 sinh ra đức Minh-Mạng. Ngài mất năm 1846.

Cách điện Gia-Thành độ 200 thước sẽ tới điện Minh-Thành là nơi thờ đức Gia-Long và Hoàng-Hậu Thiên-Cao.

Đức Thiên-Cao Hoàng-Hậu là con gái ngài Tổng-phúc-Khuông, một vị đại-thần thanh-liêm, người làng Bùi-Xá (Thanh-Hóa) sinh năm 1762. Lúc bình sinh thường theo đức Gia-Long ra trận. Có sách chép lại rằng :

Một lần thủy-chiến với quân địch, chính tay ngài mạnh bạo cầm dùi trống thúc quân cố tiến. Trận ấy thắng, nên đức Gia-Long rất yêu qui. Ngài mất năm 1814, chỉ sinh được hai con trai, nhưng một người mất sớm còn người thứ hai tức là Hoàng-tử-Cảnh

Đức Minh-Mạng là con ngài thứ - phi, nhưng là con nuôi đức Thừa-Thiên Cao Hoàng-Hậu nên sau được lên ngôi.

Còn điện Minh-Thành khi xưa trong có bầy những áo giáp, gươm, súng, yên ngựa, là những vật kỷ - niệm để lại của đức Gia-Long. Năm 1860 những thức ấy hư nát vì lâu ngày, bộ Lễ có tâu đức Tự-Đức xin sửa lại, nhưng ngài không chuẩn-y và truyền nên để y nguyên cho hậu-thế trông thấy cái gương sán lạn về binh quyền của một ông vua anh hùng lừng lẫy, 23 năm chống cự với quân Tây-Sơn. Đến ngày nay tại điện Minh-Thành những thức ấy không còn nữa, chỉ còn bầy những bộ ngũ sự, các vật ngự - dụng thường ngày của nhà Vua khi sinh - thời như ấm, chén, tráp trầu, nghiên mực bút v. v.

Lăng Thiên-Thọ thì ở gần bên Điện Gia-Thành. Tính tới ngày nay đã hơn một trăm năm, nên các tượng quan văn võ voi ngựa bằng đá và các thành thang trạm rồng cùng đá lát sân, đều cũ kỹ và nhuộm một loạt mầu đen.

Bước lên ba cái sân, tới Bửu Thành, trong xây hai cái nhà mồ bằng đá liền nhau : Đấy là mộ đức Thế-tổ-cao hoàng-đế (Gia-Long)

và đức Thừa-thiên Cao hoàng-hậu (chánh-phi của ngài).

Bên trên Lăng và về phia sau có xây một cái bờ thuôn thuôn và dốc xuống hình móng ngựa đo được hơn một trăm thước. Đứng trên gò Chánh-Trung ấy trước mặt sẽ thấy hai trụ-biểu cao ngất, còn xa xa thời những ngọn núi nhấp nhô có mây phủ (ở giữa là núi Thiên-thọ, còn tả, hữu mỗi bên 14 ngọn và phia sau còn có 6 ngọn núi nữa.) Nhà bia cũng xây trện một ngọn núi thấp ở bên lăng.

Nói tóm lai Điện Minh-thành, Lăng, Bi-đình đều xây trên núi cả, vì vậy nhiều người đồng ý cùng quan thượng Phạm-Quỳnh về câu sau này trích ở bài « Mười ngày ở Huế » đăng trong Nam-Phong tạp chí số 10 :

« . . . Có người cho lăng đức Minh-Mệnh là đẹp, có người cho Lăng Đức Tự-Đức là khéo. Tôi lấy Lăng Đức Gia-Long là hùng hơn cả. Nhưng một triều được mấy Vua sáng-nghiệp ? Công khai-sáng chỉ có một đời mà nền bình-trị muôn thủa. Cho nên các Lăng khác văn-vẻ mà thực là kém bề hùng-tráng vậy. »

PHÊ-BÌNH BÀI DIỄN-THUYẾT TRÊN

HANOI. — 9 giờ hôm thứ bẩy vừa rồi, sau khi ông Nguyễn-văn-Tố hội-trưởng hội Trí-Tri đứng lên giới-thiệu diễn-giả với gần 1000 thính-giả đến nghe ông Nguyễn-xuân-Nghị đem hết cái mắt thấy một cách tường tận về các Lăng-tẩm của Nhà Vua tại Huế, nói ra khiến người ngồi nghe như trông thấy trước mắt những cái đẹp, cái hùng-vĩ của những di-tích bất-tử của trời Nam.

Ra về mọi người đều lấy làm vừa ý về câu truyện của ông Nguyễn-xuân-Nghị.

Ngọ-Báo

A la société d'Enseignement Mutuel de Hanoi :

Les membres de la Société d'Enseignement Mutuel, réunis en très grand nombre dans la grande salle de la société, ont entendu, samedi dernier, une conférence des plus intéressantes et fort originales, faite sur les tombeaux royaux de Huê, par un de nos distingués architectes M. Nguyễn-xuân-Nghị attaché au Ministère des Travaux du Gouvernement Annamite.

Cette instructive leçon d'architecture fait honneur à l'association et à son auteur dont la culture est vaste et qui avait bien le droit, à son tour, de se livrer à un examen des conditions d'édification des sépultures royales et de l'avenir probable de l'architecture annamite.

Une vingtaine de magnifiques projections, agréablement commentées par l'orateur, a montré le pittoresque du pays. Elles furent mises à la disposition de la société par l'Ecole française d'Extrême-Orient. C'est donc un grand succès qu'a obtenu cette brillante conférence archéologique et historique chaleureusement applaudie.

L'Annam Nouveau

UNE CONFÉRENCE SUR LES TOMBEAUX ROYAUX DE HUÉ

SAMEDI dernier, M. Nguyễn-xuân-Nghi, architecte indochinois attaché au Ministère des Travaux Publics du Gouvernement Annamite a donné au local de la société d'Enseignement Mutuel de Hanoi une conférence en annamite fort intéressante sur les tombeaux royaux de Hué.

Ce fut une instructive et vivante leçon d'architecture, d'histoire et d'archéologie, qui intéressa vivement le fidèle et nombreux auditoire de la S. E. M. tant par la compétence et l'élocution facile du conférencier que par l'attrait du sujet traité. D'autant plus que la conférence fut illustrée de très belles projections que l'Ecole française d'Extrême-Orient avait eu l'obligeance de mettre à la disposition de la Société.

La conférence de M. Nghị obtint un joli succès. Nous l'en félicitons de tout cœur il est toujours bon de faire connaître et comprendre les beautés et l'âme de la Ville Impériale au public tonkinois.

Patrie Annamite

10 Octobre. Từ-lâm Nguyễn-xuân--Nghị Các lăng tẩm của nhà vua ở Huế (Les sépultures impériales à Huế) — Sur le point de parler de cette conférence, nous nous sentons pris d'un scrupule ; il faudrait pour le faire convenablement, être critique ou historien de l'art, et c'est ce que nous ne sommes nullement et d'autre part, l'architecture annamite est à tel point mêlée à la vie, imbue des idées religieuses, modelée par les habitudes et l'état social que nous ne dirons pas pour la pénétrer, mais seulement pour s'arrêter avec fruit devant ses œuvres et les goûter avec intelligence, il faut sans doute connaître un peu l'architecture chinoise, avoir visité les sépultures impériales de la Chine, ne pas être étranger à sa littérature religieuse et aux rites sino-annamites. Tel est l'état actuel des études d'art et d'archéologie pour le pays d'Annam, champ ouvert trop récemment, mal délimité, à peine défriché partiellement, que nous devrions être à la fois historiens ou philologues, philosophes et grammairiens artistes, archéologues et bien d'autres choses encore, pour nous faire un plan en raccourci de l'ensemble des civilisations écloses en terre d'Annam, vastes aperçus, mais perspectives

un peu décourageantes.

Dans une conférence comme celle-ci les projections son la partie principale, toutes les analyses critiques avec toutes les épithètes laudatives ne remplaçant jamais la simple impression visuelle. Or ici, les clichés touchent à la perfection. Le texte, lui, est un modèle de précision et de sobriété. Toute hypothèque, toute légende est écartée au profit de la seule vérité. On acquiert au cours de cette leçon d'archéologie et d'histoire religieuse une confiance absolue dans le savoir, la méthode, la netteté de l'esprit de M. Nguyên-xuân-Nghi. Il indique notamment quel soin de la beauté les empereurs d'Annam apportèrent jusque dans le travail de simples pièces de bois avec bons sens et quelles mesures ils admirent à décorer les sépultures; le sculpteur et le laqueur, par quelles habiles précautions ils assurèrent l'harmonie de l'ensemble et pour ainsi dire la vie de l'édifice, par quelles incessantes retouches ils évitèrent la monotonie et parvinrent à « faire toujours nouveau un édifice toujours le même ». Sans nier la part qui revient à la Chine dans la genèse des arts annamites, nous ne croyons pas, comme le font beaucoup,

que depuis l'époque à laquelle les Nguyễn transportèrent le siège de l'empire à Huê jusqu'à l'intervention française, toutes les fois que l'Annam voulait produire une œuvre qui ne fût pas d'une exécution grossière. il se trouvât dans la nécessité de recourir aux artistes chinois, soit mosaïstes et sculpteurs, soit architectes et constructeurs. Nous sommes persuadés, au contraire, que les ouvrages d'architecture doivent être attribués aux artistes nationaux. ceux de porcelaine ou de bronze, à savoir ceux d'un style nettement chinois, exécutés au temps de Minh-Mạng, à des articles chinois. réserve faite d'une part très modeste en faveur des artisans d'Annam ; quant aux sculptures sur pierre dont la force et le style ne font que rappeler les Chinois, elles sont l'œuvre d'artistes nationaux et en premier lieu d'artistes originaires du Tonkin ou du Nord-Annam. « On ne saurait soutenir, écrit M. Albert Maybon dans l'Art décoratif du 20 Avril 1912, que le peuple annamite a copié la civilisation voisine sans y ajouter de son fonds personnel. Peut être en conviendra-t-on, mais sans manquer d'ajouter que la médiocrité caractérisa ses diverses manifestations, si l'on veut. Nous demanderons cependant si cette

médiocrité n'était point le résultat de conditions sociales particulières. La tyrannie impériale, c'est un fait qui a lourdement pesé sur ce pays, paralysant toute initiative, étouffant tout talent, rendant impossible tout progrès. Pour vivre en paix en cet étrange royaume, il fallait être pauvre ou le paraitre ; si une fortune était découverte, elle risquait fort d'être absorbée tôt ou tard, d'un coup ou lentement par le trône, servi par des mandarins vigilants. Il importait aussi de ne point se distinguer du vulgaire: si ces mêmes mandarins apprenaient qu'un homme était habile dans une profession, ils le faisaient conduire *manu militari* à la capitale, où on le condamnait à travailler pour l'empereur ; jamais payé, tout juste nourri, il vivait comme un galérien, jusqu'à la vieillesse entre les murs du palais. Ce n'est pas pour encourager les artisans ! Aussi l'on imagine que tous, tant qu'ils jouissaient de la liberté, ne devaient guère s'appliquer à leur ouvrage — s'ils ne le sabotaient pas volontairement afin d'éviter les travaux forcés et la détention perpétuelle'»

On a vu par le texte publié plus haut combien de choses M. NGUYỄN-XUÂN-NGHỊ a dites en peu de pages. Ajoutons que

l'abondance des informations, la clarté et la précision, ne font pas tout le mérite de sa conférence ; la forme en est agréable, discrètement pittoresque ; il n'y a pas à craindre qu'elle rebute « les lecteurs de bonne volonté ».

Nguyễn-văn-Tố

PHONG - THỔ HUÊ

PHONG - THỔ HUẾ

THƯA các ngài,

Sở dĩ tôi giám hầu chuyện các ngài về sự so-sánh thời-tiết, tiếng nói, phong-tục ở Huế với Hà-nội là vì tôi vốn sinh-trưởng ở đất Thăng-Long và đã vô nơi Đế-đô làm việc được bảy, tám năm.

Bảy, tám năm tuy là một thời-gian ngắn-ngủi, nhưng tôi đã từng thấy nhiều người ngoại-quốc tới ở xứ ta độ mười tháng hay một năm đã vội vàng cầm bút viết những bài khảo-cứu, những trương nghị-luận về phong-tục nước nhà! Tuy vậy những điều tôi vừa phân-trần chỉ để khuyến-khích tôi và làm tôi phấn-khởi, chứ thực ra tôi cần tha-thiết yêu-cầu các ngài, chỉ bảo cho những chỗ sai lầm.

* * *

Huế cách Hà-nội 680 cây số, nên thời-tiết đã khác. Mùa đông rét ít, xin lấy một tỷ-dụ có căn-cứ : Có năm về mùa đông tôi chỉ phải mặc áo dạ (pardessus) có năm, sáu bận về buổi tối mà không phải là tôi ít đi chơi đêm !

Còn mùa hè, ít nóng-nực. Nếu cả ngày mặt trời chiếu gắt, thời chúng tôi chỉ chịu nóng có buổi trưa, còn buổi tối, chúng tôi đã được mát mẻ nếu chúng tôi xuống nằm dưới đò, lênh đênh trên mặt nước sông Hương. Nhiều đêm về khuya, giữa mùa hè, chúng tôi nằm phơi sương ngoài mui, không chịu nổi vì gió lạnh, vì hơi nước, phải vào trong khoang nằm cho yên giấc !

Sông Hương tức là nơi nghỉ mát của Huế không những đêm khuya, gió mát, lại được nước sông Hương trong và xanh (chứ không đỏ như nước sông Nhị-hà) nên chỉ mỗi khi mặt trăng chiếu xuống, thời mặt nước lăn tăn, óng ánh những sợi chỉ bạc, nhìn không chán mắt ! mà mỗi khi có trăng, thời sông đều có tiếng ca trong trẻo hoặc tiếng hò « mái đẩy » dịu-dàng ! Đối cảnh sinh tình, khách phương xa tới đất Tràng-An, nhiều vị đã ngây ngất, say-sưa, đắm-đuối nên có câu :

Thế gian chỉ đạo tam giang hiểm,
Bất đạo Hương-giang dị nịch nhân !

世間只道三江險
不道香江易溺人

Đại - khái nghĩa là :

« Thiên hạ chỉ nói phá Tam giang hiểm mà sao chẳng nói sông Hương dễ chết đuối người!» Vì phá Tam-giang tục truyền có sóng thần đã cuốn biết bao nhiêu mạng người, khi xưa thuyền bè đi qua phá Tam - giang đều lo sợ cho nên có câu :

Thương em anh cũng muốn vô
Sợ truông nhà Hồ sợ phá tam giang.

Truông là bãi cát lớn, truông nhà Hồ (ở Đồng Hới) là nơi trước kia lắm trộm, cướp ; còn phá Tam giang (ở Quảng trị) tuy có « sóng thần » nhưng từ ngày đức Minh Mạng phái ra tuyên sắc tận nơi. rồi lấy súng bắn xuống sông, tục truyền nước vẩn đỏ như máu, rồi tự nhiên « sóng thần » bớt dữ từ ngày ấy.

Nói trở lại sông Hương là « cảnh tiên » của Huế ! như vậy Huế chả hóa ra là một nơi về thời-tiết đáng để các ngài phê một chữ « tuyệt » hay sao ? Nhưng Tạo-hóa vẫn có tiếng là cơ - cầu, khe-khắt, và có lẽ ích-kỷ thâm trầm, nên chữ « hoàn-toàn »

hình như không có ở cõi đất này vậy, cho nên Huế bị theo luật « thừa-trừ », có một thời kỳ đáng ghét là « mùa mưa » ! Mùa mưa ở Huế không những là mưa suốt ngày, mà có khi mưa tầm tã luôn, ba, bốn ngày không ngớt ! những ngày ấy mây đen kéo kín vòm trời như phủ một bức « màn tang » tiêu - biểu cho sự buồn thảm, rầu rĩ... Cả Huế chỉ muốn đóng cửa, cài then cho kỹ, không muốn tiếp khách du-lịch chút nào !

Mùa mưa bắt đầu ngay từ cuối tháng bẩy nên có cậu ;

Tháng bẩy nước nhảy lên bờ !

Tức là mưa to, nước tràn lên tận bờ : còn tháng chín tháng mười là chính mùa mưa. Trong tháng mười có một ngày, thường năm nào, cũng mưa, nên có câu :

Ông tha mà bà chẳng tha
Làm cho cái lụt hăm-ba tháng mười !

Vậy muốn tránh mùa mưa nên tới Huế, từ tháng giêng đến tháng sáu.

* * *

Trên tôi có nói : « mỗi khi sông Hương có trăng thời có tiếng ca trong-trẻo hoặc tiếng hò dịu-dàng... »

Nói đến ca, đến hò, xin nói tiếp đến ca Huế.

Hà-Nội có thú hát cô đầu, thời đất Thần Kinh có thú ca Huế ! Xin miễn nói đến những tay đàn sành-sỏi và những danh-ca, vì hai điều ấy đều thuộc về cá-nhân, theo lời chỉ-giáo của mấy vị đàn-anh, không nên đả động đến.

Hát cô-đầu thời bắc phản, miễu, hát nói, hay dùng nhất; Ca Huế thời thông dụng nhất là Nam-Ai và Nam-bằng, « hay Nam-bình »

Thường thường người ta ca Nam-Ai xong thời bắt sang Nam-Bằng. Nên nhận rằng khi ca xong bài Nam-Ai người ta đàn câu hiệu đầu bài Nam-Bình ;

xàng xàng phạn họ . . .

rồi bắt tiếp Nam - bằng, thời người ca bắt buộc phải ca tiếp sang Nam-bằng. Còn ca Nam-bằng muốn bắt sang Nam-ai thời người đàn bắt câu hiệu đầu của bài Nam-Ai ; *xề liu cống, xề liu xàng . . .* người ca cũng phải tuân theo ca tiếp ngay bài Nam-Ai.

Ca Huế cũng nhiều điệu lắm, nhưng hiện nay người ta chỉ chú-trọng đến những điệu sau này : Cổ-bản, Lưu-thủy, Phú-lục, mười bản Tầu (cũng có người gọi là « thập cẩm »).

Mười bản Tầu là những bài sau này ;

1·) Phẩm-tuyết, 2· Nguyên-tiêu, 3· Hồ-quảng, 4· Liên-hường, 5· Bình-nguyên, 6· Tây-mai, 7· Kim-tiền, 8· Xuân-phong, 9· Long-hổ, 10· Tầu-mã.

Ngoài ra còn có bài « Quả phụ », lý « Tường vi ». Hai bài này, điệu ca khó, nên những người ca lâu năm mới biết ca. Đại-khái như ở ngoài Bắc phải cô-đầu chính-tông hay ra đời đã lâu năm mới hát nổi Tỳ bà và đọc nổi thơ « Thiên-Thai »

Bài lý « Tường vi » cũng có người gọi là bài lý « Trăm huê » vì trong bài lý ấy, có kể rất nhiều thứ hoa ; Xin lục mấy câu đầu;

Dãi giầu nắng xương, em tìm anh dãi giầu nắng xương, Huê cam, huê quít, biết thương huê nào? Còn như huê mận, huê đào, huê lê, huê lựu biết vào tay ai?

Còn bài « Quả-phụ », nhiều khi bảo họ hát, họ biết hát mà họ cũng từ chối, vì theo dị đoan, họ sợ vận vào mình ! Quả-phụ, nghe danh-từ ấy nó lạnh lùng nên nhiều người không muốn hát !

Ngoài Bắc ta cũng vậy, nhiều bài hát-nói cô đầu không muốn hát. Ví dụ như bài :

Sách có chữ « vô tình tiễn biệt »
Khách với tình xưa quen biết chi nhau ?

. . . . . .

Tôi hát chơi mà khách cũng nghe chơi
Thảm thiết chi mà hạt lệ tuôn rơi?
Mai một đã ngược xuôi người mỗi xứ.

. . . . . .

Nhiều cô đầu cho là bài ấy « không có hậu » và « hay vận vào mình » nên không muốn hát !

Bài quả-phụ có nhiều câu hát rất thảm :

... Chim ơi chim còn có bạn... Thương, thương nhau, thương nhau thời sống, nguyện xin cho thấy nhau liền. Ới liễu ! Ới liễu sầu ai, thương ai mày dủ, thương tình mày liễu. .
Soi gương loan bâng-khuâng nhớ bạn, lụy lụy dỏ hàng trăm hàng. .

Còn những câu đờn hòa với điệu ca thường dùng đều là những cây nguyệt, nhị, tỳ và đàn tranh (đàn tranh tức là đàn thập lục)

Người ta thường không tiếp khách tại nhà như cô đầu Bắc, nên phải mời về nhà hoặc xuống đò.

Ngoài Bắc ta mỗi khi có tiệc mừng thăng thưởng, được huy-chương, phẩm hàm hay tiễn biệt bè bạn, thường mượn bài hát nói để mừng hoặc để tiễn đưa « một chén quan hà »; Trong Huế, cũng lấy điệu Nam-Ai,

Nam-Bằng tặng nhau. Ngoài Bắc ta nhiều người biết đánh trống cô đầu bao nhiêu thời trong Huế cũng có một số đông như vậy, biết gẩy đàn hoặc biết ca. Vì vậy ở Huế, đi đến đâu cũng thấy tiếng đàn thánh thót, hoặc tiếng ca khép nép hay bạo-dạn, hoặc tiếng hò giã gạo quê kịch, hoặc tiếng hò mái đẩy ngân-nga.

Hò giã gạo, hò mái đẩy nguyên do là người giã gạo cũng như người chèo đò, hoặc vừa giã gạo, hoặc vừa chèo đò, vừa hát cho quên mệt cũng như những câu đề trợ-lục : « dô ta » và « hồ khoan ». Nhưng sau vì lối hò được nhiều người hâm mộ, nên cũng có thi-nhân đặt ra câu hò, thành ra bây giờ nhiều danh-ca biết cả hò giã gạo và hò mái đẩy.

Ta lại nghiệm thấy hoặc khi giã gạo, hoặc khi chèo đò phần nhiều có cả con trai, con gái, mà đã có con trai con gái thì tránh sao cho khỏi những tiếng lả lơi chòng ghẹo cho nên « hò » cũng có khi như « hát trống quân » ở ngoài Bắc, bên nam bên nữ đối đáp lẫn nhau.

Ví dụ con trai hò :

Biển rộng âm-thầm, thấy trời sầu mù mịt,
bốn bề sông vỗ, từ phía mây dăng, đó có

thương đây nhờ sợi xích-thằng, nhứt tâm như thiết-thạch, thiếp chớ có cợt gió trêu trăng mà chàng buồn.

Con gái hò đáp lại :

Thuyền chim đáy nước, con cá lừng-đừng lặn-lội, ngửng mặt trông trời, nhạn ngẩn-ngơ sa, vì đâu thiếp có đắm nguyệt say ba, có ông trời cao soi xét, anh chớ thiết-tha mà đau lòng !

« Hò » đại-khái như vậy, và muốn cho khỏi ra ngoài phạm-vi đầu-đề, tôi không nói đến lối văn « hò » cùng cách đặt câu « hò », nhưng cũng xin kể thêm mấy câu « hò » nữa, để các ngài thấy cách đặt vần trong câu « hò » :

Chiều, chiều trước bến Văn-Lâu, ai ngồi, ai câu, ai sầu, ai thảm, ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai trông, thuyền ai thấp-thoáng bên sông, đưa câu « mái đẩy », động lòng nước non !

Lại câu khác :

Trời mưa trời gió vác đó ra đơm, chạy vô ăn cơm, chạy ra mất đó, kể từ ngày, thương đó, đó ơi, đó không phân đi nói lại một đôi lời đây hay !

Lại câu nữa :

Buổi mai ăn một bụng cơm cho no, em

xuống bến đò mua chín cái trách, (1) *em bắc quách lên lò :*

Một cái kho ngò,
Hai cái kho củ-cải,
Ba cái kho nải chuối xanh.
Bốn cái nấu canh rau má,
Năm cái nấu cá chim-chim,
Sáu cái kho rim thịt vịt,
Bẩy cái nấu thịt con gà,
Tám cái kho cà thu-đủ,
Chín cái nấu củ môn tây,
Em theo anh cho đến ngày nay, công bắt thành. danh bất toại, thời chín cái trách nầy cũng chẳng ra chi !

* * *

Huế cả đàn ông, đàn bà phần nhiều biết đàn, biết ca, biết hò, nên Huế là chốn « ăn chơi » ! Nhưng ăn chơi bằng cách kín-dáo, không ồn-ào, cho nên những tiệm cao-lâu, tiệm hút, nhà hát ở Huế rất hiếm. Vậy tiếng « ăn chơi » ở đây phải chăng có nghĩa là thích nhàn, và thích đánh bạc ?

Không kể « đánh me, bài cẩu, mà-chược » quân bài có tính-cách « Huế » là bài « tứ-

---

(1) Cái trách là cái nồi đất rộng miệng.

sắc » đánh bốn người, đánh ba người thời gọi là « bài xịp ». Bài « tứ-sắc » cũng có tướng, sĩ, tượng, xe, pháo, mã. . như bài tam - cúc, nhưng mỗi thứ có 16 con, ví dụ « tướng » thời có 4 tướng đỏ, 4 tướng xanh, 4 tướng trắng, 4 tướng vàng. Còn đánh thời không phát quân như tam-cúc, lại ăn, và bốc « nọc » như tổ - tôm. Ăn thời ăn như xe pháo mã, tướng sĩ tượng, hay phỗng... Lúc được thời tính « lên » tức là tính « điểm »... Nhữ'ng người đánh tứ sắc to, ăn thua trên bạc trăm.

Ở Huế gần Tết và ra giêng, người ta hay đổ xam-hường hoặc « tam-hường ». Cách đánh này rất phong nhã. Người ta dùng 6 con « xúc-xắc » ; (1) mỗi người một lượt deo vào trong một cái bát sứ. Hễ deo được nhiều mặt « tứ » thì được nhiều điểm. Ví dụ deo được 4 mặt tứ (Tứ hường) thì được 32 điểm ; người ta sẽ đưa cho mình giữ' một thẻ có đề « Trạng-nguyên ». Nếu deo được ba tứ (Tam-hường) thời được giữ' thẻ « Hội-nguyên » (8 điểm)... Nhữ'ng thẻ ấy có khi làm bằng ngà, bằng sừng hay bằng tre, bằng gỗ sơn. Tất cả có 36 thẻ,

---

(1) Ở Huế gọi là hạt « tào-cáo ».

khi nào chia hết thẻ thời hết một « hội » Ai nhiều thẻ thời được, ai ít thẻ phải tính và chung tiền cho nhà được nhiều thẻ.

Nếu các ngài đã thấy một hoa-khôi ở Huế, với hai tay trắng nuột, cổ tay tròn trĩnh, ngón tay búp măng, lại thêm nhữ'ng. móng chuốt nhọn và đều đặn, mềm mại trong lúc deo quân súc-sắc động vào thành chiếc bát sứ cổ, vang tiếng kêu ròn, chen thêm tiếng dịu-dàng của mỹ-nhân, tươi tỉnh hô những tiếng ; Phân song, hạ-mã, thượng-mã (1) .. thời các ngài sẽ thấy nhữ'ng vẻ tao - nhã, lịch - sự, nên thơ trong lúc đổ xam-hường !

Cũng về mùa xuân, đầu năm, ở Huế thường có đánh bài chòi. Người ta dựng 11 cái chòi, năm chòi bên tả, năm chòi bên hữ'u, ở giữa một chòi « trung-ương ». Người chạy bài chia mỗi chòi năm quân bài. Còn người ở chòi giữa, sáu quân. Ví dụ ; người ta chia cho tôi năm quân, một con cửu văn, một con nhất vạn, một con lục văn, một con tam sách, một con bát sách. Người phát quân, đánh con lục văn, thời tôi ra

---

(1). — Ba mặt nhất, ba mặt nhị chẳng hạn, là phân song ; hai nhất, hai nhị, hai tam là Thượng-mã ; Hai tứ, hai ngũ, hai lục là Hạ-mã.

hiệu có con ấy. Người chạy bài giao cho tôi con lục văn. Tôi phải phát một quân, ví dụ tam sách, nếu sau tôi ăn được quân cửu văn thời tôi chờ quân bát sách. Nếu ai đánh bát sách thời tôi được ván ấy.

Cách đánh rất dễ, nhưng quân bài vẽ hình khó nhớ, và họ gọi tên khác cả, ví dụ : con Xơ là lục - vạn, con Trò là nhất vạn, ông Thầy là cửu - văn, con Voi là tứ văn, Sáu tiền là lục vạn, con Gà là tam sách (1) v. v. Người chạy bài vừa phát quân vừa rao rất vui, nhiều khi họ rao như « hát vè » nhiều câu không có nghĩa như :

Đàn bà đi chợ, là vợ người ta...

---

(1) Nhất vạn (con Trò) ; Nhị văn (con đấu) ; tam vạn (con quăn) tứ vạn (Tứ cẳn) ; ngũ văn (ngũ trưa) ; lục vạn (con Xơ) ; thất văn (con nhọn) ; bát văn (con bồng) ; cửu văn (ông thầy) ; Nhất văn (con gối) ; nhị văn (Tráng hai) ; tam văn (Tráng ba) ; tứ văn (con voi) ; ngũ văn (con rún) ; lục văn (sáu tiền) ; thất văn (lá liễu) ; Bát văn (Tám tiền) ; cửu văn (con Xe) ; ông lão ? (Thái tử), nhị sách (con nghèo), tam sách (con gà) ; tứ sách (con giống) ; ngũ sách (con dầy) ; lục sách (sáu nút) ; thất sách (con sưa) ; bát sách (tám giây) ; cửu sách (đỏ mỏ). Ngoài ra còn có hai con nữa nhất sách (nọc đượng) và chi chi (bạch tuyết). Nhưng phần nhiều người ta bỏ không dùng hai quân bài, ấy, vì hai quân ấy có nơi gọi bằng tiếng rất tục.

Này « con voi » !

Ngoài những cách đánh bạc kể trên, Huế cũng đánh tổ-tôm, tài-bàn, nhưng tài-bàn thịnh-hành hơn tổ-tôm, vì theo nhiều người nói, Huế trước chỉ đánh tài-bàn, sau người Bắc vào Huế đông, người Huế mới tập đánh tổ-tôm. Cho nên mười bàn tổ-tôm, thời hết chín bàn trong có một, hai người Bắc !

Nếu các ngài cho rằng đánh tứ-sắc, tài-bàn để tiêu-khiển, thời tôi xin nói đến cách tiêu - khiển thanh-nhã, qui-phái là đánh « đầu hồ », tức là dùng những thẻ bằng gỗ ném lên trên một miếng gỗ dầy, thẻ ấy tung lên, rồi lộn đầu chui vào một cái bầu bằng gỗ thủng đáy, dưới có kê một cái trống. Khi thẻ rơi xuống chạm vào mặt trống thời những tiếng trống nổi lên, như vỗ tay khen người đánh thẻ ngắm trúng miệng bầu ! Đánh « đầu hồ » ngoài Bắc khi xưa, các cụ cũng có chơi, nhưng ngày nay cách chơi ấy có lẽ đã mai-một đi rồi. Ở Huế hiện nay, những nơi sang-trọng và nhất là ở các phủ ông Hoàng bà Chúa vẫn còn được chuộng.

Tiếp đoạn này, tôi xin nói đến một cách tiêu-khiển thanh-nhã, mà phần nhiều người Hoàng-phái ưa lắm : « cách đánh thuốc cá. »

Bỏ chiếc « đầu hồ » kê trong một căng

nhà tráng-lệ, mệ (người Hoàng phái) ra đó vời một người bạn để đánh cờ ; Ngồi đánh cờ trong một chiếc đò rộng-rãi, trên giải nước Sông Hương, Mệ vừa đánh cờ vừa sai người nhà thả những con tôm « mồi » xuống nước. Chỉ năm, mười phút sau, những con cá hanh bằng bàn tay, ăn phải « tôm mồi » bị trúng độc, phơi mình trên mặt nước, chịu để cho người nhà của Mệ, vớt lên để làm thịt dâng Mệ nhắm rượu !

Nếu hỏi Mệ, cách thuốc cá thế nào, Mệ sẽ không tiếc mà cho ta hay :

Cứ mười hạt mác, thời nghiền ra với ba hạt tiêu, rồi đem cân để bỏ thêm muối. Cứ ba phần « mác, tiêu » thời một phần muối.

Xong cả ba thứ quết với cơm, rồi viên từng viên to hơn hạt ngô một chút. Bắt tôm tươi to bằng độ hai đốt ngón tay, rạch bụng, nhồi viên thuốc vào. Ra sông cứ vứt độ hai mươi con « tôm mồi », chỉ mười phút sau, cá hanh ăn phải, say thuốc nổi ngay lên mặt nước.

Các ngài nghe câu chuyện vừa đánh cờ vừa « thuốc cá », một cách tiêu-khiển thanh-nhã, yên lặng, một lối tiêu-khiển của các « ông Hoàng » đời xưa để lại, chắc có ngài tưởng rằng các Vua, chúa đời xưa chỉ ưa

tiêu-khiển như uống rượu, ngâm thơ hoặc xem hoa nở, hoặc chờ trăng lên: những cách tiêu-khiển thanh-nhã nên thơ. Nhưng không phải, vì tùy theo tâm-tính mỗi vị. Tôi muốn nói rằng đời xưa, cũng có vị thích tiêu-khiển bằng những cuộc mua vui rất ồn-ào như cho hai con thú-vật thi võ, để nghe những tiếng gầm, thét, để trông thấy những giòng máu đỏ của hai thú-vật sô sát lẫn nhau như cuộc :

Voi cho thi võ với hổ. Sở dĩ tôi nhắc đến chuyện này vì hiện nay, tuy ở Huế không còn những cuộc vui như thế nữa, nhưng di-tích chỗ diễn những trò ấy vẫn còn, tức là « Hổ-Quyền » ở làng Nguyệt-biều, cách xa ga Huế không đầy một chục cây số.

Nếu các ngài cho rằng, kể truyện voi đấu sức với hổ, không ra ngoài đầu-đề câu truyện hôm nay, thời xin kể dưới đây :

Hổ-Quyền có một sân rộng, hình tròn đường kính-tâm hơn 30 thước tây. Xung quanh có tường dầy xây cao đến bẩy thước tây. Bên trên trống thiên, phía trước có một cửa chính, phía sau năm cửa . Ba cửa giữa thông với ba chuồng cọp hai cửa bên thông với hai chuồng voi. Phía ngoài có hai thang lên trên chỗ người xem, rộng hai thước, bao quanh ở phía trên, có lan can ngăn và để

làm chỗ khán giả. vịn. Nhà vua tự Đại-nội ngự lên Hồ-quyền thường dùng đường thủy (1) đến hồ quyền ! Nhà vua bước lên thang, các triều thần theo sau. Chỗ nhà nhà vua ngự có bực cao, trần-thiết lịch-sự với bốn bức mành mành dủ bốn bên.

Một tiếng truyền xuống lính mở cửa đuổi cọp ra sân.

Một tiếng gầm cọp nhẩy vọt ra giữa sân, nghe tiếng người xôn-xao ở trên bờ tường ngước mắt lên nhìn gầm mấy tiếng, nhưng biết tường cao chẳng vọt lên được, đành quay lại nhìn phía sau, thời đã thấy quân linh vừa đuổi một con voi ra. Voi vươn vòi, chậm chạp mạnh mẽ bước ra thấy cọp nghĩ ngay đến sự chẳng lành ! hai giống có lẽ đối-ky nhau. Cọp gầm, voi ré, cọp nhẩy lên bấu voi, voi dùng vòi gỡ, lăn cọp xuống đất rồi định lấy chân xéo lên mình cọp và định lấy ngà xiên ! nhưng cọp nào có chịu thua, lánh sang bên rồi lại nhẩy lên mình voi, dùng vuốt bấu, dùng nanh cắn xé.

Voi quặt vòi ra sau định gỡ nhưng không

---

1) Hiện nay gần bến đò ấy có họp chợ. Đi thuyền từ bến « cầu Tràng-tiền » « đến bến chợ Hồ quyền » mất gần 2 tiếng đồng hồ. Từ chợ đi bộ vào Hồ-quyền chỉ mất 5 phút

được liền đeo cọp chạy lại sát tường, định ép cọp vào tường ! Cọp không ngờ, đang mải cào cấu, cắn xé, thời bị xát mình vào tường, vừa đau, vừa giận ! gầm đi, gầm lại ! từng ! trên tiếng cười nói xôn-xao ồn-ào vui vẻ... Dưới sân cọp gỡ mãi mới lăn được mình xuống đất, thời đã bị ngay bốn cái chân lớn tướng như bốn cái cột nhà bao quanh, cọp lúng túng gỡ mãi không ra khỏi vòng vây. Còn voi chỉ chăm chăm xéo lên cọp, nhưng xéo được lên một giống anh hùng nhất-thống nơi rừng xanh cũng không phải là dễ !

— Chuyện voi đấu với cọp mỗi người kể một khác, nhiều đoạn lại khó tin nữa Theo nhiều người nói thời ở nơi rừng rú nếu voi đấu với cọp. thời phần nhiều cọp được, nhưng tại hổ - quyền thời khác vì voi được biệt đãi hơn, nên trước khi đấu, người ta cắt vuốt hổ cho bớt nhọn, hay rũa nanh cho đỡ sắc. Cọp mà sứt nanh cùn vuốt thời làm gì mà chả chịu ép mình dưới bàn chân sắt của voi !

Thưa các ngài, những câu chuyện « tiêu khiển » ở Huế kể ra tôi hầu chuyện các ngài đã gần đủ ; giá còn những tiêu-khiển khác thời cũng tương - tự với

những cuộc tiêu-khiển ở Bắc nên xin miễn kể. Vậy xin nói sang đoạn khác.

* * *

Ở ngoài Bắc các ngài đã nghe quen những họ như Lê Trần Vũ v.v... Đến Huế, các ngài nghe thấy những họ rất lạ tai như Hường, Bửu, Viễn Tráng v.v... mà lạ nữa là cha họ « Hường » con lại họ « Ưng »

Vậy tôi xin nói qua về Hoàng-Phái và Ngọc-Phổ, để các ngài thấy rằng Hường, Ưng, Bửu, Viễn, Tráng... đều là con cháu nhà Nguyễn cả.

Nguyên Ngọc-Phổ nhà Nguyễn bắt đầu chép rõ ràng từ đức Nguyễn-Kim trở xuống! Đức Nguyễn-Kim có hai con trai: Nguyễn-Uông và Nguyễn-Hoàng. Về chi hai ngài đều lấy hai chữ Tôn-thất làm họ cho mãi đến đức Gia-Long.

Về triều Minh-Mạng năm thứ tư, có Dụ ban cho các ngài Hoàng-tử triều Gia-Long mỗi đức ông Hoàng một bài thơ ngụ ngôn để đặt tên họ.

Đức Minh-Mạng cũng là con đức Gia-Long nên cũng có một bài thơ riêng:

Miên hường ưng bửu vĩnh
綿洪膺寶永

Bảo qui định long trường
保 貴 定 隆 辰
Hiền năng kham kế thuật
賢 能 堪 繼 述
Thế thoại quốc - gia xương.
世 瑞 國 嘉 昌

Vì vậy đức Minh-Mạng đặt tên con trai trưởng là Miên-Tôn (tức là đức Thiệu-Trị); kế đến đức Thiệu-Trị sinh ra ngài Hường-Nhậm (tức là đức Tự-Đức). Đức Tự-Đức không có con, nuôi cháu là Ưng-Biện (con ngài Hường Cư tức là đức Kiên-Thái-Vương).

Rồi đến đức Đồng-Khánh sinh ra Ngài Bửu-Đảo (tức là đức Khải-Định), Đức Khải-Định sinh ra ngài Vĩnh-Thụy (tức là đức Bảo Đại). Đức Bảo-Đại sinh ra Hoàng-tử Bảo Long. Sau này con trai Hoàng-tử Bảo-Long sẽ lấy tên là Quý X. . . Cứ thế tiếp mãi đến 20 đời thời mới tới chữ Xương là chữ thứ 20 của bài thơ ngụ-ngôn.

Ngoài đức Minh-Mạng, đức Gia-Long có chín người con trai nên cũng có 9 bài thơ ngụ - ngôn khác nhau. Vì vậy cho nên mới có những họ như :

Mỹ, Duệ, Tăng, Cường, Tráng. . . (về chi con trai trưởng đức Gia-Long); Lương Kiến, Ninh, Hòa, Thuật. . . (về chi con trai thứ 5

đức Gia-Long), Tịnh, Hoài, Chiêm, Viên, Ái (về chi con trai thứ 6 đức Gia-Long) v. v...

Còn con gái trong Hoàng-phái thời gọi khác, ví dụ con trai là Tôn-thất-Mỗ, con gái sẽ gọi là Tôn - Nữ-thị — Mỗ con gái cũng gọi là Tôn-nữ thị-mỗ, con trai là Cường mỗ, hay Tráng mỗ ;

Con trai là Hường mỗ nếu là con gái thời gọi công-nữ thị mỗ.

— id Ưng-mỗ — id — công-tôn nữ thị mỗ,

— id Bửu-mỗ — id — công tằng-tôn nữ thị mỗ

— id Vĩnh-mỗ — id — Huyền tôn nữ thị mỗ.

Còn tiếng « Mệ » thời chỉ người hoàng-phái cả đàn ông lẫn đàn bà chứ không phải mệ chỉ là đàn bà, con gái, như nhiều người ngoài Bắc thường hiểu lầm.

* * *

Đến đây xin nói về những tiếng nói khác nhau của Huế và Hànội. Cho tiện việc so sánh xin kê phác theo loại : danh-từ, hình dung-từ, động-từ. trạng-từ...

Nhưng dù sao, xin các ngài để ý cho rằng không những nhiều tiếng ở Huế khác Hanội, mà cả cách đặt câu cũng có khi khác ! cho nên muốn nói cho « hệt » tiếng Huế, không thể chỉ học những tiếng Huế khác Hanội. Đấy là chưa kể đến « giọng nói ».

Thí-dụ, ngoài Bắc ta nói : « ông nói thế tôi chả hiểu tý gì cả ! », Thời ở Huế lại nói khác hẳn đi : « Thầy nói rứa tôi có hiểu chi mô có nờ ! » Nếu các ngài cho phép nói tiếng Saigon, cũng để diễn-tả một ý-nghĩa ấy thời tôi sẽ nói : « Thầy nói dậy tôi không hiểu chi hết ! »

Ấy là không kể những câu nói khác hẳn, ví dụ như ở Bắc ta dọa trẻ con thường bảo : « Ngủ đi, không ông ngoáo ọp kia kìa ! »

Ở Huế, nạt trẻ, lại nói :

« Thét đi, kìa ông Ba kẹ ! »

Do câu trên này, các ngài thấy ở Huế gọi « thét » là ngủ ; « ông ba kẹ » là ông ngoáo ọp ! Nếu tôi tách chữ « thét » ra thời tôi còn phân-trần được thêm nữa : Ở Huế, người nhớn thời gọi là ngủ, còn trẻ con thời gọi là « thét », cho nên có câu :

Đu em cho thét cho muồi, Để mẹ đi chợ mua vôi ăn trầu. Nhưng nếu chỉ một ông quan ngủ, thời lại nói : quan giấc, còn vua thời nói « Hoàng-Đế ngơi chưa tánh » (tức là : Vua ngủ chưa dậy.)

Trước khi nói đến từng chữ, tôi xin nhắc

---

(1). — Muồi nghĩa đen : Chín muồi là chín nục, nghĩa bóng là ngủ say.

thêm một câu mà trẻ con ngoài Bắc trước khi bóc một quả quít chẳng hạn thường để lên miệng thổi rồi đọc một câu, như câu « thần chú » để cầu cho quả quít sẽ ngọt thêm :

Đà ha, đà hắng, cái đắng lên cây, cái ngọt xuống đây cho thày kiếm miếng. Ở Huế trong trường hợp tương-tự con nít lại đọc :

« Hu hu, the the, đi đàng cay, đề đàng ngọt lại tôi ăn ! »

Theo những tỷ-dụ ấy, các ngài thấy, nhiều lời lẽ lại nói khác hẳn đi, cho nên muốn học nói tiếng Huế, phải ở Huế lâu năm mới học được, Huế « kêu » cái vịm, ngoài ta gọi là cái phạng cơm.

Huế	*Hanoi*
Cái vá xới cơm	là cái chai xới cơm,
Cái ve	là cái chai
Cái ly	cái cốc
Cá gáy	cá chép
Cá leo	cá nheo
Cá trầu	cá sộp
Con chùn	con run
Nước lèo	nước chấm
Một lát cá	ruột khúc cá
Con chí	con chấy

Huế	*Hanoi*
Chuối ba-lùn	chuối tiêu
Trái thủ-đủ	quả đu-đủ
Trái thơm	quả dứa
Trái mạng cầu	quả na
Trái đào	quả doi
Trái đào lông	quả đào
Bánh mì	bánh tây
Bánh thuẫn	bánh bàng
Bánh tét	bánh trưng
Bánh tráng	bánh đa
Bánh nhị thịt	bánh nhân thịt
Trái cật heo	bầu dục lợn
Thợ cúp	thợ cạo
Áo cụt	áo cộc, áo cánh
Cái mùng	cái màn
Buổi mai	buổi sáng
Mốt	ngày kia
Khi hôm	hôm qua
Hôm qua	hôm kia
Cây viết chì	cái bút chì
Giấy dộm	giấy thấm
Cửa lá sách	cửa chớp
Cửa gương	sửa kính
Gương đeo mắt	kính trắng hay kính dâm
Bức sáo	cái mành mành
Ống sáo	cái sáo thổi

Huế	*Hanoi*
Huýt gió	thổi còi bằng miệng
Vút gạo	vo gạo
Thắp thuốc lá	châm thuốc lá
Xuy kền	mạ kền
Méc	mách
Nhầm	đúng
Nồi sung	nồi nóng
Ngày kỵ	ngày giỗ
Đề chế	đề trở
Ngồi nề	ngồi không, ngồi dưng
Ngủ gục	ngủ gật
Nằm chộ, nằm thấy	nằm mê (mơ)
Nằm nơi	ở cữ
Đi khỏi	đi vắng
Xuốt nhà	quét nhà
Xều giầy	nhé giầy
Ăn chùng	ăn vụng
Cùi cây	triết cây
Bán mai xưa	bán mỡ hàng
Đi một chắt	đi một mình
Người sự thể	người lịch sự
Cợ	độ
Cái ni	cái này

Cái tê	cái kia
Ở lỗ	trần truồng
Bề	vỡ
Dùi	chùng, không thẳng
Một chữ	một đồng bạc
Một giác	một hào
Giác éc	hào một
Giác đôi	đồng ván hai hào v.v.

.... Nói đến *giác* và *chữ*, ta nên biết rằng đồng trinh Khải-Định ở Huế không tiêu, lại tiêu những đồng chinh xưa Gia-Long, Minh Mạnh, Thiệu-Trị, Tự-Đức, Thành - Thái. Những đồng trinh xưa ấy chia ra làm 3 hạng : Đồng ăn mười, đồng ăn sáu, đồng ăn ba-tức là một đồng ăn mười thời ăn mười đồng kẽm, cũng như đồng ăn sáu. đồng ăn ba thời ăn 6 đồng hay 3 đồng kẽm. Vậy hai chữ ăn ba (có nơi gọi là chữ ăn ngang) thời bằng một chữ ăn sáu.

Chữ ăn mười bằng năm chữ ăn sáu và cứ tinh một xu thời ăn bẩy chữ ăn sáu. Còn tiền kẽm thời cũng như ở các nơi, không còn nữa.

Còn nhiều tiếng ngoài ta nghe đều hiểu cả nhưng cách dùng tiếng lại khác, như ở Huế nói : « tôi biết lội» ngoài ta nói«tôi biết bơi» ... và nhiều tiếng nghe lạ tai :

Nó bổ một cái đuị, tức là : Nó ngã một

cái đến huych ! Một ổ bánh mì (một cái bánh tây ; Trái mạng cầu ni còn sống quả na này còn xanh) ; Ngoài ta chỉ nói cơm sống, cơm sượng, chứ không nói quả «sống» được.

Tiện đây, xin nói đến mấy câu cách - ngôn mà có lẽ người Huế nói đúng hơn, rồi chuyền khẩu ra ngoài Bắc thành sai hẳn nghĩa đi. Như câu : «râu ông nọ cắm cằm bà kia» ngoài Bắc ta thường nói, phải chăng là đọc lầm câu : *Bắc râu cha nọ, dật tầm mẹ kia* — (dật tầm là hoa tai). Lại câu « thấy chồng hiền, sỏ chân lỗ mũi ». Trong Huế có câu : « *thấy hùm hiền sỏ chưng (chân) vô cũi* » nghĩa là thấy hùm hiền lành, sỏ chân vào cũi không sợ bị cắn !)

Lại câu thường nói : Kể chuyện con gà, con kê. Trong Huế thời nói : Kể chuyện con cà, con kê vì về mùa xuân ở Huế ngoài chợ thường bán những cây cà. những cây kê con, tức là những cây « giống » mua về để trồng và gọi là con cà con kê. Vì vậy mới kể chuyện « con cà, con kê » đúng nghĩa hơn là « con gà, con kê » vì nói con gà, con kê như là nói một tiếng nôm, theo một tiếng chữ (« kê » đã là gà) thời thừa.

Còn nhiều tiếng nhiều câu khác nữa, hoặc tôi quên chưa hầu chuyện cùng các ngài,

hoặc tôi chưa « học lỏm » được », nên xin phép nói sang đoạn khác.

. . .

Dưới đây tôi chỉ xin nói vắn tắt một vài điều « hơi khác » mà tôi nghiệm thấy, trong đám hiếu, bỉ ở Huế như trong một đám tang thời không bao giờ thấy nhà táng bằng giấy. Người ta chỉ chụp lên trên quan-tài một cái nhà táng bằng gỗ người thường thì thuê, còn những đám quốc tang, thời đã có bộ Lễ sắm sẵn.

Tưởng ngoài Bắc ta cũng nên bắt chước để đỡ được những số tiền chi rất phí-phạm về việc đốt nhà táng giấy.

Còn trong đám cưới, tôi thường thấy cô dâu chít khăn xanh vành to (gần 20 nếp). Lúc đi đón dâu thời có thuê người mặc áo « mã tiên » (tương tự như áo phường tuồng) đi trước cầm đèn lồng, hai ngỗng trắng, hai lá thiên tuế, rồi mới đến họ nhà trai, nhà gái. Có đám cưới thách lợn, thời lợn sống bỏ vào cũi sơn son cũng dẫn đi theo.

Nên có câu :

Đèn lồng heo cũi lễ nghi
Trầu ăn rượu uống li-bì cho say.

Sau khi lễ Tơ hồng cô dâu, chú dể vào

phòng thời người ta thường để ở đầu giường một đĩa gừng và muối không phải là để phòng cô dâu đau bụng, nhưng muối gừng có ngụ ý khuyên răn :

Gừng cay, muối mặn, xin đừng quên nhau !

Câu chuyện đến đây kể cũng đã vừa. Mong rằng khi nào các ngài có dịp vô Huế, sẽ «khám phá» thêm những tinh-ba của Huế để bổ-khuyết vào câu chuyện tôi nói trên đây.

BÀN VỀ CÂU CÁCH - NGÔN :

ĐÀN ÔNG CHÓ' KỂ PHẢN - TRẮN

BÀN VỀ CÂU CÁCH-NGÔN :

ĐÀN ÔNG CHỚ KỂ PHAN-TRẦN

(Bài diễn-thuyết ở hội Quảng-Tri Huế ngày 26 Novembre 1941)

THƯA các bà,
Thưa các ngài,

Tôi đã lọt tai được câu cách-ngôn :

Đàn ông chớ kể Phan-Trần
Đà bà chớ kể Thúy-Vân, Thúy-Kiều.

từ hồi tôi mới đọc xuôi vần quốc-ngữ và bập bẹ dăm ba tiếng Pháp, nghĩa là đang hồi niên-thiếu, một trò bé ở lớp So-đẳng.

Đã bao phen tôi mở ra gấp lại quyển Phan-Trần, những muốn đọc kỹ-càng một lượt để an-ủi lòng thóc-mách tại sao đàn ông không nên kể truyện Phan-Trần ?

Đã bao phen những âm-điệu « tại sao » quay-cuồng trong óc non nớt, mà tôi vẫn chưa chịu ngược trái cái mệnh-lệnh đâu đâu :

Chớ kể truyện Phan-Trần.

Tiếp đến một ngày kia, tôi thấy người nhà cất biến quyển Phan-Trần đi đâu mất !

Ngày nay, hồi tưởng lại truyện cũ, tôi không thể không xuy-nghĩ, và lãnh-đạm với kỷ-niệm quá-khứ ấy được.

Chợt một hôm, thờ-thẫn ngoài phố, tôi gặp một người đàn ông gánh hai bồ sách, đon đả hỏi tôi : ... Ông mua truyện xem?»

Tôi hỏi bán những truyện gì, thời người bán sách đặt gánh xuống niềm-nở dở sách cho tôi xem, và kể một lượt những tên truyện xưa : Hoa-Tiên, Phạm Công, Cúc-Hoa, Nữ-tú-tài, Kim-Vân-Kiều, Nhị-Độ-Mai, Phan-Trần...

Lẽ tất nhiên là hai chữ Phan-Trần làm tôi để ý đến nhất. Lại được người bán sách vô tình mà thành hữu-ý, bảo tôi :

— Ông mua quyển Phan-Trần này giấy tốt và chữ in đậm.

Rụt rè, tôi trả lời :

— Nhưng đàn ông chớ kể Phan-Trần kia mà !

Người bán sách đưa tay bỏ cặp kính trắng đeo trên mắt xuống, rồi như định thuyết-lý với tôi, nhưng sau chỉ nói :

— Người ta bảo thế, chứ vị tất truyện Phan-Trần đã là một cuốn sách không nên xem.

Câu trả lời mơ-hồ ấy khiến tôi muốn khám phá ngay xem truyện Phan-Trần có nên đọc hay không ?

Một hào bạc trao tay người bán sách, cuốn Phan-Trần đã thuộc về quyền sở-hữu của tôi.

Nhân gặp lúc thư-thả mang ra đọc. Đọc cốt để trả lời câu : Đàn ông có nên xem truyện Phan-Trần không ? Tại sao ?

Thiển nghĩ câu hỏi ấy có thể đem ra bàn ở giữa một buổi hội họp như hôm nay ; nên tôi đánh bạo lấy đấy làm then chốt câu chuyện hôm nay.

Vậy xin các ngài để ý cho rằng câu chuyện hôm nay không phải là câu chuyện phê-bình văn-chương truyện Phan - Trần cùng khảo-cứu nguồn-gốc, căn-cứ tại đâu mới có truyện Phan-Trần, mà chỉ là một câu trả lời « dài giòng » của câu hỏi :

Đàn ông có nên đọc truyện Phan-Trần không ? Tại sao ? và đoạn sau tôi sẽ xin nói cả đến câu : « Đàn bà chớ kể Thúy-Vân Thúy-Kiều.

Muốn trả lời phân minh câu hỏi ấy, trước tiên, tôi xin mạn phép các ngài kể lại truyện Phan-trần tức là đọc lại những câu thi lục-bát có những âm-vận dịu-dàng, một áng thơ hay của nền văn xưa nước nhà.

Thấy trong triều Tống Tỉnh Khang
Một chàng Hoà Quận, một chàng Đàm chu

Chàng quê ở Hoà-quận họ Phan, chàng quê ở Đàm Chu họ Trần hai người từ lúc niên thiếu là bạn đèn sách đến khi đỗ đạt lại :

Cùng làm phủ-doãn một tòa hiển-vinh

Và được dân gian đều kính phục tấm lòng thanh cần, triều-đình để ý đến lòng trung nghĩa. Trời sanh cao thẳm cũng thấu tấm lòng nhân đức, nên hai gia-đình đều đầy đủ hạnh phúc : hai bà họ Phan, họ Trần đều một lượt thụ thai.

Trước khi cành đâm lộc, nụ nở hoa, họ Phan ngỏ lời với họ Trần :

Hai ta đồng học một khoa
Đồng niên, đồng oán, đồng nhà, đồng thân

Nay muốn nối tình thân thiết hai họ không gì bằng mai sau một bên sinh con trai một bên sinh con gái thì ta sẽ lấy sợi chỉ hồng mà se cho chúng thành một cặp uyên-ương hẹn nhau từ khi chưa rạn vỡ, vậy xin :

Trỏ thề trên thẳm dưới khơi
Cùng nhau chỉ dạ định nhời thông-gia

Tuy một lời cũng có thể tin nhau, nhưng

sợ khi vật đổi sao dời nên mỗi bên trao đổi một vật nhỏ để làm tin :

Họ Phan thì quạt họ Trần thì irâm

Có lẽ nhời ước hẹn thấu đến *cửu trùng* nên năm sau Phan-phu-Nhân :

sinh ra Nam-tử tốt lành
Hai vai chỉnh chệm ba đinh nở nang

Và đặt tên là Phan-tất-Chánh ; còn Trần-phu-nhân hé then động đào :

Một nàng tiên-nữ xinh sao
Mày ngang bán nguyệt miệng cười trăm hoa

Trần-công đặt tên là Trần-kiều-Liên.

* * *

Lần lần hè lại thu qua

Phan-công và Trần-công đến tuổi về trí-sự bấy giờ hai người mới phải :

chia tay nam bắc băng ngàn

Còn lời xưa nhắc lại rằng :

Tơ hồng lá thắm là hơn
Giầu bao giờ gặp cũng nên bấy giờ

Ông bà họ Phan về quê khuyên con chăm học sớm nhuần kinh sử tối bàn văn-chương ; còn họ Trần thời :

Dậy con canh cửi việc thường nữ-công

Và rèn cập cho Kiều Liên được :

Gồm hay thi lễ, lầu thông cầm kỳ

Ngày tháng thoi đưa, trai tài tới buổi lập công-danh ; gái sắc cũng đến thời xuất - giá Phan - Sinh nghe lời cha dạy lên đường đi thi văng-vẳng bên tai những lời giáo-huấn nào :

Chớ tham tửu sắc chơi bời
Lụy mình mà lại thế cười người chê

Trên mình ngựa dong cương, ba tuần trăng thời vừa tới kinh-kỳ để dự thi.

Phun châu nhả ngọc đua tài

Phan-Sinh đậu giải - nguyên, nhưng « mới hay thi phận, học tài, » kỳ khôi - nguyên lại hỏng. Chàng hổ - thẹn không dám về nhà nhìn thấy cha mẹ và nhất là ý-trung - nhân, nên lập chí nấn-ná ở Kinh-Đô để đợi kỳ - thi sau, nghĩa là ba năm nữa :

Chẳng bằng ta lập chí ta
Ba thu thấm-thoắt có là bao lâu.

vả lại :

Chim còn đón gió, rồng hầu đợi mưa.

Chàng đành quyết chí tìm một nơi vắng vẻ để tiện việc sách đèn :

Cho nên lần-thần quê người,
Tìm nhà thanh vắng tiện nơi tập - tành.

Một đèn, một sách, một mình.
Bướm ong khuất nẻo yến anh khuất đường.

Còn ở nơi quê hương Kiều-Liên, thời Trần-Công lâm-bệnh, rồi cưỡi hạc qui-tiên.

Thế là gia-đình trở nên hiu-quạnh: mẹ góa con côi. Nhưng sự tai-biến đến thế chưa ngừng vì bỗng dưng vùng ấy có giặc. Nàng Kiều-Liên phải bỏ nhà dắt mẹ đi lánh nạn.

Nhưng trời thật quá tệ! Một đêm dưới ánh trăng bạc, mẹ con vừa dắt nhau qua một quãng hàn-sơn thời lại nghe tiếng trống giục chiêng hồi, náo-động cả một khu rừng, mẹ con sợ hãi thành mỗi người lạc một nơi:

Con tìm mẹ, mẹ tìm con.
Cỏ cây man-mác, nước non lạnh lùng.

Nàng Kiều-Liên đang khi:

Một mình trong rậm rừng xanh.

thời gặp một người đàn-bà họ Trương ở Kim-Lăng đến, hỏi rõ sự tình rồi khuyên nàng nên đến một ngôi chùa ở đầu Kim-Lăng mà xin nương-náu tạm-thời. Nàng bất đắc-dĩ phải theo lời. Từ đấy Kiều-Liên đổi tên là Diệu-Thường, và qui y đầu phật, sống trong cảnh nâu xồng:

Khêu đèn hạnh, thắp hương mầu.
Chắp tay lạy phật, khấu-đầu qui-sư.

Tuy vậy cái tuổi xuân-xanh mơn-mởn, không phải là cái tuổi gửi thân nơi cửa Phật, nên trái tim vàng thường thổn-thức nhớ người yêu! Những lúc đối ngọn đèn canh-khuya, nàng dở quạt của Phan-Sinh đã tặng nàng làm kỷ-niệm ra ngắm nghía, bên lòng dẹp làm sao được những nỗi thổn-thức, bồn-chồn :

Quạt này ai để cho nhau.
Phong phong mở mở tả sầu làm khuây.

Ngôi chùa Diệu-Thường qui-y đầu Phật ở vào một nơi thanh-vắng đầy vẻ đẹp thiên-nhiên:

Đàn thông phách suối vang lừng
Cá khe lắng kệ, chim rừng nghe kinh

Nên thiện-nam, tín-nữ đòi phen cũng lui tới lễ Phật cầu phúc.

Một hôm trời xui khiến chàng Phan-tất-Chánh nhẹ gót lãng-du tới thăm cảnh chùa :

Thời chàng :

Mới hay sơn thủy hữu tình.
Cỏ hoa đón khách, yến anh đưa người.
Chập chừng quán thấp lầu cao
Hương nghi ngút tỏa, hoa ngào ngạt bay
Chuông dền, mõ duổi, khánh lay
Thông già điểm trống, trúc gầy khua sênh

và tình cờ lại gặp sư cụ chùa ấy là cô chàng. Cô cháu lâu ngày mới thấy mặt, coi bề quyến-luyến. Phan-Sinh kể nỗi mình tủi-

phận vì thi hỏng. Cô chàng an-ủi và khuyên nên ở lại đấy mà học-hành vì cảnh chùa là một nơi tịch mịch.

Phan-sinh nhận lời vì lúc mới đến đã thoáng thấy Kiều-Liên, nhưng không nhận được mặt, lại tưởng là một «cô-liều» nào xinh-xắn vì Kiều-Liên đã đổi tên là Diệu-Thường.

Ở lại chùa Phan-sinh thường nhìn thấy nét mặt diễm-lệ của Diệu-Thường, nên lửa lòng tư dâu bỗng khiến chàng như nung bởi những miếng than hồng. Chàng mới dò la hỏi vãi Hương-Công, thời vãi cũng thật thà kể cho chàng nghe : Vì nàng bị lỡ bước nên phải qui y đầu-phật, nhưng hiện nay :

Khách đà vì đạo từ-bi
Nhìn làm chi, hỏi làm chi hỡi chàng !

Nghe câu trả lời ấy chàng tự thẹn vì đã xỗ-xàng. Khi vãi Hương-Công đi khỏi, một mình Phan-Sinh.

Thôi thấp thoảng lại mơ màng

Và những ước ao :

Biết ai mà được nỉ non

trong những đêm trường với chị Hằng lơ lửng trên nền trời êm ái.

Một hôm may sao, Phan-Sinh nhác thấy nàng đang :

Thẩn thơ trước dẫy hành lang
Vin cành biếc hái hoa vàng làm thinh

Phan-Sinh vội vàng đến gần ướm hỏi mấy lời lả lơi. Nhưng Diệu-Thường làm thinh quay gót sen trở về phòng riêng.

Phan-Sinh hổ thẹn bẽn-lẽn đành trở về thư-phòng tự an ủi bằng câu:

Còn trời, còn nước, còn non
Còn giăng, còn gió hãy còn đó đây

Rồi chàng tìm vãi Hương-Công than thở nài xin giúp cho, và có lần quên cả mình là đấng tu-mi nam-tử cũng sụt-sùi khóc như một đứa con nít:

Hai hàng lã chã nhường mưa

Bà vãi Hương-Công cảm động và nề lời nên phải sang bên tĩnh-đường ướm hỏi Trần-nương nhưng nàng không chịu:

Kiếp tu đã nguyện bồ-đề
Lòng son bẩy mối, tóc thề mười phương
Một đèn, một sách, một hương
Giám còn để mối tơ vương bên lòng

Vãi Hương-Công bẽ-bàng lại đến phòng riêng của Phan-Sinh nói cho chàng hay là nàng nhất-định không nghe:

Khăng khăng khóa ngọc then vàng chẳng long

Nhưng Phan-Sinh lại là một anh chàng

si-tình có lòng quả quyết, bền trí, nên chàng hết sức năn -nỉ vãi Hương Công bắn tin lần nữa, và chỉ xin nàng :

..... ra trước cửa chùa
Mà nghe khách niệm nam-mô một lời

Vãi Hương-Công cả nể lại sang nói với Trần-nương. Nàng than rằng:

Ai ngờ quả kiếp sui nên
Một thân thiếu nữ truân-truyên mấy lần

Xong nàng lại quả-quyết bỏ chùa trốn đi nơi khác :

Âu là chịu bạc cùng thày
Liệu đường mà dã cảnh này cho xong

Vãi Hương Công thấy vậy, sợ bãi can rằng

Chót đà mỏi miệng. dầy xin kín lòng,
Miễn nàng tiết sạch giá trong,
Vàng không thẹn lửa, sen không nệ bùn
. . . . . .
Nàng nghe Hương nói nể-nang,
Giấp sầu, lại mở quyển vàng lòm khuây.

Vãi Hương về kể đầu đuôi cho chàng họ Phan nghe, rồi khuyên chàng đừng đeo đuổi nữa, vì nếu chàng chẳng nghe, nàng sẽ trốn đi thời :

Nữa oan lòng khách, tội thời tại ai ?

Từ đấy chàng họ Phan thành ra mơ-mộng, bâng khuâng và :

Sách bầy biếng đọc, cầm treo biếng đàn

Rồi cách đấy chẳng bao lâu chàng mắc bệnh, một bệnh oái-oăm kho chữa, một bệnh căn-nguyên ở trái tim đau khổ, bệnh « tương tư » — Vì vậy thuốc thang mãi không khỏi.

Diệu-Thường nghĩ thương hại theo vãi Hương-Công sang thăm Phan-Sinh — Phan-Sinh được thấy mặt nàng thời :

Mười phần phiền não, chín phần đổ sông.

Nhưng hai bên vừa mới hỏi-han được dăm câu thời bỗng ngoài hiên có tiếng người đi, vãi Hương-Công và Diệu-Thường vội vàng phải từ-giã ra về.

Nhưng Phan-Sinh quá si vì tình không thể ngồi yên một chỗ, bó tay chịu để Thần Ái-Tình hành-hạ, nên nhân khi tối trời chàng liền

Lần tường ẩn bóng bên thềm lân-la

đến tận chỗ nàng ở. Đứng bên ngoài chàng lên tiếng nằn-nì van-xin nàng mở cửa cho vào « tạ lòng » và hỏi chuyện. Diệu-Thường sợ hãi xin chàng chớ sỗ-sàng, vì nếu ai biết, thời thanh-danh đâu còn. Nhưng chàng cứ nằn-ni đòi cho được nàng mở cửa phòng :

Hẹp chi chút cánh cửa ngoài
Chẳng cho vào bạch Như-lai một điều
Kiếp này phụ, kiếp sau yêu !
Rồi chàng van thêm :

Cho vào mà kể duyên do ấy tường.

Nàng không thể từ chối được, đành phải mở then, ẩn cửa để chàng vào.

Sau khi cánh cửa phòng đã khép lại, Phan-Sinh thấy nàng vẫn nghiêm-trang, nên lễ phép hỏi duyên-do vì đâu nên nỗi qui y đầu Phật. Nàng bèn thuật lại đầu đuôi câu chuyện riêng vì đâu nàng phải lánh-nạn tại chùa.

Nguyên nàng chưa nhận ra người ngồi trước mặt là khách chung-tình nên phải nói trước :

Nếu chàng ép trúc nài mai

Thời nàng sẽ liều thân với một mũi dao nhọn.

Nghe câu chuyện, chàng giật mình tỉnh giấc hồn-bướm mơ tiên, đời chàng bỗng thấy sáng sủa như ánh nắng mặt trời buổi sáng. Chàng không nén nổi nỗi mừng thấy cái sung-sướng trước mặt, tươi cười, vồn-vã, trả lời cho nàng biết là chàng chính là Phan-tất-Chánh, chính là ý-trung-nhân của nàng ! Rồi hai bên lấy quạt, lấy trâm ra so, thời :

Cành trâm thích, quạt chữ bầy,
Rành rành tên tuổi hai người song song,

Bấy lâu trái tim vàng thổn-thức, nay mới tới ngày được an-ủi, nưng-niu

Phan-Sinh khuyên nàng đừng lộ chuyện để chàng ra công chăm học chiếm được bảng vàng sẽ hay.

Gặp kỳ thi, chàng từ giã ý-trung-nhân về kinh dự thí. Chàng đỗ Thám-Hoa, thật là phỉ chí nam nhi, chàng đón Kiều-Liên về quê-hương, nàng từ-dã cảnh chùa :

Dã non, dã nước, dã chiền,
Dã mai, dã trúc, dã miền cỏ hoa

Về tới nhà mới hay khuôn xanh khéo dun dủi, ông bà họ Phan đã tìm thấy bà Trần-thị mời về nhà tĩnh dưỡng từ lâu. Thế là ông bà họ Phan thấy con trai đỗ đạt, con dâu giữ lời « hẹn ngọc thề vàng» Kiều-Liên cũng gặp mẹ, nỗi vui mừng kể sao cho siết.

Từ đấy trong gia-đình trở nên ấm-áp, chỉ thấy những phút thần tiên êm ái, những khúc đàn lạc-thú, xướng-họa tưng bừng.

. . .

Truyện Phan-Trần đến đây thời chấm dấu

cuối cùng. Vậy nay ta đã có đủ tài-liệu để biện-bạch câu hỏi :

Đàn ông có nên kể truyện Phan-Trần không ? tại sao ? Nhưng trước khi trả lời câu hỏi ấy, ta cũng nên biết câu cách-ngôn « Đàn ông chớ kể Phan-Trần » là thuộc về lý nhẽ của các cụ tiền-bối, quá thiên về đạo-đức, ép mình vào trong những khuôn phép chật hẹp của cửa Khổng, sân Trình ; Bảo chẳng nên đọc truyện Phan-Trần vì Phan-Sinh là một chàng quá si, thấy gái đẹp mà quên ăn, quên ngủ, quên việc đèn sách, lại mắc cả bệnh tương-tư là khác, đàn ông không nên theo cái gương xấu-xa ấy, vì vậy không nên đọc truyện Phan-Trần.

Ngày nay, tôi dám đứng lên kể lại truyện Phan-Trần, thật là có lỗi lớn với các cụ tiền-bối, nhưng xét kỹ thời tôi tự thấy nhẹ tội, vì hiện nay trong nước ta đã sản-xuất biết bao nhiêu cuốn sách có thể gieo cái hại vào trong tư-tưởng người đọc, một trăm lần hại, một nghìn lần hại hơn là cuốn Phan-Trần, mà cái hại đọc sách dở là cái hại vô-hình, như một luồng gió độc nhiễm vào tâm-não người đọc, làm cho thần kinh mỏi mệt, tri não rối loạn vì vậy dựa theo đầu-đề câu chuyện

hôm nay không thể đừng bàn về điều : phải nên thận trọng trong việc lựa sách vở báo chí mà đọc nhất là các bạn thanh-niên.

Nhưng trước khi nói về sự thận - trọng trong việc lựa sách vở báo chí, hãy xin nói về anh chàug Phan-sinh mà, tôi đã hầu truyện các ngài ở đoạn trên.

Anh chàng Phan-sinh, các cụ tiền bối đã buộc cho là một người tính-nết hư, nay nếu ai đứng lên minh - oan cho chàng để tòa-án xã-hội kết án chàng nhẹ tội hay tha bổng thời người ấy tất phải đặt một câu hỏi :

Người ta sống ở đời có được phép yêu không ? mê một người đẹp có đáng tội không ? ai đã đặt ra câu hỏi ấy, tất phải trả lời :

Cây cỏ, non sông trông ra còn hữu-tình, huống hồ là người ta. Mê một mỹ - nhân đâu đáng tội, chẳng qua mắt xanh chọn mỹ - thuật biết qui cái đẹp, say sưa ngắm nghía, biết thu gọn hình-giáng tha-thướt, yểu - điệu, vào trong khoé mắt cùng những tinh ba.

Nay theo các cụ tiền-bối kể tội, Phan-Sinh là đấng tu-mi-nam-tử thời đâu được phép ốm tương-tư, vì một mỹ-nhân !

Bắt lỗi chàng Phan-Sinh như vậy thật cũng quá nghiệt. Vì cái nhan-sắc của một mỹ-nhân có thể làm nghiêng cả những « thành » xây kiên-cố, hay làm nổi cơn giông-tố trên mặt nước đang phẳng lặng im như tờ, vậy thời Phan-Sinh chỉ là một chàng si-tình, nên tha thứ. Có người lại còn khen chàng nữa, vì đã tự-nhận là hiện tại người ta xu-hướng về vật-chất nhiều hơn là về tinh-thần, nên ít ai đã chịu để bệnh tương-tư hành-hạ vì một mỹ-nhân nhan-sắc tuyệt-vời dù có « *chim-sa cá lặn* ». Theo lý-luận này, thời vì một mỹ-nhân mà phát bệnh tương-tư, thật là ái-tình trong-sạch và cao-thượng vậy. Nếu ai cho rằng thuyết-lý như vậy là trái lẽ thời người ấy đã tự-nhận là một ông phỗng đá gan lỳ già sóc khi đứng trước một bông hoa biết nói trăm phần tươi-tốt !

Đoạn này đã tự thấy viển-vông, vậy xin nói sang đoạn mà tôi đã hứa : Sự thận trọng trong việc lựa sách vở báo chí.

Đọc sách là một cách tiêu-khiển thanh-nhã và lý-thú nhất. Sách đây là tôi nói những sách có ích, thí-dụ những sách về Văn-Chương. Về khoa này ông Phan-kế-Bính có viết :

« . . . *Kia như nhân-tình thế-thái, nào thiện, nào ác, nào ninh, nào trung, nào những dạ ngoắt nghéo khắt khe, nào những thói thâm-trầm nham-hiểm, ai nói cho xuể, ai kể cho xiết, nhờ có văn-chương mà vẽ ra không thiếu một nét nào. Ngồi trong nhà mà lịch-lãm được hết các danh-thắng ở thiên-hạ; xem trên mảnh giấy, mà tinh tường được hết các việc hay dở của thế-gian. Sinh ở dưới mấy nghìn năm, mà tự hồ như được đối diện và được nghe tiếng hằn-học của người sinh trước mấy nghìn năm cũng đều nhờ có văn-chương cả.* »

Thi-hào Lý-Bạch có nói :

« *Đại khối giả ngã dĩ văn-chương* ». Nghĩa là Trời-Đất cho ta mượn vẻ văn-chương, đại-ý nói là văn-chương rộng-rãi như vũ-trụ. Đọc sách ta có thể biết rộng được như thế, nhưng tiếc rằng không phải cuốn sách nào cũng bổ-ích, vì vậy chỉ nên chuộng những tác-phẩm của những nhà văn nào có nhiệm-vụ cảnh-tỉnh quần-chúng, kinh-luân nền xã-hội.

Ngoài những nhà văn đáng kính-phục này, ông Nguyễn-bá-Học nói rằng :

« *Người cục-súc hay làm những văn tiểu-sảo, người nhu-nhược hay làm những văn chi-li ; người thô-sơ hay làm những văn*

sống-sượng ; người danh-lợi hay làm những văn thù-phụng ; người bợm-bãi hay làm những văn hoa-tình. Những người ấy mà cho làm văn bàn về phong-tục, đạo - đức, lịch-sử, chính-trị, chẳng qua mơ-mơ màng-màng ba câu lề lối, mấy chữ bẻm-mép... »

Ngày nay, tôi giám quyết rằng quyển Phan-Trần còn đáng đọc hơn nhiều cuốn sách khác. Tôi muốn nói đến những cuốn sách viết bởi ngọn bút muốn vun tưới cái mầm dâm-đãng. Họ đang tay dùng những thành-ngữ, những đoạn văn dâm-ô. Viết sách như vậy, chỉ cốt để bẫy những người có khối óc non nớt để bán sách chạy, để thu mối lợi nhỏ mà làm hại biết bao nhiêu tuổi trẻ.

Chánh - phủ bao giờ cũng cấm xuất bản những loại sách có hại cho nền phong-hóa cũng như cấm những sách có ảnh-hưởng làm rối cuộc trị - an, cũng như cấm những người thợ ảnh in ảnh những người đàn-bà lõa - lồ thân-thể. Nhưng sự thực thời Chánh-phủ dễ khép-án những thợ ảnh vô lương-tâm vì những tấm ảnh khoả thân là những tang-vật rõ-rệt, còn sách « ngờ » là có tính cách khiêu - dâm, thời khó phân - xử vì tác - giả

thường cãi lại là đã viết bằng lối văn tả-thực chỉ quan-sát những điều thực-tế, chỉ khảo-cứu những lối sấu - xa, những bề trái của xã-hội !

Lại còn những tiểu-thuyết thần-tiên-trinh-thám cũng là những sách thại cho những khối óc còn non.

Tôi còn nhớ có tờ báo đăng tin: Hai cậu học-trò trốn nhà, đi kiếm một nơi có rừng, có núi để ẩn núp, sau tìm thấy người ta hỏi duyên cớ thời hai trò đều trả lời : « muốn tu tiên nên phải vào rừng » để kiếm hoa quả ăn, và uống nước suối để sau mới luyện được những phép mầu nhiệm ! »

Lại một tin nữa :

Trong một lớp học đang giờ toán - pháp học - trò cặm cụi làm tính trên vở, thời bỗng một mũi tên tự đâu bắn đến, gắn vào áo của một trò đang cúi mặt xuống viết ; trên mũi tên có viết mấy chữ doạ nạt.

Lại truyện một tiểu-thư trốn nhà đi tìm chân-lý !

Phải chăng là mấy khối óc non - nớt đã bị ảnh-hưởng quá sâu của những truyện ly-kỳ về thần-tiên, trinh-thám và nghĩa-hiệp?

Những loại sách này kể nên đốt hết, còn những người tạo-tác ra nó thời cũng nên đem chôn sống một cách không tiếc như đời nhà Tần « Phần thư khanh nho » !

Cho nên có người đã nói :

Đọc một cuốn tiểu-thuyết tả cái « dở » ta biết thêm được một sự dở nên tránh. Nhưng nếu chịu ảnh-hưởng của một tiểu-thuyết tả cái dở tức là đã tự deo mình vào những cuộc cách-mệnh khốc-hại của trí-não và mang vào thân những vết thương chua-chát của thời-đại.

Ngày xưa ông Cáo-Tử nói đại khái rằng : « *Tính người như nước chẩy, khơi về phương nào, thời nước chẩy theo phương ấy* » ; lại câu ngay đầu sách Tam-tự-kinh. « Người ta lúc sinh ra, tính vốn lành. » Cho dẫu rằng câu ấy trái-ngược với lý-luận của mấy nhà bác-học Tây-phương hiện-thời, nhưng sở dĩ trong xã-hội có người hung-ác, người hiền-lành, người ngu-tối, người thông-minh, một phần lớn cũng ở như sự « sống » : Sống ở nơi không-khí nặng-nề, luôn luôn bị đè nén, áp-bức, thời người hóa nhu-nhược, không quả-quyết, trái lại sống ở nơi đầy ánh sáng, gần những người anh-hùng, tinh-thần cương-quyết, thân-thể mạnh-mẽ, thời tất ăn nói bạo-gian và có dũng lực.

Nay rút nghĩa hẹp lại, thời sống bên chồng sách đầy những tư-tưởng yếm-hế, thì tự-nhiên thấy mình hèn-nhát, chỉ muốn bỏ cái thế-giới cạnh-tranh này mà sang cái thế-giới khác để cầu lấy nhàn-hạ hơn (?) ; Sống bên chồng sách ca-tụng những sự hoạt-động của loài người, thời ta sẽ hồ-thẹn nếu ta không phấn-đấu. Cũng vì vậy mà có người đã nói : « Đại phàm muốn biết văn-chương của một xã-hội, cách chừng ít năm trước khuynh-hướng về đâu, cao-xa thể nào, hay dở dường bao, thì hãy xem cái sống của dân hiện-tại thì rõ. Chí ư muốn biết sự sống của một dân-tộc về tương-lai, thì hãy xem văn-chương hiện-tại . . . »

Có lẽ vì thuyết-lý như vậy, mà người ta đã nói rằng : « Bao nhiêu tính-chất của người Nga ta có thể tìm thấy ở trong tác-phẩm của nhà đại-văn-hào Léon Tolstoï ; Tiên-sinh thật là tấm-gương phản-chiếu của cả xà-hội Nga ; Lại câu : « Văn-Chương của Victor-Hugo là tiếng nói của cả một thời-đại » Vì chính tiên-sanh đã viết : « Những nhà thi-sĩ chân-chính phải đủ những tư-tưởng của thời-gian mình đang trải qua. »

Nếu thuyết lý như vậy mà đúng và nếu tôi có tài phê-bình, có công nghiên-cứu đọc hết những pho sách viết bằng Pháp-văn hay

Quốc-văn do đồng-bào ta soạn từ 10 năm, 20 năm... đến nay chẳng hạn, thời tôi cũng có thể đoán đại-khái được sự « sống » của ta về tương-lai.

Nhưng công việc to-tát ấy mà đem phân trần trong một buổi nói chuyện làm sao cho đầy đủ được. Nên tôi xin tóm tắt lại mấy lời sau đây :

Khi xưa phần nhiều ta chỉ được đọc những sách chép những tư-tưởng của mấy nhà hiền-triết Khổng, Mạnh, Trình, Chu, ngày nay nhờ biết tiếng Pháp và tiếng ngoại-quốc... ta lại được hấp-thụ thêm những tư-tưởng của các danh-nhân Tây-phương như Pascal, Leibniz, Kant, Nietzsche chẳng hạn... Cho nên những nhà viết sách người mình, hiện thời đã nâng văn-hóa nước nhà lên một chút. Muốn thưa chuyện cùng các ngài bằng những điều thực-tế, xin gác bỏ những sách nói về mỹ-thuật, khoa học, chánh-trị . . . chỉ xin kể mấy quyển tiểu-thuyết, mấy bài xã-thuyết, mấy thiên phóng-sự có ích-lợi một cách trực-tiếp hay gián-tiếp với vấn-đề nhân-sinh, tôi xin kể những sách hay những bài xã-thuyết, những trương phóng-sự ngụ ý cải-cách những điều hủ-bại, những tính dị-đoan hay phô bầy rõ rệt những cái xấu-xa của xã-

hội để ai nấy đều biết mà tránh,

Trước kia phần nhiều chỉ có những sách văn-hoa phù-phiếm, văn-sĩ chỉ để ý đến những cái thanh-cao cũng như làm thơ chỉ biết : phong, hoa tuyết. nguyệt... Còn bây giờ nhà văn để ý đến cả những người sống bên luỹ tre xanh, những người giang-hồ, trụy-lạc những người bị tù-tội, bị đầy ở Côn-lôn, ở Lao-bảo về cả đến những vết thương xã-hội, những người bịnh-tật những người hành khất. Sự đó ra rằng : ta không muốn phân giai-cấp, có lòng nhân-đạo, và biết hợp quần ! Bấy nhiêu điều kể trên hứa cho ta một hy-vọng về tương-lai rực-rỡ. Nhất là chữ quốc-ngữ hiện nay thông-dụng khắp trong nước, nhưng phàm một sự gì dễ làm ích-lợi thời cũng dễ gieo cái hại, vì chữ quốc-ngữ dễ học, nếu dùng mà truyền - bá tư-tưởng văn-minh, học-thuật, thật rất tiện-lợi. mà cũng là một cái hại không gì bằng. nếu đem chữ quốc-ngữ để khuyên đồng-bào làm điều trái ngược với luân-thường đạo-lý. Cho nên ông Nguyễn-văn-Vĩnh đã nói :

Nước ta sau này hay giở là nhờ ở chữ quốc-ngữ.

Cụ Phan bội-Châu cũng có nói : « *Quốc văn là thứ tiếng rất hay của nước ta, quốc-văn*

là nền móng xã-hội Việt-Nam, quốc-văn là cơ quan việc giáo-dục học-vấn sau này, »

Thật là đúng vậy

Đến đây tôi không thể quên nhắc đến hội «Truyền bá quốc-ngữ» hội mà khắp trong Nam, ngoài bắc ai ai cũng biết tiếng, cũng công-nhận là hội rất có-ích.

. . .

Câu chuyện đến đây kể đã khá dài, vậy tôi xin nói đến đoạn chót, tức là bàn về câu cách ngôn :

Đàn ông chớ kể Phan-trần
Đàn bà chớ kể Thúy-vân Thúy-kiều

Sở dĩ có câu « Đàn bà chớ kể Thúy-vân, Thúy-kiều » là vì có người cho truyện Kiều là một dâm-thư.

Kết án truyện Kiều như vậy là đứng về phương-diện luân-lý, vì theo phần nhiều các Cụ xưa, thời một quyển truyện phải tả những điều luân-thường đạo-lý ! Ai hiếu nghĩa thời phải gặp điều lành, ai gian-ác, tà-tâm thời phải gặp những sự chẳng hay, nghĩa

là phải theo cho đúng những lề-lối của 20 trương trong cuốn Minh-Tâm Bảo-giám chẳng hạn.

Trái với những ý-tưởng trên, một vài vị có trọng-trách về giáo-dục nước nhà lại lựa nhiều đoạn truyện Kiều và cả thơ của nữ-thi-sĩ Hồ-xuân-Hương làm bài giáo-khoa, tuy rằng văn cũa bà chua-chát và lẳng-lơ. Như trong quyển sách Quốc-Văn trích-diễm của ông Dương-quảng-Hàm mà nha Học-Chánh đã nhận là sách giáo-khoa, cũng thấy trích mấy đoạn truyện Kiều như đoạn: Kiều đi chơi thanh-minh gặp mả Đạm-Tiên! Kiều gẩy đàn cho Kim-Trọng nghe, Kiều ở lầu Ngưng-Bích v. v...

Phải chăng ông Dương-quảng-Hàm đã làm một điều lầm-lỗi?

— Quyết rằng không! Vì ông đã trích những đoạn văn thanh-tao, nhẹ-nhàng, bóng-bẩy... những đoạn kiệt-tác trong truyện Kiều.

Như vậy có lẽ theo ý ông Dương-quảng-Hàm thời đọc truyện Kiều hay thơ Hồ-xuân-Hương hay một cuốn sách nào khác, ta đều chỉ nên lãnh-hội lấy ý-nhị, tinh-hoa của cuốn sách ấy mà thôi.

Phải chăng đọc sách như vậy, mới là biết đọc? Nếu các ngài đồng-ý như

vậy thời:

Đàn ông có thể đọc chuyện Phan-Trần mà không hại.

Nếu trước khi kết-án truyện Kiều là dam thư, ta hãy bình-tĩnh, rộng lượng mà xét, thời ta thấy cốt chuyện Kiều là ở câu:

Bên tình bên hiếu bên nào nặng hơn?

Mấy trang đầu tả cảnh, đôi trai gái gặp nhau rồi tiếp đến Kiều, nhân khi nhà vắng lẻn sang nhà bên cạnh để tình-tự với chàng Kim!

Chỗ này nhiều người cho là Cô Kiều hư... hư lắm! Cái tình ấy chỉ là một gương xấu cho bạn thoa-quần.

Nhưng thời nay theo phong tục Âu-Châu trước khi kết-hôn, đôi trai gái đều được phép giao-thiệp dò-xét tinh tình để xem có thể cùng chung sống đến trọn đời không? chứ không theo khuôn-phép quá khe-khắt trong mấy trương Nội-Tắc « Thất niên nam-nữ bất đồng tịch. bất cộng thực » nghĩa là con gái 7 tuổi (xin nhớ lên 7 chứ không phải 17) không được ngồi cùng chiếu, ăn cùng mâm với con trai!

Lại xét tính-nết Cô Kiều, cũng không phải là người hư, tụy chuyện trò với Kim-Trọng nhưng vẫn ép mình theo chế-độ « cha mẹ đặt đâu con phải ngồi đấy » — Những ý-

tứ này đã diễn-tả trong hai câu :

Dù khi lá thắm chỉ hồng.
Nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha.

Lại những lúc chuyện-trò với chàng Kim, Cô Kiều đã tỏ ra rất nghiêm-trang đứng đắn:

Đã cho vào bậc bố-kinh.
Đạo tòng phu, lấy chữ Trinh làm đầu.
Ra tuồng trên bộc trong dâu.
Thì con người ấy ai cầu làm chi !

Thưa các ngài, tôi cũng không giám bênh-vực Cô Kiều nhiều nữa, sợ có người cho là xu-nịnh Cô Kiều thời « tội » cho tôi quá !

Vậy xin nhắc lại đoạn « nên thận-trọng trong việc lựa sách-vở, báo-chí »

Đàn bà có thể đọc truyện Kiều mà không hư.

Nói đến đoạn này, tôi nhớ hồi còn đi học thầy giáo khuyên chớ nên đọc những sách có thể hại đến trí-não. đến tinh-nết ; Rồi thầy dẫn cho biết là ông Descartes có nói :

« Đọc những quyển sách hay, chẳng khác gì được tiếp chuyện với những nhà hiền-triết mà ta lảnh-hội được những tư-tưởng tốt đẹp»

Và ngạn - ngữ Ả-rập có câu :

« *Anh hãy nói cho tôi biết anh ưng đọc những sách gì, tôi sẽ nói cho anh biết*

anh là hạng người thế nào.»

Tôi lại được nghe một ông giáo dậy chữ nho bảo học-trò :

« Nên chọn sách mà đọc, cũng như nên chọn láng giềng mà ở.»

Đối với học trò nhỏ, thời câu khuyên-giăn ấy rất hợp lẽ — Còn : « Đọc một bài văn, một cuốn sách, chỉ nên lãnh-hội những ý-nhị tinh-hoa » mà tôi đã nói ở đoạn trên, thời rộng nghĩa hơn và theo ý-nghĩa ấy, ta phải để tâm xuy-xét.

Thí dụ đọc bài văn của Cụ Nguyễn-công-Trứ.

Tế suy vật lý tu hành lạc,
An dụng phù-danh bạn thử thân ?

(Xét kỹ lẽ vật, chỉ nên chơi cho vui. Cần gì đem danh vọng hão buộc lấy mình)

Lại đọc 2 câu dưới này trong bài thơ khác :

Trót đã sinh trong vòng vũ-trụ.
Quyết ăn chơi, cho thỏa nên đời!

Tuyền là những giọng yếm-thế, thốt ra tự trong trái tim khô-héo, chán đời. Ta đọc những bài như vậy chỉ được phép « khen hay » chứ không được lấy đấy làm cái gương sáng mà soi. Vì nếu thế ta sẽ hoài-bỏ cả thân-thế trong cái tuổi xuân-sanh chứa-chan hy-vọng.

Vì nếu theo lời Cụ ở trong bài ấy thời :

Ở đời chớ nên mê danh vọng hão, chơi bời đi, bán trời đi... Cần gì viết văn-tự ! Đi chơi bời như vậy mới là « có lãi » nhiều ! Ai không chơi bời là thiệt !

Nếu các bạn thanh-niên đều nghe lời Cụ thì còn gì là thân-thế thanh-niên ! Vậy đọc những bài văn như vậy, ta chỉ nên hiểu đến cái thân-thế của Cụ vì đâu sinh ra yếm-thế, chứ không phải Cụ khuyên ta nên yếm-thế, chẳng qua cụ ngâm khúc chán-đời ấy để an-ủi cái đời cụ đã chìm nổi biết bao nhiêu lần. Chứ thật ra Cụ có phải là người hư đâu, Cụ làm quan nhất, nhị phẩm thờ đến ba đời Vua, Cụ giữ chức quan văn mà đi giẹp giặc đến mấy lần !

* * *

Thưa các ngài,

Trước khi đứng lên cám-ơn các ngài một lần nữa, đã tới dự-thính một câu chuyện khô khan ! tôi xin mạn phép, nói thêm mấy câu kết-luận :

Còn gì lý-thú bằng đọc sách ! nên nhiều người đã nhận rằng sách vở báo-chí đối với người có học là một thứ bổ ích cho tri-não, một thứ nuôi tinh-thần không thể thiếu được.

Vì lẽ ấy, khi xưa ông Hoàng-đình-Kiên cho rằng đọc sách là một bổn-phận của người sĩ-phu nên đã nói : Sĩ-phu mà ba ngày không xem sách, thì lúc soi gương, thấy bóng mình đáng bỉ.

Ngày xưa biết bao nhiêu người ham đọc sách mà ta nghe truyện chép lại, ta phải phục, ta phải mến như ông Chu-mãi-Thần ngày ngày đi kiếm-củi trong rừng, lúc quầy gánh ra về, còn đeo sách lên bó củi mà đọc ; như ông Lý-Mật đi chăn trâu, vừa cho trâu ăn cỏ, vừa viết văn đọc sách, nên về sau hai ông đều hiển-đạt cả. Lại trong sách Tam-tự-kinh có câu :

Nhân dĩ tử, kim mãn doanh ; ngã giáo tử duy nhất kinh. (Người để cho con vàng đầy hòm ta đây chỉ dạy con lấy một bộ sách.)

Câu này còn có ý sâu-sắc là cha mẹ để gia-tài cho con biết đâu là con giữ được mãi mãi, hay lại xa-phí vung tay quá trán một ngày một hao hụt, rồi chẳng bao lâu gia-tài khánh-kiệt. Chi bằng dậy con cho đủ điều-kiện để sinh-nhai, thời cái vốn bằng « tư tưởng » chỉ có phần sinh lợi ra, chứ không bao giờ hao-hụt đi được !

Lại xem câu phong-dao :

Khuyên chàng đọc sách ngâm thơ
Dầu hao thiếp chịu đèn lờ thiếp khêu!

Thời đủ rõ rằng những người vợ hiền đều khuyên chồng chăm đọc sách để hiển-đạt công danh. Nếu có chồng chăm đọc sách, viết văn, mà không tự biết là tốt số, thời đã có người bên láng giềng canh khuya lên tiếng chỉ-bảo cho rằng :

Đêm nằm nghĩ lại mà coi,
Lấy chồng hay chữ như soi gương vàng.

Bên phương tây bà Sévigné nói rằng : *Thích đọc sách, cái sở thích mới nhã làm sao. Ta tránh được nỗi buồn bực, ăn dưng ngồi rồi, thật là hai cái khả bỉ!*

Ông J. Joubert cũng nói rằng :

Chính sách vở làm ta sung sướng nhất và chính người đời làm ta đau khổ nhất!

Nay tôi lại xin hiến các ngài một tấm gương kiên-nhẫn trong sự đọc sách là nhà chánh-trị Đức Karl Marx khi chưa biết tiếng nước Nga có mấy người bạn thân ở Nga gửi về cho tiên sinh những tập hồ-sơ của bạn điều-tra về thời-cuộc nước Nga.

Nhưng ngán nỗi lại viết bằng tiếng nước Nga ; mấy tập hồ-sơ ấy rất có giá-trị vì Nga-

Hoàng hồi bấy giờ không cho công-bố lên báo-chí vì sợ có thể hại tới chánh-thể đế-chế. Karl Marx tiên-sanh muốn đọc những tài-liệu qui-hóa ấy, nên đã phải ra công học tiếng nước Nga để khỏi phụ lòng trông cậy của mấy bạn bên Nga. Cái trí kiên-nhẫn đến bực ấy, thật đáng kính-phục vậy.

Lại mới đây, một nhà văn trong Báo-giới có nói rằng :

Từ ngày ham đọc sách-vở báo-chí và ham viết văn thời quên được cả những sự mê tổ-tôm, tài-bàn, mà-chược, ca-hát ; có người cho là khờ-dại, thời trả lời rằng :

Khôn nơi cờ bạc là khôn dại
Dại chốn văn-chương ấy dại khôn !

Lại nhà Thi-sĩ Tản-Đà chỉ thích đọc sách ngâm thơ. Chỗ chơi-bời của Tiên-sinh là « làng-văn ». Cách tiêu-khiển, hay cách « chơi » của tiên-sinh là cách « chơi bằng văn », tính tình ấy tiên-sinh đã thốt ra ở mấy vần thơ sau này :

Nửa đời chính độ tớ đương chơi
Chơi muốn sao cho thật sướng đời
Người đời ai muốn chơi như tớ
Chơi cứ bằng văn mãi chửa thôi

Nay tôi lại xin mạn-phép các ngài, trích một đoạn văn trong cuốn « Muốn thành

công trên đường đời » của Trương-anh-Tự, làm lời kết câu chuyện hôm nay :

« Người ta mà thanh-cao là vì tư-tưởng trong « sạch, người ta mà ô-trọc là vì tư-tưởng « thấp-hèn. Nếu ta nghĩ đến « nghị-lực » thì « ta quả-quyết làm việc, nếu ta nghĩ đến sự « khoái-lạc về nhục-thể thì ta sẽ bị trụy-lạc « vào nơi tối-tăm ; Nếu ta nghĩ đến thú vui « trong sự đọc sách, làm văn, ta sẽ trở nên « người văn nhân tài-tử.

« Đã có tư-tưởng thời tư-tưởng ấy sẽ dẫn « đến những tư-tưởng khác cùng một loại ; « Những tư-tưởng cao-siêu đi tìm những cái « cao-siêu, những tư-tưởng xấu-xa đi tìm « những cái xấu-xa... »

PHÊ - BÌNH BÀI DIỄN - THUYẾT TRÊN

TỐI thứ tư 26 Novembre, ông Từ-Lâm Nguyễn-xuân-Nghị đã nói chuyện tại hội-quán hội Quảng-Tri về câu cách - ngôn « Đàn ông chớ kể Phan-Trần ».

Tuy gặp tiết mưa gió mà hội-quán hội Quảng-Tri tối hôm ấy chật cả chỗ ngồi.

Sau khi ông hội-trưởng Đào-đăng - Vỹ giới-thiệu, ông Từ-Lâm kể lại truyện Phan-Trần rồi bàn rất phân - minh về câu cách ngôn đã nói trên.

Trong khi nói chuyện, diễn-giả có mượn hai cô đào Bắc ngâm những câu thi hay trong truyện Phan - Trần, nên thính-giả trước khi ra về rất vui vẻ vỗ tay ngợi-khen ông Từ-Lâm.

T. A.

Quốc - Học Thư - Xã

Đương in sắp xong

HỌC - THUYẾT

MẶC - TỬ

MỘT HỌC - THUYẾT MÀ
HÀN - PHI - TỬ ĐÃ KHEN
LÀ RÕ - RỆT NGANG
VỚI ĐẠO - HỌC NHÀ NHO

■

Ngoài những bản giấy thường, có in riêng một số sách đẹp trên giấy lệnh-chỉ *thượng-hạng và giấy* vergé baroque crème *dành riêng cho các bạn yêu sách đặt tiền mua trước khi sách phát-hành*

SÁCH CỦA TỪ-LÂM NGUYỄN-XUÂN-NGHỊ CHƯA XUẤT-BẢN

Diệu kế của Đề-Thám

Tặng cô Hoàng-thị-Thế (con gái út Đề-Thám) mà tôi đã được hân-hạnh tiếp chuyện cô nhiều lần ở Paris.

* * *

Vợ lẽ cô Đào

(kịch)

Phòng số 13

(kịch)

Tặng cô Kim-Phụng và ông giáo Lê-văn-Lợi để kỷ-niệm ngày cùng tôi diễn-kịch vở « gái tân thời » của ông Từ-Sơn, tại Khai-trí tiến-đức, giúp quỹ hội Cựu-sinh-viên trường Bảo-Hộ Hà-nội năm 1933.

* * *

Bước đường vô sẵn

(truyện dài)

Tả một cô con gái nhà quê thật-thà chất-phác đã bán cái xuân xanh cho một ông Tú cùng làng bằng ba hào chỉ và một nắm xôi ! Truyện rất cảm-động.

* * *

Một *bài thi lục bát trích trong vở kịch* « *PHÒNG SỐ 13* » vở kịch này đã diễn tại hội Quảng-Tri Huế, ngày 4-12-1941, do hội thể-thao của viên chức Nam-Triều tổ-chức giúp Đông-Dương Học xá ở Hà-nội.)

Anh yêu em Cúc xinh tươi.
Đôi môi đỏ thắm, tiếng cười dòn tan !
Anh yêu em Cúc gọn gàng,
Giáng đi yểu-điệu mơ màng, liễu tơ !
Anh yêu em Cúc ngây thơ
Nhẹ-nhàng, hồn bướm, tiên mơ phương trời !
Anh yêu em Cúc tinh đời
Trái tim biết để tặng người tri-âm...

. . .

Đoạn văn trích trong vở kịch « MỘT CẢNH GIA-ĐÌNH » Thuyết nói -

« Biết thưởng-thức được cái thú cô đào cũng phải « đốt » hết một cái nhà gạch ! Như trước kia tôi còn ở Khâm-Thiên với bà Bầy có chị Nguyệt là một cô đào hát, được cả thanh lẫn sắc. lại học-lực khá, chả có thế có hai quan-viên ông Tham Thủy và ông Lục Vân tranh nhau có bạc nghìn, chỉ vì một tối bên khay thuốc phiện, ông nào cũng muốn cô Nguyệt ngồi cạnh ; cô Nguyệt trong trường-hợp khó-xử ấy, ngâm một câu :

Ước gì Nguyệt sẻ làm hai
Nửa in dưới Nước, nửa cài trên mây !

Hai câu này thật tình tứ biết bao, vì nước tiếng chữ là «Thủy», mây tiếng chữ là «Vân» mà «Thủy» với «Vân» là tên ông Lục và ông Tham...

Đoạn *văn trích trong truyện dài « BƯỚC ĐƯỜNG VẼ SẴN »*

Mặt trời mùa hạ đã gần xế bóng mà ánh nắng vẫn chang chang nóng bỏng. Không một ngọn gió, người và vật uể-oải. Cây tre, cây mít trồng quanh bờ ao đều phô một phần lá bị nắng xém .

Con chó vá nằm cạnh dàn cà chua, thè lưỡi như khát nước, thỉnh-thoảng vươn hai chân trước rồi lại nằm yên không nhúc-nhích.

Chợt có tiếng bát đĩa xô nhau trong dồ, và tiếng đàn gà con kêu chíp ! chíp ! Vá quay cổ lại, thấy chủ là cái Hến, cô con gái quê mười tám, đang cắp bên cạnh sườn một dồ đầy bát đĩa đề ra cầu ao rửa ; Vá chạy lại gần phe-phẩy đuôi.

Đàn gà con thấy Hến mang dồ bát ra ao rửa cũng đua nhau chạy theo. Hến, vì chắc rằng thề nào cũng có mấy bát cơm thừa, cơm vãi.

Ra đến cầu ao, Hến đặt dồ bát xuống, vét những hạt cơm còn bám trong lòng bát

trên đầu đũa và nhất là ở hai chiếc đũa cả, vứt cho đàn gà tranh nhau, rồi vén đôi ống quần ngồi xổm trên cầu ao, lấy nắm rơm dúng xuống nước, cọ rửa từng cái bát, cái đĩa một.

Rửa xong, Hến xếp bát đũa gọn gàng trong dổ, bưng lên để ở dưới gốc cây sung rồi cởi áo cánh vắt trên một nhánh cây; dựt cái khăn mặt bông đỏ treo ở dây thép, xong lại xuống ao rửa mặt, lau mình cọ rửa chân tay.

Đang lúc ấy, Hến nghe thấy có tiếng hát ở cổng đưa vào; thì ra Khoai, một chàng trẻ tuổi cùng làng, vừa đi vừa hát và tiến lại gần chỗ Hến ngồi.

Chàng hát:

Trên trời có đám mây xanh
Ở giữa mây trắng, xung quanh mây vàng.
Ước gì anh lấy được nàng...

. . . . . .

Sẩy hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân
Có rửa, thời rửa chân tay
Chớ rửa lông mày chết cá ao anh!

Hến đợi Khoai đến gần và hát rứt câu mới hỏi:

— Sao rửa lông mày lại chết được cá hả anh?

Khoai vui-vẻ trả lời ;

— Vì họ vi lông mày sắc như lưỡi dao... chứ sao ?

Khoai trả lời xong, lấy làm đắc-trí và tự cho mình là thông thái lắm ! Còn Hến thời vội-vàng lấy áo cánh mặc và buông quần chùng xuống.

Hến thấy Khoai cầm một quyển sách ở tay, thời hỏi :

— Anh Khoai cầm quyển sách gì đấy ?

— Ấy quyển lịch Tầu, tôi mang lại cho ông Lý mượn. Chẳng biết ông Lý mượn lịch để làm gì ? . . . Hay lại xem ngày cho chị Hến về nhà chồng đấy !

Hến nguýt Khoai và tươi cười đáp lại :

— Em thời ai lấy. . . Chú em mượn lịch để xem ngày nào nên phá bếp xây lại, vì thím em đau mắt, chữa mãi không khỏi. Phiên chợ vừa rồi, chú em có xem bói, thầy bói bảo phải phá bếp xây quay mặt về hướng tây thời mới khỏi. . .

Khoai hỏi :

— Ông Lý có ở nhà không ?

— Chú em có nhà đấy.

— Thôi để tôi mang quyển lịch vào cho ông Lý mượn rồi lại ra nói chuyện với chị.

— Phải đấy, gần tối rồi, tôi cũng phải vào thắp đèn đây.

Hến sɔc dồ bát lên cạnh sườn, cùng Khoai đi vào phía nhà trong. Khi hai người đi đến gần cây rơm thời Khoai đột-nhiên nắm lấy cánh tay Hến, làm Hến dật mình, đứng sững lại. Khoai âu-yếm nói tắt một câu :

— Tối mai đến phiên tôi phải ở điếm cổng làng ; vậy tối mai Hến ra đấy nhé !...

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE
R.F.
IMPRIMÉS

Ai muốn xuất bản

những sách kể trên, xin viết thư cho soạn-giả

M. NGUYỄN-XU ÂN-NGHỊ

kiến - trúc - sư

Tòng sự tại Bộ Công-Tác Huế

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

Sắp in

BIỆN - CHÍNH
TIỂU TỰ - ĐIỂN

GIẢI - THÍCH RÕ NHỮNG
TỪ-NGỮ TƯƠNG-TỰ HAY
DÙNG LẦM LẪN VỚI NHAU
NHƯ **BÀNG - QUAN** VỚI
BÀNG-QUANG, LÂN-BANG
VỚI **LIÊN-BANG** V. V. . .
(TỦ SÁCH HÀN - LÂM)



QUỐC - HỌC THƯ XÃ

GIÁM - ĐỐC LÊ - VĂN - HÒE

16 — bis Tien-Tsin — HANOI

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

SẮP IN :

TÂN HỌC-THUẬT TỪ-ĐIỂN

Giải thích những từ-ngữ mới thuộc các môn học mới như *Triết-học*, *Kinh-tế*, *Chính-trị*, *Quốc-tế*, *Quân-sự*, *Xã-hội*, *Pháp-luật*, *Nghệ-thuật*, v. v... Có chua chữ Hán và chữ Pháp.

Muốn hiểu rõ nghĩa những từ-ngữ mới như *lãnh-sự tài-phán*, *trị-ngoại pháp-quyền*, *pháp-nhân tư-cách*, *kinh-tế khủng-hoảng*, *Quốc-gia xã-hội chủ-nghĩa* v.v. v.v... cần phải tra cứu bộ từ-điển này.

In cả bộ một lúc, e sách dày quá, khó mua, khó bán, nên sẽ phát-hành dần từng tập mỏng khổ giấy 20 x 30 liên-tiếp để tiện ai cũng có thể mua được.

Hãy đọc

của KHỔNG - DƯƠNG

CỨU LẤY THANH - NIÊN

Một chương-trình cải-tạo
và gây dựng thanh - niên
Việt - Nam cần phải thực-
hành ngay từ bây giờ

NHÀ XUẤT - BẢN ĐỒNG - NAI

Thư-từ và tiền-bạc để cho :

M. TRƯƠNG VĂN HAI
— 248, Lagrandière —
SAIGON

Boîte postale 220 *Téléphone 20.453*

QUỐC HỌC THƯ XÃ

Registre du Commerce de Hanoi nº 855

Giám - Đốc : LÊ - VĂN - HÒE

16 bis — Rue Tien-Tsin — HANOI

ĐÃ XUẤT-BẢN

QUỐC-SỬ ĐÍNH NGOA 0$50

(*Được hầu hết báo-chí Đông - Dương ngợi khen*)

NGƯỜI LỊCH-THIỆP (hết)

THI - NGHỆ 0.48

TRĂM HOA 0.60

TẦM NGUYÊN TỪ-ĐIỂN (hết)

THI-THOẠI (còn ít) 2.00

(*được các báo Opinion, Tin Mới, T.B.C.N. ngợi khen*)

LƯỢC KHẢO về MỸ-THUẬT VIỆT-NAM 1.50

SẮP PHÁT HÀNH

ĐẠO SỐNG

Nghiên-cứu và phê-bình các chủ - nghĩa luân - lý triết-học Tây-phương như Aristippe, Epicure, Comte, Kant *v. v. . . Đông-phương như* Lão-Tử, Khổng-Tử, Thích-Ca, Dương-Tử, Mặc-Tử *v.v.,. để làm lấy một đạo sống chiết-trung.*

Giấy thường giá 2p00

Giấy lệnh-chỉ và registre 4p00

SẼ XUẤT - BẢN

TỦ SÁCH « HÀN LÂM »

Triết-học Từ-Điển.
Tân-Học thuật Từ-Điển.
Hán-Việt — Việt-Han — Phổ thông từ-điển.
Biện-chính tiểu Tự-Điển.
Tầm-nguyên đại Từ-Điển.
Hán văn đồng-âm tự-điển.
Hán-văn chinh tả tự-điển.
Tân khoa-học Từ-điển.
Trung-nam Y-dược đại từ-điển v.v.

TỦ SÁCH « HỌC THUẬT »

Triết-học đại-cương. Siêu-hình-học.
Học-thuyết Khổng-Tử. Học-thuyết Mặc-tử v.v.

TỦ SÁCH « QUỐC-HỌC »

Việt-Nam văn-pháp. Quốc-sử khẩu truyền.
Phong-dao giải-thích. Nam-thi bình giảng
Khảo về văn biền-ngẫu Đại-đô-đốc Vũ-văn-Dũng v.v.

TỦ SÁCH « TIỂU KHIỂN »

Mạnh-thường-Quân. Bình-nguyên-Quân.
Khuất Nguyên Tô-Tần
Kinh-Kha Quản-Trọng.
Ngũ Tử Tư. Pách-lý Hề,
Liêu trai chí dị Thần thoại Hy lạp.

Thư và ngân-phiếu đề
M. Lê-văn-Hòe
Giám-đốc QUỐC-HỌC THƯ-XÃ
16 bis Rue TIEN-TSIN Hanoi

Từ nhà kho Quán Ven Đường

SÁCH NÀY IN TẠI
NHÀ IN THỤY-KÝ
98 PHỐ HÀNG GAI
HANOI XONG NGÀY
31 JUILLET 1942

國學圖書館

GIÁ : 1$50

